

CHƯƠNG BA

1

Tôi nay làng có việc, việc đại trọng chứ chẳng bỡn. Cụ Tiên Hách sai thằng Bồng, mấy đời cha truyền con nối làm mõ ở cái làng này. Đời cụ, đời ông, rồi bố nó và bây giờ là nó đều là dân ngụ cư, thâm niên rao mõ. Con cái của Mõ sinh ra không được đi học, khi lấy chồng, lấy vợ chỉ được lấy con nhà Mõ. Làng này chỉ có nhà nó là mõ, lại toàn nhất đinh, nên không biết lấy ai. Lấy gái mõ làng khác đâu có dễ, nên đến bây giờ ngoài ba mươi rồi vẫn chưa có vợ. Gọi là Bồng vì hàng ngày nó cứ đi quanh làng, ngửi thấy nhà nào nấu rượu có mùi bốc lên là sà vào húp bát bồng. Hễ ai hỏi thì nó trả lời gọn lỏn "mâm trên uống rượu thì mâm dưới ăn bồng". Nghe xong ai cũng cười - chua cay thế mà ngon. Mỗi khi làng có việc to, việc nhỏ là nó chạy khắp làng, rao có bài bản. đầu đuôi dẻo như kẹo ai nghe cũng phải răm rắp làm theo. Làng có đình đám, cả gia đình Mõ được huy động ra làm "việc làng". Thằng Bồng có tài chặt thịt, mâm trên có bao nhiêu suất, thì đủ ngần ấy "đầu gà má lợn" miếng nào cũng vuông vắn mỏng như giấy. Nếu không nhờ tài của thằng mõ thì làng này đã xảy ra nhiều cuộc tranh giành phần ăn. Khi chia

phần, dân làng cũng chia cho Mõ một cỗ riêng, ăn không hết thì mang về.

Chiều nay cụ Tiên chỉ dặn: "Chiềng làng chiềng chạ, thượng hạ, tây đông, ai muốn lấy đất ra đình mà chia" thế mà nó nghe đâu lại rao rằng: "Vận nước đã đổi, thằng Nhật, thằng Tây đã cút. Vua quan đã truất. Việt Minh là ta, ruộng đất về tay, ai muốn nhận đất ra đình mà chia. Chiềng làng chiềng chạ". Ừ nghe được, có lý, cụ định gọi vào cho nó một trận, nhưng lại thôi. Ngẫm lại mấy ngày nay, khắp nơi ầm ầm hết cướp kho thóc, lại cướp chính quyền. Chỉ có làng Khánh Hữu là yên, vì rằng làng này không có chứa chấp cái gì của Tây của Nhật. Một hồi bọn Nhật về đóng trại ở bãi cát, đã giết hại bao nhiêu người, cả nhà lão Phiêu xóa sổ, điên tiết lão đóng giả Thành Hoàng làng dọa nạt, thế là cút sạch. Lại một lần con ngựa đen của Nhật, chạy qua cánh đồng làng, đói, rét gục xuống chết. Gần đấy có một người họ Phạm làng Khánh Hữu đang làm ruộng, bị bắt oan và chu di tam tộc về tội giết ngựa. Được tin cụ Tiên nhanh chóng cho rà soát lại sổ đình ai mang họ Phạm, được đổi ngay sang họ Trần. Quan Nhật xồng xộc kéo vào làng, tìm sổ đình mãi không có ai họ Phạm, tức tối đành phải rút lui. Từ những chuyện đó Tây, Nhật, các quan huyện, chánh tổng đều kính nể cụ Tiên và tránh xa cái làng Khánh Hữu. Mấy ngày qua Khánh Hữu không ồn ào, nhưng vui lây cùng với các làng lân cận. Thóc, gạo, ngô khoai ùn ùn kéo về. Thằng Tráng và Cốc được cụ Tiên sai đi mua lưới đánh cá thì không mua, lại xông vào huyện đường giết quan tri phủ, rồi kéo về một xe bò đầy ụ thóc. Có gạo, bà Tiên nấu luôn cơm cúng cho các vong linh trên

chùa bằng gạo trắng thay cho gạo đỏ như mọi khi. Máy nhà hàng xáo có thóc làm hàng. Phiên chợ hôm qua đã có dăm hàng bán gạo, giá gạo hơn (rẻ) hẳn. Người có ăn, làng xóm trở lại yên bình. Sáng sớm, khi tiếng gà gáy râm ran vang vọng khắp xóm làng, như xé tan bầu không khí yên tĩnh của buổi sớm mai, gọi mọi vật tỉnh giấc sau bao đêm dài yên lặng, đau thương. Làn sương mỏng mảnh như tấm khăn voan không lộ, bao trùm khắp không gian. Gió vẫn nhẹ nhàng thổi. Đã lâu lắm rồi mới thấy trong các bếp, ánh lửa bập bùng, làn khói trắng nhẹ nhàng bay lên. Đâu đó tiếng vo gạo sà sạt, tiếng xoong nồi va vào nhau loảng xoảng, mùi cơm mới nghi ngút bốc lên thơm lừng. Trên đường tập nập, nhộn nhịp những bước chân, tiếng trò chuyện của người đi làm, đi chợ, đi biển, cười nói vui vẻ, ríu rần...

Cụ Tiên thường nói: "Ở đâu thì mặc, chứ Khánh Hữu vẫn là Khánh Hữu. Trước đây gọi là Lý trưởng, bây giờ khởi nghĩa, gọi là Trưởng thôn hay Chủ tịch Liên Việt gì cũng thế thôi. Làm sao cho dân no, dân ấm, không có loạn lạc là được". Tới nay trước bàn dân thiên hạ cụ cũng nói vậy, chẳng tranh giành với ai, hơn nhau ở chữ nhân, chữ đức chứ không phải chức tước sang hèn. Việc gì cũng vậy phải cho nó công bằng và minh bạch. Xưa nay làng Khánh Hữu bên cạnh ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân, còn có ruộng công. Số ruộng công này theo định kỳ được phân chia cho các thành viên của làng cày cấy, canh tác. Hương ước ghi rõ: *"Châu thổ của làng thì định quân cấp như sau này: Con trai từ mười tám tuổi đến các cụ lão sáu mươi tuổi đều được hưởng một phần công điền như nhau. Cứ ba năm một lần phải quân cấp lại"*. Thế mà nay đã nhiều năm rồi,

chưa quân cấp lại. Trước ngày cụ Tiên làm Lý trưởng mọi việc đều vào đấy. Từ đạo Hương Cán làm đến nay ruộng đất, điền thổ rồi tung, rồi mù. Người chết vẫn được hưởng, người mới đẻ thì không được gì. Hương hội, lý dịch chia nhau miếng ngon, miếng tốt. Vụ đói tháng ba vừa rồi, cả làng có một trăm hai mươi một người chết, đấy là chưa kể người phiêu tán các nơi. Cứ như vậy, chết đói là phải, lấy đâu ra ruộng mà cày cấy. Đã vậy lần này cụ Tiên quyết ra tay chia lại ruộng đất công. Không nể nang tây vị một ai, cứ Hương ước mà làm. Khánh Hữu là Khánh Hữu. Trước mặt các vị bô lão và dân đình, cụ Tiên dứt khoát:

- Làng ta có đến hai trăm sáu mươi mẫu, năm sào công điền, trừ bãi tha ma, đất đình chùa mười năm mẫu, còn lại hai trăm bốn mươi lăm mẫu năm sào, đem quân cấp - nghĩa là chia đều, Điều hai mươi của Hương ước quy định như vậy.

Nhằm bảo đảm công bằng trong việc phân chia ruộng công, cụ Tiên đề ra những quy định rất cụ thể. Trong số ruộng công, sau khi trừ hết các phần cho tế tự, lễ nghi thì đem chia đều "phần nào cũng phải có xấu, tốt đều nhau". Trước khi cấp cho dân đình, Hương hội, lý dịch phải lập biên bản. Khi phân bổ thì làm tục gấp thăm, phải làm thành bốn quyền sở cấp, chia rõ từng phần điền cấp, đánh số từng mẫu sào, rồi cho gấp thăm, ai gấp được mẫu sào nào, thời điền ngay chỗ thượng đình ấy rồi cho điểm chỉ ngay dưới phần điền đã gấp được.

Điều đáng chú ý là các cụ trên sáu mươi tuổi vẫn được nhận đất công, dù ít hơn người trong độ tuổi lao động, khác hẳn với quan niệm "xuất lão vô sự" - già là nghỉ,

không được chia ruộng đất công như các làng khác. Khánh Hữu là Khánh Hữu. Ngoài ra, phần ruộng công dành cho việc "đấu cổ" tức là đấu thầu, cho thuê lấy tiền chi dụng việc làng cũng được cụ quy định rất chặt chẽ, thủ tục đấu, đến việc "tịnh cấm" hương chức không được tham gia đấu thầu.

Ông già Tín, hay gọi là ông "thì mà là" vì ông nói gì cũng phải chèn thêm mấy từ thì mà là vào, Ông ngồi xếp bằng tròn ngay ngắn, hàng chiếu trên. Người nhỏ thó gầy guộc, da xanh nhẵn nheo, hốc mắt sâu hoắm do nhiều ngày thiếu ăn và có triệu chứng của bệnh thổ tả. Ông vừa thổ, vừa cố ề à thì mà là, nhưng lại rõ nghĩa rằng:

- Thì mà là, ba mẫu ruộng của nhà Hương Cán đấy... thì mà là, sao lấy đất công xây lăng mộ... Thì mà là, phải trả lại cho dân chứ, thế là sao? thế...ế...thời đã đổi thay. Thời thế thế... thế thì thế thế.

Vợ Hương Cán ngồi ngoài sân đứng phất dậy:

- Sao lại đất công. Đây là đất gán bạc của quan tri huyện Nguyễn Quan Trường. Ông "thì mà là" mất mũi kèm nhèm biết gì?

- Thằng quan ấy chết ngóm rồi, Phủ đường bây giờ treo cờ đỏ sao vàng. Có bà bị đất nó phủ kín mắt thì có. Ai đó bệnh ông "thì mà là".

- Thằng Tráng làng này to gan thật, dám xông vào Phủ đường định bắt thằng Tri huyện thì nó đã chết cứng rồi. Vào tay tôi, băm nó ra làm nhiều mảnh. Khởi nghĩa rồi, sợ gì?. Ông trung niên to khỏe nói hùng hổ.

- Thì mà là, Hương Cán, thì mà là, bị Nhật nó bắn... Ông thì mà là, nói chưa hết, bà Hương lại xía xối:

- Trời ơi là trời, chồng tôi chết cũng không yên, người ta định đào mả lên đây này, làng nước ơi!

Cuộc tranh cãi đang âm ỉ, chưa đâu vào đâu thì bỗng dưng ông Tín "thì mà là" lẫn đùng ra giữa đình, sùi bọt mép, thượng thổ hạ tả lênh láng ra chiếc chiếu hoa, giầy giữa rồi tắt thở. Mùi tanh nồng bốc lên sặc sụa. Mọi người hoảng hốt nhón nháo, bỏ chạy. Cụ Tiên sai thằng Bồng vuốt mắt, mấy trai làng khênh ra bãi tha ma Hoang Điền để làm lễ an táng. Thì ra ông Tín đã dính bệnh thổ tả nhiều ngày nay, mà không biết. Trong những ngày đói khát vớ được gì cũng ăn, ra biển nhặt được con ốc, con sò nướng qua là ăn. Sau cái ngày có được ít gạo lấy ở kho thóc Nhật về, đang đói vớ được ăn lấy, ăn để, no quá bội thực, thế là bụng ông trương phình lên. Hôm nay nghe tin làng chia lại ruộng đất, ông cố chống gậy đi nhận phần. Đất chưa thấy đâu thì đã chết. Cũng may ông yên phận được hai thước đất trong bãi tha ma Hoang Điền. Chứ ba mẫu như Hương Cán thì nó lại đào mả lên.

Cái đói chưa qua, cái bệnh lại ào ào đến. Bệnh thổ tả là kinh lắm, nó lây truyền rất nhanh. Trong nhà có một người bị, thì cả nhà bị. Trong làng có nhà bị, thì cả làng chạy không kịp. Nhớ cái năm Bính Sửu tại Bắc Kỳ dịch tả giết bảy mươi lăm nghìn người. Làng Khánh hữu cũng chết kha khá chẳng ai nhớ được. Cụ già nhiều tuổi nhất làng bảo rằng, cái góc trong cùng Hoang Điền là mộ của người chết bệnh thổ tả. Kinh khủng lắm, đi ỉa chảy chỉ từ nửa ngày đến năm ngày là chết. Phân như "nước gạo" và có mùi tanh, mỗi ngày đi vài chục lần, tháo ra như nước cống, không có cách nào cầm được. Mọi người gọi đó là

"cái chết xanh" do bị mất nước quá nhiều nên da chuyển sang màu xám xanh.

Ông Tín "thì mà là" đúng thổ tả rồi. Cách đây không lâu, bà Tèo gù mẹ thằng Xoa cũng tự dưng lăn ra chết. Lúc đó chỉ đoán rằng bà già yếu không chịu nổi đói thì chết. Người đã gầy như cái xác ve lại chả chịu ăn uống gì. Ngày ngày chui ra chui vào cái nhà hai gian thấp lè tè, trên mái rạ cũ kĩ là những cây tre mọc thếch được chằng ngang, chằng dọc để chống gió bão. Chiếc chum màu da lươn đựng nước mưa để cạnh cột hiên, có mảnh rá mắt cạp đập lên. Chiếc gáo dừa nhỏ, nhẵn bóng có cán treo trên cột. Thằng Xoa làm công cho cụ lang Tế Mỹ có mấy đồng gửi về cho mẹ đóng gạo, lại quán vào bao tượng để dành cưới vợ cho con. Bà cứ ăn vớ, ăn vẩn, nhặt vài cọng rau tàng tàng ở bờ ruộng nấu bát canh xị sụp. Bà có tài bắt chuột giỏi lắm, cứ ra đồng thế nào cũng móc được con chuột, mang về thui vàng, xé nhỏ chấm muối chanh, ăn rồi ra chum múc nước uống ừng ực. Thế là "cái chết xanh" có chừa bà đâu. Thằng Xoa về chỉ kịp nghe mẹ dặn một câu và đưa năm đồng xu: "cưới vợ đi con nhé, mẹ đã dạm cái Mơ cho rồi đây, tiền đây có thể nào làm thế, nhà mình nghèo chẳng ai cười chê đâu mà sợ". Xoa vội vàng công mẹ lên thầy Lang Tế, nhưng không kịp, đến nửa đường thì chết.

Cụ Tiên sai thằng Bồng đi gọi tất cả hương hội, lý dịch đến giao việc cấp tốc:

- Không thể coi thường cái bệnh thổ tả này, nó còn ghê hơn cả chết đói, sống thần. Phải hạ cổng làng xuống nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Cấm họp chợ. Cấm cho thuyền bè ra khơi đánh cá, sợ nước biển và cá mang bệnh từ nơi

khác về. Cấm ăn gỏi tôm, cá, ...Cấm uống nước lã ở ao làng. Nhà nào có người mắc bệnh phải kiêng cử. Ngay bây giờ gọi thằng Tráng và thằng Xoa mời thầy lang Tế Mỹ về xem mạch và bốc thuốc.

Cứ thế làm đi. Khánh Hữu là Khánh Hữu.

Ba ngày hôm nay thầy lang Tế và Tráng phải lên tỉnh lý Thanh Bình chống dịch Tả. Đặc biệt là phố Tây trầm trọng nhất, người làng Tôm chết la liệt. Họ làm nghề gấp phân, tiếp xúc với những thùng phân sống lây lan rất nhanh. Tất cả các ngã đường vào phố Tây cấm ngặt, người đi đồ thùng phải nghỉ việc cho đến khi nào dịch tả dập tắt. Từ ngày Tây rút đi, các hố phân và bãi phơi phân khô của bọn cai thầu không xuất về nước, bỏ lại, tênh hênh ra đấy, đầy ruồi bọ. Cái chết của lão chủ thầu Phong mới rùng rợn làm sao. Bao vốn liếng dồn cả vào phân, thế thời thay đổi, Pháp không lấy phân mang về nước nữa, còn dân ta thì kinh tởm vứt đi cũng không ai nhặt, phân ế? Vợ con ở Hải Phòng, chạy theo thằng Tây, kỹ sư máy nghiền ở Nhà máy Xi măng chuẩn về Pháp. Lão Phong trắng tay, buồn rầu lăn ra ốm, các loại vi khuẩn tả đã tiềm ẩn trong người mỗi lần ném phân, trối dậy hành hạ. Người gầy giộc, tái mét xanh búng, nói không ra hơi. Điên cuồng lão ngã lăn xuống hố phân chết. Đúng là "Sinh vì nghiệp, tử vì nghiệp". Từ cái chết ấy, cả làng Tôm chìm trong tang thương. Bao đời nay nước ngập ngựa, không đất cắm dùi, không nhà, không cửa, bây giờ tự nhiên có nhà cao cửa rộng, giành được của bọn Tây thất trận, chưa kịp ở lại lăn ra chết. Duy nhất, chỉ mặc váy ngắn "chủ" dinh thự Tuyết Hồng được Thầy lang

Tế kịp thời chữa khỏi. Còn anh chàng trung niên nắm vào "chỗ ấy" của chị cười khanh khách đi vào "thiên đường hạng nhất" cũng chết. Hai người đã bàn tính, bây giờ có nhà, có cửa sẽ làm lễ cưới. Tất cả đã quá lứa, quá thì vì cha mẹ sinh ra nghèo đói, đành côi cút kiếm ăn. Cái "chỗ ấy" của người chị là duy nhất anh ta biết đến và vong hồn mang theo vĩnh viễn. Mỗi lần nghĩ đến cái chết của anh ta chị lại hãi. Nôn mửa, ỉa chảy lênh láng, người lờ đờ, mệt lả, nói thều thào đứt quãng, không thành tiếng "Mình ạ... tôi đi đây... nếu... nếu mình có mang... mà đẻ ra thằng cu thì... thì đặt tên nó là Gấp... Gấp, cố... cố mà nuôi nó lên người, đừng cho làm cái việc như mình và tôi... mặt hạng lắm... lắm". Chị cũng đang lên cơn sốt, nắm bàn tay nóng bỏng vào bàn tay lạnh giá của anh thì thầm: "Ừ mình đừng lo, tôi sẽ nuôi nó, đổi đời rồi không phải đi "gấp" nữa đâu. Mình bỏ tôi lại thế này à mình ơi. Số kiếp tôi, sao lại khổ thế hử trời?..."

Cả làng Tôm thay nhau làm kiếp chôn người. Hôm nay tôi chôn người này, ngày mai người khác lại chôn tôi. Sân quần của dinh thự Tuyết Hồng trở thành bãi tha ma, người đầu tiên là ông Cầm gác cổng, đến nay đã đông, đầy.

Hai trai tráng làng Khánh Hữu khỏe như trâu mộng, khênh cáng vừa đi vừa chạy. Trước khi đi cụ Tiên đã dặn, phải mời bằng được cụ Lang Tế về, càng sớm càng tốt, dịch tả đang đe dọa bao nhiêu tính mạng của dân làng. Chậm một ly, đi một dặm. Nằm trên cáng cụ Lang Tế suy nghĩ miên man. Mấy ngày nay thật vất vả, lo cứu chữa cho dân làng Tôm. Sự thể quá muộn. May có một người tìm

về cửa hiệu Tế Mỹ để lấy thuốc mới hay tin dữ này. Thấy bệnh nặng thầy cho điều trị cách ly tại nhà thầy cùng với một số bệnh nhân khác. Lập tức Thầy và Tráng thu xếp về ngay làng Tôm. Cửa hiệu giao cho Bà Lang và Hạnh Mỹ. Về đến nơi thì nhiều người đã chuyển sang giai đoạn cuối, hết đường cứu chữa, nhìn họ từ từ nhắm mắt buông tay mà đau lòng. Bây giờ được tin Khánh Hữu có dịch là cụ đi ngay, công việc ở làng Tôm đã tạm ổn, để lại cho Tráng tiếp tục.

Thỉnh thoảng cụ lại thò đầu ra hỏi phu cáng và mấy người mang đồ đạc, dụng cụ đi cùng:

- Sắp đến nơi chưa các trai. Cứu người như cứu hỏa nhanh lên nhé.

- Cụ tranh thủ nhắm mắt đi một tý, gà gáy là đến ngay thôi ạ. Anh phu cáng đi sau tên là Toái nói.

Nó bảo ngủ, nhưng ngủ sao được. Ruột gan như lửa đốt. Làng Khánh Hữu, ông Tiên Hách là bạn đồng môn, chỗ quen biết nếu để xảy ra như làng Tôm thì mang tiếng chết. Bên ngoài, trời tối đen như mực, làng quê chìm trong yên lặng, không một tiếng chó sủa, mèo kêu. Ừ, còn chó mèo đâu mà sủa, trận đói vừa qua đã giết hết rồi còn gì. Thi thoảng tiếng chim lợn bay qua kêu in in đến rợn người. Chim lợn kêu ở đâu, ở đấy có người chết. Đúng vậy xa xa văng vẳng đến tiếng kèn đám ma nào nuốt. Cụ lang sốt ruột ngồi hẩn dậy, hai tay vịn vào cáng làm cáng chao đảo, cụ hỏi:

- Đây là đâu vậy các trai?

- Thưa cụ đây là làng Tó ạ. Anh Toái phu cáng nhanh nhẩu trả lời.

- Vậy hả, chắc có nhiều người chết bệnh, nên kèn trống rên rĩ lắm, cho ta vào đây một tý có được không?

Anh Toái vội vàng thưa:

- Bẩm cụ không được đâu ạ. Đêm hôm thế này không tiện.

Anh phu cáng đi trước tên là Nho chen vào:

- Vả lại người ta có mời thầy đâu ạ.

Nghĩ cũng đúng, đâu phải việc của mình, ăn có mời làm có khiến chứ, nhưng tiếng kèn trống mỗi lúc một gần thôi thúc lương tâm, thầy lang Tế lại gặng hỏi:

- Tội nghiệp quá, người thì chết mà ta lại có thuốc, không cho họ uống được sao?

- Họ không mời, cũng phải mua chứ ạ. Nho tiếp lời

- Ta có bán đâu. Mười hai đường nhân quả Phật đã dạy rồi. Sẵn lòng cho đi thì phúc báo càng đến nhiều mà. Thầy Lang Tế giải thích.

- Thưa cụ đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn ạ. Chúng con chết vì nghèo, chứ kẻ giàu có thấy ai, chết đói, chết bệnh đâu ạ.

Hai anh phu cáng vừa rảo bước, vừa nói chuyện. Thầy Lang Tế, thấy đau lòng. Anh phu Toái là người láu lỉnh lại thêm vào:

- Dạ, đi mời phải kèm theo tiền thì người ta mới đến đây ạ. Ví như làng con, hồi rước Sắc Phong nhà vua ban, mời được quan tri huyện về dự phải hai lần mang lễ vật lên mới được đây ạ. Lần thứ nhất một giầy ngọc trai, quan bảo bận không về dự được.

Thầy Lang Tế sốt ruột dục Toái:

- Rồi sao nữa?

- Chả là làng con có cụ Vận “con cá kình siêu hạng” ông tổ mò ngọc trai, chuyên nghề lặn biển lấy ngọc. Chúng con cũng theo cụ hàng tháng trời mới lấy đủ một sọt.

- Kể tiếp đi. Thầy Lang nóng ruột muốn nghe Toái kể đầu đuôi câu chuyện.

- Thì ra quan tri huyện đánh tiếng phải hai giầy ngọc cho hai bà vợ, cái bà vợ thứ hai theo Tây đen chạy sang Pháp rồi đấy. Thế là quan mới khệnh khạng về dự. Chỉ khổ dân đen chúng con thôi, có ai biết sống chết ở dưới đáy biển mò ngọc như thế nào đâu ạ.

- Ta biết bà ấy, nhưng bây giờ đã đổi mới rồi. Thầy Lang an ủi.

- Chúng con mong vậy đây ạ. Anh Nho ước ao.

- Thế còn ta, hôm nay các anh lên mời có mang lễ vật gì không? Thầy Lang vừa cười, vừa hỏi vui.

Hai anh phu cáng và một số người đi cùng chỉ cười, không biết nói gì, anh Toái phu cáng đi sau khôn ngoan hơn đồng dặc:

- Thầy là ân nhân của chúng con rồi, thầy cho chúng con cuộc sống thế này, chúng con phải tôn thờ và tạc tượng chứ ạ.

Câu chuyện vui vẻ của mọi người, vẫn không át được tiếng khóc và tiếng kèn trống đám ma, từ đâu vắng tới ngày một rõ. Thầy Lang cho dừng lại và dứt khoát:

- Các anh không cho ta vào làng này, phải đi gấp về Khánh Hữu, đành vậy, ta để anh Xoa ở lại, mang gánh

thuốc này vào phát cho mọi người. Ai có bệnh thổ tả thì phải uống ngay, còn các việc phòng chống dịch tả, thì làm như lời ta đã dạy. Được chưa nào?

Xoa chấp tay lạy:

- Con biết ơn Thầy và làm theo lời Thầy dạy. Xin Thầy và mọi người yên tâm, thượng lộ bình an ạ.

Đoàn người vui hân lên, gồng gánh, vội vã lên đường. Trời vẫn tối om phải lần mò từng bước. Hai anh khênh cáng đi nhanh, nhưng cố gắng nhẹ nhàng để thầy nghỉ ngơi mai còn làm việc. Mọi người rảo bước trong im lặng, xa dần tiếng kèn trống đám ma. Bất thành lình từ phía trước ba người vác gậy gộc, xông xộc đến, quát:

- Đứng lại, không được vào làng, nội bất xuất, ngoại bất nhập.

- Chúng tôi về Khánh Hữu chống dịch tả.

Anh Nho phu cáng trả lời, gạt họ, vượt lên bị cản lại, quát:

- Làng này cũng đang dịch tả, muốn chết à? Đi đường khác.

Nghe đến đây thầy Lang Tế xuống cáng hỏi:

- Các anh em ơi cho hỏi, người làng ta bị bệnh như thế nào, có nhiều người mắc không?

- Hàng chục người chết rồi, bệnh thổ tả không chữa ai đâu, các ông đi đường khác, kéo lại chết oan.

Bà cụ đội thóc hôm nọ, dẫn đường cho bà Lang bế thằng con Tây đen chạy loạn, từ trong ngõ ra. Bà reo lên:

- Ai như thầy Lang Tế phải không ạ? - Bà quay lại nói với cánh gác cổng làng - Chúng mày ơi! thầy Lang Tế giỏi lắm đấy, mời thầy vào bắt mạch cho mọi người đi. Đến là khỏe, con đói qua rồi lại đến thổ tả, nằm la liệt ra kia kia.

Ba anh gác cổng chấp tay cúi chào:

- Chúng con chào Thầy ạ. May mắn cho làng con quá, lại được đón Thầy về cứu chữa. Xin mời thầy vào đình, cụ Nghị làng con, đang ở trong ấy đấy ạ.

Bà cụ đội thóc, nắm tay thầy Lang Tế vừa như van xin, vừa như cố chiếm về mình lời đi, mếu máo:

- Thầy ơi! Thầy về muộn quá, nhà con có thằng cháu đích tôn đã mất rồi. Chả ai biết là bệnh gì, nó đi ngoài ra toàn nước là nước, có hai hôm người tóp lại còn da với xương, không trắng trời được điều gì. Thế là họ Mai nhà con triệt mất rồi Thầy ơi. Lá xanh thì rụng, lá vàng trên cây.

Đột ngột quá, thầy Lang Tế ôm chặt lấy bà như người con xa quê hương trở về:

- Mẹ (Mẹ) ơi đừng buồn, dịch tả đang hoành hành khắp nơi, nó đã làm biết bao nhiêu người chết. Chúng con đang đi chống dịch. Mẹ cũng phải uống thuốc đi, nó không trừ một ai đâu.

Được câu an ủi bà yên lòng, kéo vạt áo lau nước mắt rồi khoe rồi rít, làm như câu chuyện ấy chỉ có một mình bà biết:

- Hôm cướp chính quyền ở trên huyện ấy - Bà nói với đám thanh niên làng - chúng mày có biết không? tao vào tận cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ của thầy, to lắm, nhiều thuốc

lắm, thuốc gì cũng có, chữa bách bệnh. Thầy giỏi lắm, bắt mạch là bệnh gì cũng tòi ra. Bà Lang cũng rất nhân từ, nuôi con cho thẳng lính Lê Dương đến lúc nó cướp đi mang về Tây cũng chỉ hoan hỉ cười. Nào mời Thầy, Thầy ra tay giúp đỡ dân làng chúng tôi với. Đúng là ông Trời đã mang Thầy đến cho chúng tôi thật rồi.

Với những tấm lòng quý mến và tin tưởng của dân làng, đã làm Thầy Lang Tế suy nghĩ, song việc gì cũng cần, cũng gấp gáp. Thầy đành phải quyết định:

- Thôi bây giờ thế này nhé. Ta phải về làng Khánh Hữu ngay, đây là người của làng lên đón. Khánh Hữu cũng đang rất gay go. Ta sẽ để một người ở lại phát thuốc cho ai bị bệnh thổ tả, và hướng dẫn mọi người làm các việc phòng tránh, dập nhanh dịch bệnh. Bất cứ lúc nào kể cả đêm hôm, nếu có ai nguy cấp thì đưa sang Khánh Hữu để ta điều trị luôn - Thầy quay sang bà lão đội thóc - Thưa mẹ thế có được không ạ, mẹ và dân làng thứ lỗi cho tôi.

Bà lão đội thóc hơi buồn, nuốt nước mắt, nhưng rồi cùng với mọi người vui vẻ làm theo ý Thầy.

Người ở lại là anh Hà gánh thuốc đi cùng đoàn. Trong những ngày đói kém anh đã được thầy curu mang chữa trị. Qua cơn đói khổ, thấy anh tinh nhanh, chịu khó thầy đã giữ lại làm thuốc cao đơn hoàn tán chữa bệnh thổ tả. Mấy ngày nay anh theo thầy đi chống dịch khắp nơi, nên rất thông thạo mọi việc và đủ độ tin cậy.

Thế là dọc đường về Khánh Hữu thầy Lang Tế đã để lại hai đệ tử tin cậy, cùng với Tráng ở làng Tôm làm thành một mạng lưới dập dịch, bệnh Tả.

Đoàn chống dịch của thầy Lang Tế, mãi đến khi mặt trời mọc cao hơn một con sào mới về đến làng Khánh Hữu. Cụ Tiên Hách ra tận cổng làng đón. Hai người bạn già, lâu ngày mới gặp nhau tay bắt mặt mừng, Cụ Tiên vỗ vai thầy Lang Tế đánh đét một cái nói:

- Chuyện riêng gác lại, thầy về là mừng rồi. Cái bệnh thổ tả quái ác quá, giết người như bôn. Có cách gì thì phơi ra đi, xem nó có sợ thầy lang không nào?

Tuy một đêm đi đường rất mệt, nhưng thầy Lang Tế vẫn nở nụ cười, đáp lại những câu nói hóm hỉnh của nhà nho

- Thầy trò chúng tôi đông như thế này cơ mà, dịch tả hay dịch gì cũng phải cong đuôi chạy. Từ tối đến giờ, trên đường về đây đã phát hai gánh thuốc. Chỉ vài ba ngày là dập tắt được dịch bệnh - Thầy quay sang ra lệnh cho mọi người - Nào, ai vào việc này đi.

Đến giờ phút này, ngoài hai người chết là ông “thì mà là” và bà Tẹo, Khánh Hữu có ba mươi hai người mắc bệnh. Cụ Tiên Hách rất cẩn thận, phân loại bệnh nhân cho cách ly để điều trị. Mười bốn người nặng được nằm ở nhà ngang sân chùa Phong Điền, còn lại nằm ở Bái đường đình làng. Tuyệt đối không để một ai nằm ở nhà. Nhà có người ốm cử ra một người đến trông coi, phục dịch, chờ thầy lang về bắt mạch. Tất cả ngăn nắp và trật tự như một nhà thương lưu động. Việc đầu tiên là thầy Lang Tế bắt mạch cho các bệnh nhân nặng rồi cho uống thuốc ngay. Cách đây hàng tháng, đón trước sự việc, thầy đã cho làm thuốc

cao đơn hoàn tán, bệnh nhân chỉ cần nhai và uống nước, không cần phải sắc, có như vậy mới cấp cứu nhanh được. Mỗi bệnh nhân chỉ cần uống ba liều là cầm, rồi uống nhiều nước gạo rang để bù nước đã mất. Sau khi cầm đi ngoài, sẽ điều trị các biến chứng do bệnh tả gây ra.

Số bệnh nhân nhẹ nằm ở Bái đường có cô Sen, vú em nhà bà Tiên. Sen được bà Tiên chiều chuộng ưu ái, hàng ngày cho ăn con sò, con ngán, con hào biển là những thứ có nhiều sữa để nuôi em Sửu. Những thứ này nếu sống trong vùng nước bẩn là ổ chứa bệnh tả và lây bệnh rất nhanh. Sen gầy rộc phải cách ly, Sửu không có sữa bú, bà Tiên lo lắng cấm tiệt mọi người không được tiếp xúc với Sửu. Thậm chí ông Tiên cũng không được về nhà, hàng ngày lo việc chống dịch xong phải ngủ lại nhà Từ Đường, có người com nước riêng. Thầy Lang Tế bắt mạch cho Sen xong, tươi cười nói với bà Tiên:

- Vượng phúc nhà ta lớn lắm. Đã cầm rồi, chỉ cần uống một liều thuốc thôi. Quan trọng bây giờ là lấy lại đường cấp sữa, một số tia bị tắc do biến chứng của bệnh tả.

Nghe đến đây bà Tiên mừng quá, nhưng lại xui mặt rất nhanh. Cái cần là sữa chứ, không có sữa thì lấy gì cho thằng Sửu bú. Bà khẽ hỏi lại:

- Thầy có thuốc gì không?

- Tôi sẽ bốc thuốc cho cô ấy, nhưng phải kết hợp với xoa bóp

Bà chưa một lần nuôi con nhỏ nên không hiểu lắm, nhưng chợt nhớ ra điều gì mạnh dạn hỏi:

- Nghe nói ngày xưa các cụ lấy lá mít xoa lên bầu vú, có được không hở thầy.

- Thưa bà, lấy lược chải và lá mít hơ nóng vuốt xuôi bầu vú cũng rất tốt. Nhưng xoa bóp là tốt nhất.

- Được rồi, để tôi làm thử xem. Bà Tiên vội vã về nhà xoa bóp cho Sen.

Từ sáng sớm, cụ Tiên Hách quần xắn móng lợn, ống thấp, ống cao đi đốc thúc từng nhà dọn dẹp vệ sinh nhà cửa. Nhà nào có người mắc bệnh cho rắc vôi bột từ trong ra ngoài, thiêu hủy rác rưởi đường sá quang láng. Cụ ra lệnh cấm bán các loài hải sản gây bệnh ở ngoài chợ. Cho người canh phòng các bến cảng chặt chẽ. Thế mà vẫn còn lọt lưới. Đêm đã khuya, cụ Tiên vừa ngả lưng đã có tiếng gõ cửa, trương tuần dẫn hai người vào thưa:

- Bẩm cụ, chúng con bắt được hai người này đang mổ chó ạ.

- Ở xóm nào? - Cụ Tiên bực dọc hỏi.

- Dạ bãi ngoài ạ - Trương tuần trả lời.

- Chúng mày tên gì? - Cụ Tiên hỏi

- Dạ con tên Mộc, còn thằng này tên Tồn ạ. Mấy năm trước cụ cho chúng con ra bãi ngoài ở mà, cụ quên rồi sao?. Hai người tranh nhau trả lời.

- Mộc, Tồn à? thảo nào thích thịt chó là phải. Các anh có biết, lúc này ăn thịt chó lợi hại như thế nào không? - cụ Tiên với ba toong dựng đầu ghế, đập xuống tràng kỷ.

Mộc thản nhiên nói:

- Thưa cụ, đã hàng năm nay không có miếng thịt chó, thèm quá. Chiều nay ra bãi biển, vớ được con chó lạc, dữ

lắm, không giết, nó xông vào làng cắn người thì nguy, nên chúng con giết, chả nhẽ vứt đi.

- Ừ làm thế thì được, nhưng có ăn tiết canh không?
Cụ Tiên hỏi.

Hai người tưởng cụ thích thịt chó nên cười vui:

- Thừa cụ có chứ ạ. Tiết canh là món hàng đầu mà.

- Có mắm tôm không?. Cụ Tiên lại hỏi.

- Cụ ơi phi mắm tôm, bắt thịt chó.

Bây giờ thì cụ Tiên nghiêm mặt quát:

- Một lũ ngu. Hai món đó là chúa bản, bệnh thổ tả ở đây ra chứ đâu. Đánh mỗi thằng hai mươi roi cho ta.

Hai người cuống quýt xin tha tội:

- Bẩm cụ! chúng con đâu có lỗi, chúng con làm đúng đấy chứ ạ.

- Còn cãi hả, đúng là sao?

Cụ Tiên bực lắm nó dám cãi lại mình. Tồn thanh minh:

- Là...mấy hôm rồi thằng mõ rao cấm ăn hải sản sống, cua cá chết...chứ không nói gì đến chó đâu ạ.

- Thằng Bồng đâu? Cụ Tiên gọi to.

Từ ngày lo việc chống dịch thổ tả, thằng Bồng luôn bên cụ Tiên để phục dịch cơm nước và các việc cần cấp. Bây giờ lại có thêm thầy lang Tế nữa, một tay nó làm tất. Nghe cụ Tiên gọi Bồng vội vàng chạy lên thưa:

- Bẩm cụ cho gọi con ạ?

Cụ Tiên hỏi thẳng vào việc:

- Sai mày đi rao cho dân làng phòng chống bệnh thổ

tả. Rao thế nào mà hai thằng này, nó bảo không có cấm thịt chó. Rao lại tao nghe?

Bỗng hắng giọng rồi cất tiếng rao không có mõ:

- Chiềng làng, chiềng chạ, thượng hạ, tây đông

Cụ Tiên cất lời luôn:

- Thôi thôi, ta hỏi mày có rao cấm thịt chó không?

Bỗng trả lời tinh bơ:

- Không ạ.

Được thể hai người kia cười đắc thắng:

- Thừa cụ, không phải tội của chúng con rồi nhé.

Cũng như năm nào đấy, thằng Tây cai trị đòi dân ta phải cách tân, đàn ông bỏ khăn xếp áo dài, mặc quần tây. Đàn bà bỏ yếm, bỏ quần áo tứ thân, cạo răng đen, mặc váy đầm ngắn. Vợ nhà con làm theo, diện ngay cái váy đầm ngắn đến bẹn hở tất cả “số ta” ra. Con mắng thì nó cãi lại: “quan trên bảo sao làm vậy, quan bảo ngắn thì mặc ngắn, đến đầu gối cũng là ngắn, đến bẹn cũng là ngắn lại đôi vải, còn “số ta” hở ra, ai nhìn thì nhìn, mặc kệ”. Đây thưa cụ, cái gì cũng phải rõ ràng, thì dân chúng con mới theo được chứ ạ.

Cụ Tiên đuối lời, đành xoa dịu

- Không dài dòng nữa, biết rồi nói mãi. Ta tha tội. Bây giờ vào ngay đình gặp thầy Lang Tế xin thuốc uống chống thổ tả nghe chưa?

Tất cả răm rắp cúi đầu lúi, ra khỏi cửa Mộc, Tồn ôm miệng cười phẫn chí, ngã đè lên nhau như những đồ vật trên xói.

Tiếng kèn đồng của ban nhạc hòa tấu Thánh ca bên làng Bái Môn, dồn dập ngân dài. Cụ Tiên đứng giữa sân chống ba toong, vênh tai nghe cho rõ, cụ lẩm bẩm “Lại có người chết rồi”. Quay lại nói với thầy Lang Tế đang mãi mê bắt mạch:

- Bên đó, Lý Khoái làm lý trưởng, thầy có biết không?

Thầy Lang Tế nghĩ một lúc mới nhớ ra:

- À tôi nhớ, có một lần chữa gót chân cho ông ấy. Nặng quá, đứt gân không liền được, tội nghiệp.

- Đầu phải ngã, lêng phéng với con mẹ hàng cơm trên phố huyện, chồng nó bắt được, cắt đứt gân chân đấy.

Cao hứng thầy Lang Tế ngâm mấy vần thơ:

- Ta rằng ta chả có ghen.

Vợ ta sao nở theo mày,

Ta nghiêng, ta nghiêng ra tro.

Tất cả mọi người cười vui thoải mái, dịu đi cơn đau đang hành hạ. Được thể Thầy Lang Tế lại động viên lấy tình yêu thương làm sức mạnh. Có tình yêu thương là có tất cả, đẩy lùi mọi bệnh tật - Nào cười lên, một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ. Những tiếng cười lại vang lên, lúc đầu yếu ớt, dần dần vang cả sân đình. Ai đó trong đám bệnh nhân vừa cười, vừa nói “Thầy giỏi quá, còn bày cho chúng con cười để chữa bệnh, vô cùng quý đây ạ”

Anh trương tuần được cụ Tiên sai đi dò xét tình hình bên Bái Môn chạy về thưa:

- Bẩm cụ bên Bái Môn nguy to rồi ạ.

- Nói rõ xem nào? Cụ Tiên nghiêm mặt quát.

Trương tuần thở hắt hắt, nói không ra hơi.

- Dạ, lão Lý Khoái chết rồi ạ.

Không khí im lặng lắng xuống giây lát. Sau đó một vài tiếng to nhỏ xì xào. Cụ Tiên đi đi, lại lại mấy bước rồi hỏi:

- Thở tả, hay chết bệnh?

Trương tuần líu ríu nói không đầu, không đuôi:

- Bẩm cụ, tất cả đường qua cầu vào làng Bái Môn đóng kín. Sông Nê nước đục ngầu, cá tôm chết nổi lênh bênh. Con đứng ở bên này hỏi một người đang vớt cá, anh ta bầu, người bị thổ tả chết ối ra - Con lại hỏi không uống thuốc gì à? Anh ta trả lời - Có đâu mà uống, mặc, chán rồi khỏi. Nội bất xuất ngoại bất nhập. Ông Lý Khoái thượng thổ hạ tả, đến giờ dần thì chết, đang chờ thăng Bằng con cả về chịu tang. Hết đây ạ.

Thầy Lang Tế, đứng phất dậy:

- Không để thể được, phải chữa trị ngay, tất cả thu xếp sang giúp họ.

Cụ Tiên suy nghĩ rồi nhẹ nhàng phân tích:

- Không được. Khánh Hữu với Bái Môn còn một lời nguyên muôn thủa, không vào được.

Không nghe lời cụ Tiên, thầy Lang Tế nói giọng hờn dỗi:

- Đó là hận thù của ông, chứ không phải của thầy trò chúng tôi. Hãy buông bỏ hận thù, cứu người như cứu hỏa. Nào tất cả lên đường.

Đoàn người chống dịch, gồng gánh qua cầu sông Nê, sang Bái Môn. Cụ Tiên và nhiều người Khánh Hữu đành phải nuốt hận đi cùng. Cổng làng giữa cầu đóng kín, trên treo lá cờ báo tang. Thằng Bồng bác loa tay gọi mấy lần không ai thừa. Trong làng tiếng kèn trống đám ma vọng ra âm ỹ. Hồi lâu mới có ba người vác gậy gộc chạy ra hỏi:

- Các người là ai? Anh ta nhìn qua khe cổng nhận ra, rồi à lên một tiếng:

- Dân Khánh Hữu hả? Cấm không cho ai vào.

Thằng Bồng nhanh nhẩu lên tiếng thay cho các cụ:

- Nghe tin cụ Lý mất, dân Khánh Hữu chúng tao sang viếng cụ. Nghĩa tử là nghĩa tận, trước sau như một, có gì nói chuyện sau. Mở cổng đi.

- Để tao vào thưa với cậu cả Bằng đã.

Chắc là người bên đó cũng là thằng mõ, quen biết nhau nên họ xưng hô ngôn ngữ đồng nghiệp.

Một người chạy vào làng, còn hai người vẫn nhăm nhe gậy gộc đứng canh. Thầy Lang Tế tranh thủ bàn với cụ Tiên: - Tôi và cụ vào viếng để xem tình hình, rồi hãy nói đến chuyện khác, được không? Cụ Tiên - Hay hay, thương sách. Nói rồi cụ ra hiệu cho mọi người để hai cụ ở lại trên cầu còn đám người gồng gánh quay trở về bên kia sông chờ đợi. Một hồi lâu hai người kèm Bằng đi ra. Trong bộ trang phục lễ tang Bằng đứng ở đầu cầu nói vọng sang:

- Các người làng Khánh Hữu muốn vào, phải mang nộp thằng Còi cho ta.

Vẫn giọng thằng Bồng, cụ Tiên đứng sau nói nhỏ để nó nói lại:

- Thằng Còi chết rồi.

- Nói láo, bằng chứng đâu?

- Thật đấy cả nhà nó chết hết. Không tin sang Nghĩa địa Hoang Điền mà tìm.

- Ta tin. Những ai cùng đi?

- Cụ Tiên Hách và thầy Lang Tế ân nhân của cụ Lý nhà ta đấy, mở cổng đi.

- Đúng vậy thì được.

Bằng ra lệnh cho ba dân phòng mở cổng. Thằng Bồng dẫn đường, hai cụ rảo bước đi theo. Bằng không chào hỏi ai đi nhanh về nhà, đứng bên linh cữu cha để làm nghi thức đáp lễ. Trong gian chính giữa ngôi nhà rộng năm gian là bàn thờ đơn giản, một bảng tên Thánh Phedo, một bình hoa huệ trắng, cây thánh giá. Phía sau quan tài, treo một tấm vải có thêu tên giáo xứ Bái Môn. Bà con trong làng và trong khu ngôi chật ba gian nhà đọc kinh, cầu cho linh hồn người đã mất. Ngôi hàng ghé đầu là bà vợ Lý Khoái mất mũi kèm nhèm, không nhận ra ai vào ai. Kế bên là Na vợ Bằng, con dâu chưa cưới. Tiếp đến là ông em ruột, Lý Khiếu, chú của Bằng. Thằng Bồng nháy mắt, ghé vào tai cụ Tiên thì thầm “Ông nhìn, cái Na đấy nó phải lòng thằng Còi nhà Tráng làng ta, tý nữa thì gọt đầu bôi vôi. Bây giờ bụng lại phưỡn ra với thằng Bằng”. Cụ Tiên gạt phất “Ton hót vừa thôi”.

Thực hiện lòng tôn kính đối với người quá cố, hai cụ vào làm nghi thức viếng, lạy hai lạy. Bằng và gia quyến đứng bên linh cữu trả lễ một lạy.

Ngồi tiếp nước hai cụ sau khi viếng là bà Cả, vợ lớn của quan tri huyện Nguyễn Quan Trường, mẹ nuôi của Bằng cũng là thông gia tương lai. Trong câu chuyện bà nhận ra thầy Lang Tế. Thời thế đã thay đổi, bà Cả ăn mặc bình thường hơn, lời nói cũng dịu dàng và hạ xuống vài ba cung bậc. Sau ngày Quan Trường chết, Tuyết Hồng bế con lai chạy theo Robel chuồn về Pháp. Gia thất quan lại bị lụn bại, lâm vào thế tan nát không còn vực dậy được. Thế nhưng bà Cả lại vui mừng, vui vì từ đây được toàn quyền cai quản cái gia tài khổng lồ ấy. Thời thế thay đổi, chỉ thay cái người đứng đầu. Không gọi là quan, họ gọi là cái gì đó - mặc. Quan trọng là ruộng đất của Bà, vẫn là của bà, có khi lại còn nhiều hơn. Ai giám bảo Bà là người nhà quê.

Hôm ấy giữa lúc loạn lạc, Phủ đường bị tàn phá Bà và thằng Bằng vội vàng xông vào. Quan Trường, nằm chết co quắp ở trong phòng. Kệ. Bà bắt huyện thừa Bùi Kiệm ôm tất cả sổ sách, văn tự, địa bạ chạy theo mẹ con Bà về quê. Sau mấy ngày nuôi ăn, Bùi Kiệm ngồi rà soát, tất cả ruộng đất công, tư, bất cứ ở nơi đâu, nơi đâu. Mảnh nào có dính dáng đến Quan Trường, Tuyết Hồng đều được sang tên cho bốn mẹ con Bà là thằng Bằng và hai cô con gái. Bùi Kiệm nhân danh huyện thừa, ủy quyền của tri huyện Quan Trường ký tên đóng triện tím, bầu dục. Chắc ăn bằng vạn lần cái hôm hấp hối, hai mẹ con van xin chữ ký thừa kế, chẳng được, lại còn bị mắng oan. Xong việc hai mẹ con

mở tiệc khao huyện thừa Bùi Kiệm, một bữa say túy lúy. Đêm khuya làng xóm yên ắng, thằng Bằng và gia nô trời Bùi Kiệm ẩn vào rọ, cho xuống thuyền, căng buồm chở ra tận khơi xa, nén xuống biển phi tang. Thế là hai mẹ con Bà nganh nhiên chiếm một khối ruộng đất khổng lồ, cả huyện này không ai sánh kịp. Chính thế mới, lạ lắm biết đâu mà lần, cái nào cũng hợp lý, hợp pháp. Lại một điều may mắn nữa, thầy Lang Tế không chữa khỏi bệnh cho Quan Trường; nếu còn sống thì sự thế khác rồi. Cầm nhất là việc Bà Lang nhận nuôi thằng con lai của Tuyết Hồng. Bây giờ thì Bà lại hả hê, có đứa con lai ấy nó mới bám dính thằng Tây đen, khuất mắt, cho Bà rảnh tay chuyên quyền.

Vô tình gặp thầy Lang Tế ở đây, Bà đoán mở đầu câu chuyện:

- May mắn quá, được hầu chuyện thầy. Đúng ra tôi phải gặp từ lâu để cảm ơn. Mong thầy thứ lỗi.

Thầy Lang Tế xua tay phân trần:

- Không dám, xin bà cứ tự nhiên. Thực ra tôi cũng chưa biết chuyện gì.

- Thầy cứu đỡ gia đình chúng tôi nhiều, chúng tôi rất biết ơn. Cái chết của ông nhà tôi thật bất ngờ, nếu đón được thầy sớm thì không đến nỗi thế.

Bà Cả ra điều cảm động trước cái chết của Tri huyện Quan Trường. Thầy Lang Tế, nhẹ nhàng giải thích:

- Tôi hiểu thưa bà. Dù có biết sớm cũng vậy thôi. Con người ta có luật: sinh, lão, bệnh, tử. Số mệnh không định trước mà bà.

- Đành là vậy, tôi chỉ ân hận là ông ấy không trắng trời điều gì...Con mẹ Tuyết Hồng thì nhon nhớn vợ vét hết. Cái kiếp lấy chồng chung là vậy. Cả cuộc đời vì nước, vì dân, mà ra đi với hai bàn tay trắng. Bà Cả cố rặn ra vài giọt nước mắt trong đôi mắt khô khốc.

- Mười hai đường nhân quả Đức Phật đã dạy rồi: “*Nếu tham lam lấy của người khác bao nhiêu thì cuộc đời ngày càng nghèo khó bấy nhiêu*”. Ông nhà ta, buông hai bàn trắng ra đi là quý lắm đấy ạ.

Bà Cả giật mình, có khi lão thầy thuốc nho giáo này đã biết hết những việc làm hiểm ác của hai mẹ con mình, nên nói chữ xa xôi, góm thật. Mặt Bà chảy xuống, thần sắc thay đổi, tim đập thình thịch, chưa kịp nói gì thì bất ngờ nhiều người đang đọc kinh ở trong nhà chạy ra quỳ trước mặt thầy Lang Tế cầu xin, chớp cơ hội, bà Cả vội vàng lẫn đi chỗ khác.

- Bẩm Thầy, bây giờ mới biết thầy. Chúng con là kẻ ốm yếu, bệnh tả đang hành hạ, nay sống mai chết, chẳng biết làm cách nào, xin thầy ra tay cứu giúp ạ.

Thì ra từ nãy giờ họ ngồi đọc kinh cho vong linh Lý Khoái, nhưng vẫn xì xèo bàn tán về sự có mặt của hai cụ làng Khánh Hữu sang viếng. Cụ Tiên và thầy Lang Tế vội đứng dậy đỡ mọi người. Cụ Tiên ân cần nói:

- Đứng lên,...đứng lên, có gì cứ nói thầy Lang đây sẽ giúp.

Mọi người tranh nhau kể bệnh trạng của mình. Người thì đau bụng đi ngoài, người nói phều phào, thở không ra hơi, người xanh xao gầy còm... Nói chung, tất cả là triệu

chứng của bệnh thổ tả. Một số đã lây lan sang người khác, cần phải chữa trị và cách ly ngay. Thấy ồn ào, Bằng đang phục bên linh cữu chạy ra quát:

- Làm gì mà ồn lên thế?

Cụ Tiên phân tích nhẹ nhàng:

- Cậu cứ để người ta nói, đây là những người ốm cần được thầy Lang cứu chữa ngay. Chậm như ông nhà ta, sẽ không kịp đâu.

Ông Khiếu đứng đó nói thêm vào:

- Hôm ấy tôi chưa về kịp, ở nhà mọi người cuống hết cả lên. Ông ấy đau bụng quằn quại, lăn lê bò toài trên giường xuống đất. Thương thổ hạ tả, hôi tanh khắp cả năm gian nhà. Nói ra cháu đừng giận, có vong linh anh đây, tha tội cho em. Cũng tại anh thôi, thương người mà tội đến thân. Cái con mẹ Hén nó chết, chồng con không có, thối rữa ra mới biết. Trương tuần, trai tráng sợ hết vía. Xưa nay anh ấy có làm như thế này đâu, mà lần này không biết ma xui, quỷ dặt thế nào, lại lôi tay nó ra, diêm chỉ vào tờ văn tự. Có nhiều nhận gì, chỉ hai sào ba thước đất, mãi tận bãi ngoài quanh năm khô cằn. Không may, bản thiêu ở người nó dính vào, lây bệnh thế là lăn đùng ra đấy, được hôm trước hôm sau là đi. Trước khi nhắm mắt, anh ấy thì thào vào tai tôi: “Cái văn tự của con mẹ Hén tôi gói đầu giường, dành sẵn cho con thằng Bằng, sau này nó đẻ thì điền tên vào. Chú bảo nó, cưới ngay con gái nhà Cả Trường rồi sang tên mười hai mẫu ruộng cấy rẽ. Xin ở rẽ bên ấy được cả nhà lẫn đất, còn ruộng đất bên này cho phát canh, mỗi mùa cũng thu được ổi thóc. Nó đại lắm, chú cố bảo ban nó

cho tôi...”. Khổ thế đấy các cụ ạ, ông anh nhà tôi chu đáo lắm, đời mình thì không lo, đi lo cho con, cho cháu mấy đời sau. Cứ như tôi thì đời cua cua máy, đời cáy cáy đào. Có phải không ạ?

- Chú nói nhiều thế. Ai muốn làm gì thì làm. Bây giờ đời mới rồi, ai cấm.

Bằng nghe sốt cả ruột, nổi cáu, nói càn rồi bỏ đi.

Mọi người kéo ra đây cổng làng, theo thầy Lang Tế về bên Khánh Hữu để bắt mạch và điều trị bệnh thổ tả. Tiếng kèn đồng trong đám lại cất lên bài hòa tấu Thánh ca buồn rầu, đau thương...

Đã bao năm nay cổng làng Bái Môn đóng chặt, nay được mở toang, dân làng hai bên gặp nhau tay bắt mặt mừng. Lời nguyện muôm thuở và dòng sông Nê đi vào quá khứ. Làng Khánh Hữu nhộn nhịp tiếp nhận người làng Bái Môn, sang chữa bệnh. Cụ Tiên cho bác rập ở sân đình, sân chùa, kê thêm giường chiếu, mở thêm một bếp ăn dành riêng cho bệnh nhân. Không ai phải đóng góp gì, tất cả đều do Khánh Hữu gánh chịu. Thầy Lang Tế và các đệ tử tất bật, bắt mạch, phân loại, cách ly từng người để phục vụ. Cũng may Xoa và Hà do thầy để lại trên đường, đã hoàn thành công việc, cùng trở về Khánh Hữu góp sức. Bên làng Bái Môn, sau đám tang Lý Khoái, ông Khiếu đã huy động cả làng ra dọn dẹp nhà cửa, ao hồ sạch bong và quang đãng. Cụ Tiên cho lệnh mở cổng sông Nê, nước cuốn đi tất cả rác rưởi tồn đọng bao lâu nay ra biển khơi. Dòng sông rửa sạch, không còn bên đục, bên trong. Mọi

người qua cầu nhìn xuống dòng sông, không ai nói với ai, nhưng đều nghĩ thầm: “Thế thời thay đổi, dòng sông cũng đổi thay”.

Trên giường bệnh, ông Hoài bố của Bùng đầu tóc bạc phơ, nắm tay Xoa nói:

- Ôi cháu ngoại của ông đây à. Chỉ có một Lời nguyện của dòng sông, mà hận thù đã chia lìa ông cháu, cha con. Mẹ Tèo cháu mất, ông biết nhưng không sang được. Cổng làng Bái Môn đóng kín. Mẹ cháu sang đây lấy chồng, ông như mất người con gái và các cháu ngoại, không bao giờ được gặp. Lý Khoái ác ôn lắm cháu ạ. Cậu Bùng cháu thương anh Còi trốn đi, không biết bây giờ ở đâu, sống hay chết? Xoa ơi cháu đi tìm cậu Bùng về đây cho ông, ông nhớ lắm.

Xoa cố nói cho ông vui, chứ biết rằng ông không thể qua nổi đợt dịch này. Mất nhiều nước quá, người ông teo tóp lại chỉ còn da và xương. Từ lúc đẻ ra đến giờ, bây giờ Xoa mới biết mặt ông ngoại. Bà ngoại cũng mất từ lâu rồi. Ông bà có hai người con là mẹ Tèo và cậu Bùng. Thế là cả nhà ông ngoại mất hết:

- Ông ơi, ông uống thuốc đi, thế nào cậu Bùng mai cũng về đây.

- Vây hử, Ông mang ơn cụ Tiên, mang ơn thầy Lang Tế nhiều. Cháu cố theo thầy, học lấy nghề thuốc nhé - Nghĩ một lúc ông thều thào - Cháu xin cụ Tiên cho ông được nằm lại Hoang Điền với mẹ Tèo cháu, Ông không về Bái Môn đâu, đất nghịch nhiều ma lắm...

Xoa định xà xuống ôm lấy ông ngoại, thì có người kéo giật lại vì sợ lây bệnh. Xoa òa khóc, đứng nhìn ông từ

từ nhắm mắt thanh thân ra đi. Nguyên vọng của ông ngoại được cụ Tiên chấp nhận. Bãi tha ma Hoang Điền đã đầy, lại đầy thêm những người mắc bệnh thổ tả.

Đã ba ngày rồi, nay sang ngày thứ tư, mà Sen vẫn không có sữa cho cu Sủ bú. Sen đã khỏi dứt bệnh, nhưng bà Tiên vẫn kiêng, tối không cho ngủ chung với Sủ, để Sen hồi phục nuôi nó lâu dài. Kiêng cho Sen, bà lại gánh cái khổ vào thân. Đêm nào cũng vậy, thêm sữa nó lại khóc. Hết ru, lại dỗ chả ăn thua gì. Cho nó mút cái vú nhẵn nhéo, nó lại càng cau có, hét toáng lên. Khó tính khó nết quá, không biết lúc lớn lên, cứ như thế này thì chẳng coi ai ra gì. Bà đành dấu cụ Tiên cho người cấp tốc lên làng Tồm gọi thằng Tráng về. Thầy Lang bảo phải chải vú rồi xoa bóp, ai làm cho. Vú thì to cứng, bà làm mãi cả tay cũng trơ ra, chả có tí sữa nào. Chả lẽ nhờ thầy Lang à? Vậy chỉ có thằng Tráng là bố, cái Sen nuôi con nó, coi như là mẹ. Vợ chồng thì bảo nhau dễ. Nếu nó ung, thì nói một câu, cụ Tiên sẽ cho lấy nhau cũng thuận. Trước mặt Tráng bà nói thẳng:

- Bao lên, Đàn ông, đàn ang gì mà nhát. Phải nghĩ đến con mày, tao chỉ nuôi nó cho mày thôi.

- Thừa bà làm thế con ngượng lắm ạ. Tráng then thùng cuối xuống trả lời.

- Vớ vẩn, ngượng là ngượng cái gì? Bà Tiên nói dứt khoát.

Ngượng là một phần thôi, Tráng nghĩ đến điều ra, tiếng vào. Người đời sẽ chê trách mình bạc bẽo, mẹ chết, vợ chết, con chết chưa mãn tang, đã đi bước nữa, thật không còn ra thể thống gì, Tráng vội nói:

- Dạ, mộ nhà con hãy còn xanh ạ.

- Tao có bảo mày lấy nó đâu. Chỉ sờ nắn hai vú, nó đang tắc tia sữa bóp mạnh cho nó thông thì mới có sữa để con mày bú chứ. Còn các chỗ khác cấm. Vào làm ngay đi, thằng Sủ đang thèm sữa kia kìa.

Bà như ra lệnh, kéo tuột Tráng đứng dậy, ẩy vào buồng.

Tráng chột nghĩ lời anh Cốc nói hôm nào “mày lấy cái Sen làm vợ đi, nó đang nuôi con mày đấy thôi”. Run run bước đến gần giường, Tráng dừng lại nhìn. Từ nãy giờ Sen đã nghe thấy hết những lời bà Tiên nói. Biết Tráng đã vào, Sen gắt:

- Chú ra đi.

- Biết làm thế nào được, bà Tiên bắt mà.

Tráng gãi đầu thanh minh. Sen trở mình quay mặt vào vách vừa nói, vừa khóc:

- Trời ơi, sao tôi khổ thế này?

Bên ngoài bà Tiên nói vọng vào:

- Thế nào được chưa? - Thằng Sủ giật mình khóc thét lên. Bà cất lời ru: “*Ừ ì cút kít/ Xay lúa lấy gạo ăn mai/ Có cô thợ cấy lấy anh thợ cấy/Thợ cấy mà lấy thợ cấy/ Để cho cút kít xay ngày xay đêm.*” à.. à... ời...

Tráng ngồi ghé vào thành giường, mạnh dạn đặt tay lên trán, Sen đang lên cơn sốt, nóng như lửa. Đã ba mặt con nhưng chưa bao giờ Tráng gặp trường hợp như thế này. Lo sợ, nhưng vẫn cố làm theo lời bà Tiên.

- Cháu quay lại đây xem nào, khổ đang sốt.

Sen không chống cự, im lặng. Tráng khe khẽ nói:

- Cháu hãy nghe chú, thương lấy thằng cu Sừ nhà chú. Gà trống nuôi con chú chả biết làm gì, trăm sự trông cậy ở cháu, cháu nhé.

Sen kéo dải yếm, lau hai dòng nước mắt đang tràn xuống má, lộ hai bầu vú bị tắc sữa, căng cứng, hồng rực. Tráng nhanh tay luồn vào hai bầu vú nóng rùng rục.

- Để chú vắt sữa ra nhé. Xong là nhẹ ngay thôi mà.

Sen khẽ gật đầu, Tráng nhẹ nhàng xoa bàn tay thô ráp lên khắp ngực, bụng rồi dần dần xích vào hai bầu vú bóp nhẹ, bóp vừa, bóp mạnh. Sen đau quần quai ôm chặt lấy Tráng, nghiêng răng, chịu đựng không để tiếng kêu lọt ra ngoài. Không được, không có tia sữa nào chảy ra. Sen thở hồn hên:

- Thôi, không được đâu chú ơi, để mặc cháu.

Tiếng ru con của bà Tiên bên ngoài vẫn vang vào thôi thúc. Liều, Tráng nằm xuống giường ôm chặt Sen bú như đứa trẻ, lấy hết sức..., một tia sữa ngọt lịm phụt ra. Cái nóng rùng rục truyền sang người Tráng, bản năng của thằng đàn ông trời dấy. Tiếng bà Tiên lại giục:

- Được không?

Bản năng thú tính vụt tắt, Tráng vội vàng ngồi dậy thưa:

- Dạ, nhiều lắm rồi ạ

Bà Tiên vui mừng, đẩy cửa bước vào:

- Đã bảo mà, phải bạo nên mới được việc chứ.

Bà nói nựng cu Sừ vài câu, đặt nó nằm xuống bên “mẹ” Sen. Bú.

2

Chả biết đồn điền Khe Cau, rút đi từ bao giờ, không còn một bóng người, nhà cửa, đồ đạc tan hoang. Dân bản Núi Đèo chả ai biết. Việc của nó mặc, biết để làm gì, bản thì ở trên cao, rừng cây che kín. Kể từ hôm giao chiến, nó bị thua, phải vác xác về chắt củi đốt khét mù, thế là sợ không dám bén mảng lên Núi Đèo. Dân bản yên vui làm rẫy và ca hát. Hôm nay, mấy người đi lừa dê, thế nào nó lại chạy tắt rừng vào đồn điền, vội vàng đuổi theo, vào đến nơi thì ngỡ ngàng, cả đồn điền vườn không nhà trống. Thế là ba chân bốn cẳng chạy về báo cho Á Pầu. Á Cui và đám trai tráng gậy gộc theo Á Pầu xông vào. Sục sạo tìm kiếm khắp nơi chỉ thấy đồ đạc, máy móc, linh kinh ngổn ngang, không thấy một tên nào. Đến một gian buồng nhỏ, cửa khóa kín, bên trong có tiếng người kêu thều thào. Á Pầu cho lệnh phá cửa, cửa bật tung, bên trong có ba cô gái thân thể lơ lửng, trên người không còn đồ trang sức. Một cô, hai tay trói vào cột nhà đầu gục xuống, mắt mở to, mồm há hốc, hai môi đập vào nhau. Cô gái đó là người Tày ở khe bản bên kia núi. Một cô nằm sõng soài giữa nhà, dơ hai bàn tay lên bắt chuồn chuồn. Cô cũng người Tày, vẫn thường đi chợ tình hát múa với trai bản Núi Đèo. Một cô gục xuống ôm chặt lấy cô gái người Tày, không rõ mặt. Á Cui xông vào đỡ cô dậy và hét toáng lên: “A Hoa, sao lại ở đây?”. Á Pầu đứng giữa sân nổ một phát súng chỉ thiên, báo động cho cả bản. Ông ra lệnh: “Bế hết về bản”.

Trong cơn mê sảng, A Hoa nói lí nhí nơi cổ họng, Á Còi phải ghé sát tai mới nghe rõ: “mày uống rượu...không dẫn tao về...tao đi với bạn...bị bọn đồn điền nó bắt, lấy hết vòng bạc...Nó hăm hiếp chúng tao, đồ khốn kiếp. Á Còi ơi! tao chết mất...”

Chợ tình tối hôm ấy tan rồi. Á Còi uống rượu say mềm, không cảm nổi giày cương ngựa, đi lảo đảo rồi lăn ra vệ đường ngủ. A Hoa ngồi chờ mãi vẫn không tỉnh. Trời tối đen như mực, sấm chớp ầm ầm, cơn mưa ùn ùn kéo đến. Nhà thì xa, làm sao bây giờ, đang bán khoán thì gặp hai cô gái người Tày vừa múa hát trong chợ tình đi ra. Cùng cảnh ngộ chồng say, ba người rủ nhau đi bộ về. Đi hết một quả đồi, xuống dốc về bản, thỉnh thoảng một toán người xông ra bắt gọn. Họ vác ba cô, tắt rừng về đồn điền. Suốt đêm hôm ấy và mấy ngày hôm sau, phu đồn điền là bọn tàn quân thua trận ở các nước trong thế chiến thứ hai dồn về đây, thi nhau hăm hiếp. Ba cô gái chết đi, sống lại. Khi được lệnh rút quân, chủ đồn điền dồn tất cả phu, tài sản và các lọ tro hài cốt, lên xe chuồn về nước. Không biết có ba cô gái, bị mấy thằng lính đồn mật bắt về, khóa chặt cửa buồng “sống chết mặc bay”...

Được tin, dân bản người Tày ở bên kia núi kéo sang nhận thân nhân. Một cô gái Tày ôm chặt lấy trưởng bản gào thét: “Trưởng bản Ngụai à...thằng Dénh...thằng Dénh nó bắt chúng tao, đánh chết nó đi mà...”. Trưởng bản Ngụai không biết Dénh, Dénh nào, nó là ai. Trưởng bản Á Pầu nhớ ra rồi: “Nó là thằng Sênh Sù Dénh người Hoa, thông ngôn của chủ đồn điền, tao đã gặp nó trong cuộc bàn định trên núi bàn cờ à”. Ông quay sang nói với Á Bưng

“Mày còn nhớ mặt nó chứ? đi bắt về đây ngay”. Trưởng bản Ngụai kiên quyết “Nó là người Hoa, chủ đồn điền Nhật, không cho theo đâu à, chỉ quanh quẩn đây thôi”. Á Bưng và đám trai tráng chia nhau ồ ạt đi đến các ngã đường rừng, đồi, suối.

Á Còi ở lại chăm sóc A Hoa. Từ lúc về đến giờ A Hoa không ăn uống gì cả, hai hốc mắt sâu trũng, nhắm nghiền, chốc chốc lại lên cơn co giật. A Hoa là cô gái đẹp nhất bản, hát Soọng cô không ai sánh bằng. Cái hôm mất túi đựng trầu, Á Còi đã đứng ra nhận, nhưng mẹ A Hoa không tin. Một số người thêu dệt thành câu chuyện. Chủ đồn điền đã bỏ thuốc mê, bắt A Hoa mang về làm vợ. Bà căm ghét thằng chủ đồn điền một thì căm tức Á Còi mười, đã nói giáo cho giặc làm hại con bà. Mấy hôm nay bà không thềm nhìn mặt. Á Còi năn nỉ thế nào cũng không được: “Mế à con yêu A Hoa mà”. Bà khóc bù lu, bù loa, không tin: “Sao mày để nó ở giữa rừng làm mồi cho đồn điền bắt à”. “Mế ơi, mế đánh chết con đi, con có tội mà”...Bà lẫn sả vào cầu xé, đâm thùm thụp lên lưng, thằng Á Còi trở như cây gỗ giữa rừng. Mọi người im lặng nuốt những giọt nước mắt đau thương, để cho bà hả lòng, hả dạ. Vừa lúc ấy Á Bưng và trai tráng bắt được Sênh Sù Dénh dẫn về. Cả bản ủa ra vây quanh hấn hỏi tội. Hấn khai nhận là cầm đầu vụ bắt cóc ba cô gái đem về đồn điền cho bọn phu thềm khát hăm hiếp. Mỗi lần hiếp, mỗi đứa phải nộp cho Dénh hai quan tiền. Á Bưng tức giận xông vào giật tung cái áo, đóng giả người Tày, khoác ngoài rộng thùng thình, lòi ra một túi tiền linh kinh. Trưởng bản Ngụai giơ thẳng cánh tay tát mạnh vào mặt hấn:

- Mày đóng giả người Tây để trốn thoát à? Mày làm người Tây xấu mặt, đồ chó chết.

Trưởng bản Á Pầu cầm cái bị rách, tang vật bắt được cùng với hấn trên đường chạy trốn:

- Cái bị rách này đựng gì?

- Thừa ông...

Nó đang do dự thì Á Bung lôi ra toàn là sổ sách giấy tờ đủ các loại, cái chữ Tây, cái chữ Nho, cái chữ Quốc ngữ. Tất cả đều không ai đọc được. Á Pầu giục:

- Nói đi, cái gì đây?

Dính vẫn im lặng. Á Bung thấy có cả điểm chỉ, con triện tròn, triện vuông đồ chó. Đoán liều:

- Văn tự đất đai của đồn điền Khe Cau phải không?

- Thừa ông, đúng vậy ạ. Đây là khế ước của nhà vua bán đất cho quan Phonxe chủ đồn điền trồng chè, hạn chín mươi chín năm. Văn thư nữa, là chủ đồn điền Phonxe biên giao cho quan Nhật làm đồn điền trồng cây thầu dầu, không hạn định và vô giá trị tài sản.

Á Bung hỏi liền:

- Cửa Tây của Nhật, mày lấy làm gì?

- Thừa ông, họ thua trận bỏ về nước thì con lấy...con về bên kia đưa người sang. Đất nào có người Tàu ở, là đất của người Tàu chúng con chứ.

- Láo, thì ra tất cả lũ chúng mày túm vào xâu xé Khe Cau à? Khe Cau là của chúng tao, của chúng tao nghe chưa?

Cả đám người đồng thanh quát vào mặt thằng Sênh Sù Dính:

- Đất này là của chúng tao, cút ngay.

Bà mẹ A Hoa ôm lấy Á Còi òa khóc: “con ơi, mẹ sai rồi, mẹ đã không tin con. Con là con của mẹ à.”. Trưởng bản Á Pầu ra lệnh:

- Tất cả văn tự này thuộc về dân bản Khe Cau. Trai tráng đâu, dẫn thằng Sênh Sù Dính đến bờ suối Nậm Khai, cắt gân chân rồi đuổi nó về phía bên kia, không cho trở lại đất này nữa.

Sênh Sù Dính quỳ xuống, cúi đầu van lạy các trưởng bản và mọi người tha tội:

- Thừa các ông, còn...

Á Pầu quát, không để cho Dính nói hết ý:

- Không ai tha tội cho bọn cướp đất, giết người man rợ chúng mày. Còn...còn cái gì, Dẫn nó đi à.

Á Bung và mấy trai bản tắt rừng đi thẳng đến bờ suối Nậm Khai, biên giới nghìn đời giữa hai nước. Thực hiện lệnh của Trưởng bản Á Pầu, tổng khứ nó về phía bên kia. Lê bàn chân đứt gân, Dính lảo bẫm “Thằng Lục Phình...lật lọng...giết tao à”...Không ai nghe rõ nó nói gì. Thằng điên hay nói càn. Mặc.

Lần này Khe Cau đã thuộc về mình rồi, nhất định không để mất một lần nữa. Khe Cau là giang sơn của muôn đời tổ tiên để lại. Tấc đất nào cũng là tấc lòng thiêng liêng. Tham mà chiếm, hay coi thường mà bỏ, tất cả đều

là tội không thể dung tha. Trưởng bản Á Pầu cho những tay súng cừ khôi, con trai, con gái khỏe mạnh gây gộc, giáo mác xuống tuần tra canh gác suốt ngày đêm. Á Bung được cử đi học võ, mấy bản chung một thầy người Kinh. Xưa nay mỗi dân tộc, mỗi bản có một kiểu võ riêng. Nay có chung một kiểu gọi là quân sự, khó nhất là động tác đi đều bước. Á Bung hô khan cả cổ mà chẳng ai đi đều, đi đúng bước, nhất là mấy đứa con gái như A Hiêng, A Trầm, A Lục đã không thuộc lại còn bướng. Chỉ huy hô, một, hai, một hai...thì một chân phải bước lên. Hai, chân trái bước theo. Thế thôi. mà nhảm tứ lung tung, suốt cả ruột. Nói nhiều quá A Hiêng giận, mặt sị xuống, ra gốc cây ngồi cầu móng tay. Lại phải dỗ, Á Bung năn nỉ:

- A Hiêng à, nói lại đi xem nào. Một hai một...
- Đếch thêm.

A Hiêng ngừng ngoảnh quay đi. Đang tức với Á Bung về chuyện tổ chức đám cưới, bây giờ lại tức thêm. Trưởng bản Á Pầu nói với dân bản rằng: “Việc gì ra việc ấy, con A Hoa chết, dân bản buồn nhưng việc tổ chức đám cưới cho thằng Á Bung vẫn phải làm. Bây giờ đã đổi mới, các tục lệ cũ của người Sán Dìu cũng phải thay, không mỗ lợn ăn uống linh đình. Tổ chức theo kiểu đời sống mới”...A Hiêng không hiểu đời sống mới là làm như thế nào. Hai bên tranh luận, người làm theo tục lệ xưa, người làm theo kiểu đời sống mới. Thế là giận, mấy ngày hôm nay không ai nói với ai. Bây giờ được đà, A Hiêng làm to chuyện cho hả giận. Á Bung làm lành:

- Mọi người đi được thì mình đi được chứ - Nào một chân phải, hai chân trái - Á Bung cầm tay kéo A Hiêng đứng dậy.

Đám bạn gái ủa vào lời A Hiêng xếp hàng tập tiếp. Á Bung nghĩ ra một kế hay:

- Bây giờ thế này nhé, không gọi chân trái chân phải nữa. Lấy lạt tre buộc vào chân. Tôi sẽ hô, chân có lạt, chân không có lạt. Nghĩa là chân phải và chân trái. Bắt đầu thử này: Một hai, một, chân có lạt, chân không có lạt, đi đều bước.

Tất cả loạn cả lên, chân nọ đạp chân kia, người nọ xô người kia ôm nhau cười ầm ỹ. Thằng Lục Phình bướng nhất đội, nó chỉ mong có thể để phá đám. Phình kéo Hiêng ra góc sân thì thầm:

- Không tập nữa, ra bờ suối ngắm trăng đi.
- Á Bung phạt đấy. Hiêng vừa nói vừa liếc nhìn.
- Sợ nó à - Cứ thế Phình lôi xềnh xệch Hiêng ra bờ suối.

Con suối nhỏ từ đỉnh Núi Đèo róc rách chảy quanh đồn điền. Trăng đêm nay cao vời vời, bầu trời trong vắt thăm thẳm. Hàng ngàn ngôi sao lấp lánh như dát bạc. Ánh trăng nhuộm khắp núi rừng. Cỏ cây, hoa lá như trên trời rắc xuống những hạt vàng, hương thơm nhẹ nhẹ. Thú rừng hoang dã cất tiếng gọi đàn như viết lên khúc nhạc đêm, say mê lòng người.

Biết được hai người đang giận nhau, Phình lợi dụng nhắc lại chuyện cũ:

- Về với tao nhé.

Hiêng ngạc nhiên cướp lời:

- Tao sắp cưới chồng mà.

Không chân chừ, Phình chê Á Bung:

- Thằng người Kinh ác lắm, nó cướp A Hiêng của tao, phá bỏ tục lệ của người Sán Dìu. Tao không ưng cái bụng nó đâu à.

Đã từ lâu Lục Phình luôn kèn cựa với Á Bung, Á Còi. Nó luôn tự cho mình là nhất bản cái gì cũng giỏi, cũng tài, nhất là trò nhảy lửa. Ném còn trăm quả trăm trúng, thế mà trưởng bản Á Pàu cái gì cũng dành cho anh em nhà Á Bung. Người Kinh ở đâu lạc vào bản này gây rối. Hai cô gái A Hoa và A Hiêng đẹp nhất bản hai anh em nó chiếm. Nếu không có thằng Á Bung thì nó đã cưới A Hiêng từ lâu rồi. Hồi còn bé hai đứa quý mến nhau, cùng lên rừng lấy củi, chia nhau từng củ sắn nướng. Thế rồi, từ ngày Á Bung xuất hiện, cây thế con nuôi trưởng bản, đã làm hoa mắt A Hiêng. Phiên chợ tình nào cũng cặp kè bên nhau, nhẩy múa, hẹn hò đã mấy lần Phình bắt được. Tức lắm nhưng thế yếu đành phải chịu. Phiên chợ tình hôm ấy, Phình gặp thằng Sênh Sù Dếnh rủ đi uống rượu, nó bảo: “Đi với tao không? tao cho tiền”. Đang ngà ngà say, Phình ậm ờ: “Làm gì?”. Dếnh vừa nói vừa đưa tiền: “Chỉ cho tao đứa nào là A Hiêng, tiền đây”. Phình vớ được tiền sướng quá cho vào mồm ngậm. Nói đến A Hiêng lòng ghen tức lại trào lên, đây là cơ hội trả thù để cho chúng nó biết thế nào là tay ông. Phình đứng dậy loạng choạng rê ngón tay chỉ lung tung, rồi chỉ vào A Hoa: “Nó...nó đấy”. Vớ được mồi, thế là từ đấy Sênh Sù Dếnh và Phình bám chặt, theo

sát đến tận dốc về bản thì bắt được A Hoa cùng hai cô gái người Tày. Bỏ khăn bịt mắt ra, Phình mới nhìn rõ, thì ra là A Hoa chứ không phải A Hiêng. Sợ quá Phình ù té chạy, Sênh Sù Dếnh ngăn lại: “Mày mà nói tao giết, tiền công đây cầm lấy”. Phình cầm lấy cái vòng bạc mà Dếnh vừa giật trên cổ A Hoa, rồi chạy một mạch về bản...

- Tao có nhiều tiền mà, có cả vòng bạc nữa cho mày đây.

A Hiêng ngó ra hỏi:

- Mày lấy ở đâu?

- Của tao mà. Phình tỉnh bơ nói đồng đạc.

A Hiêng cầm cái vòng bạc nhận ra ngay là của A Hoa. Lần ấy hai đứa rủ nhau đến nhà Tài Cống thợ bạc ở bản bên kéo hai cái vòng bạc giống nhau. Của A Hoa có một bông hoa trên mặt. Của A Hiêng có một con chim, chiếc vòng ấy đang đeo đây mà. A Hiêng đứng phất dậy nghiêm mặt hỏi:

- Của A Hoa, nó chết rồi, sao mày lại có.

- Của tao chứ, không lấy thì trả tao...

- Mày bắt A Hoa à. Nói đi...

Hai người nói qua, nói lại âm ỹ và tranh giành cái vòng bạc. Từ sân tập Á Bung bỏ đi tìm, dọc theo bờ suối gọi A Hiêng. Thấy động Lục Phình kéo A Hiêng chạy nhanh vào rừng. Bị lôi xềnh xệch, cây rừng xé rách quần áo, A Hiêng vẫn cố kêu lên, như tiếng chim gọi đàn. Ánh đuốc của dân bản đuổi theo sáng rực một góc rừng. Đến bên bờ suối Nậm Khai thì Lục Phình đành bỏ A Hiêng lại chạy sang

bên kia. Á Bung giờ súng bắn một phát đuổi theo. Trăng đã khuất bên kia núi, trời tối đen như mực, núi rừng yên ắng, không thấy tiếng thằng Phình khóc than, vậy là nó còn sống chạy sang bên Tàu theo thằng Sênh Sù Dénh.

Sau cái chết của A Hoa, bây giờ lại đến thằng Lục Phình bỏ trốn chạy theo thằng Sênh Sù Dénh. A Hiêng bị tai tiếng đồn thổi “Thằng Phình lòi ra bờ cuối làm nhục”. Có kẻ ác mồm đã đổ tội “A Hiêng cùng Lục Phình bắt A Hoa bán cho bọn Tàu khựa lấy cái vòng bạc đeo cổ”. Thật buồn, xấu hổ với dân bản, nhất là đội dân quân. Mấy ngày nay bỏ tập đều bước, một hai, một mình ngồi trong góc buồng ngắm cái vòng bạc của A Hoa. “A Hoa ơi! tao biết làm thế nào bây giờ. Mày sống khôn chết thiêng hãy phù hộ cho tao nhé”. Cả nhà A Hiêng mất vui, ông bố lên chòi canh ngô ở, không thèm ngó mặt con. Chỉ có mẹ thì thoáng chạy vào buồng mang cho bắp ngô, bát cháo, bà nói:

- Mày phải nghe tao, đến gặp mẹ A Hoa, trả cái vòng bạc cho nó à.

- Con không đi, xấu hổ lắm. A Hiêng rụt rè nói.

- Tao dẫn đi mà. Con dại cái mang.

Chờ đến nhá nhem tối, gà lên chuồng, mọi người đã về nhà nổi lửa, cơm nước, hai mẹ con A Hiêng vội vã đến nhà A Hoa. Mẹ A Hoa ngồi ở bậc cửa lơ đãng nhìn ra cánh rừng xanh bạt ngàn. Chợt thấy hai mẹ con A Hiêng bà chạy vội vào trong buồng. Mẹ A Hiêng gọi với theo:

- Mẹ A Hoa à! tao đây mà. Tao dẫn con A Hiêng đến để cho mày vui. Ra đây tao nói cho mà nghe nào.

Mẹ A Hoa từ trong buồng trả lời ra:

- Tao không nghe đâu, mẹ con mày về đi.

- Tao với mày là bạn kết giao. Hai con A Hoa, A Hiêng từ bé đã ôm nhau ngủ, đã cùng chia nhau một củ khoai, củ sắn, thế mà mày không thương nó à? - Mẹ A Hoa vẫn im lặng trong buồng, Mẹ A Hiêng nói tiếp - Mày không gặp mẹ con tao cũng được, nhưng để tao vào thấp cho con A Hoa một nén nhang.

Nghe vậy, mẹ A Hoa thổi bếp lửa, củ cháy sáng một góc nhà. Ngồi chấp tay trước ban thờ, A Hiêng òa lên khóc: “A Hoa ơi tha tội cho tao, tao lấy được cái vòng bạc về cho mày đây. Thằng Phình nó chỉ điểm cho thằng Dénh bắt tao để trả thù, nhưng lại nhầm sang mày. Mày oan ức quá, đã chết thay tao. Tao mang ơn mày đến hết kiếp này. Kiếp sau ta lại gặp nhau nhé Hoa ơi! hu hu hu”...

Mẹ Hoa gào thét nước nở gọi A Hoa và ôm chặt lấy A Hiêng nói trong nước mắt:

- Con gái của mẹ à. Hai chị em mày sao mà khổ vậy? Mẹ thương con và A Hoa lắm à. Đêm nay ở lại đây, để mẹ bế, mẹ bông, mẹ ru con ngủ như ngày nào nhé A Hiêng à!

Hai bà mẹ ôm chặt A Hiêng, nước mắt dàn dụa. Mẹ A Hoa cầm chiếc vòng bạc đeo lên cổ A Hiêng, hai chiếc vòng như hai đứa bạn xoắn xuýt bên nhau...

Từ đêm hôm ấy, dân bản hiểu rõ hơn sự việc, không còn những lời đồn đại, chê trách; Ai cũng thương, cũng quý. Trưởng bản Á Pầu nói oang oang trước dân bản: “Cái thằng Tây, thằng Nhật đã cắt. Thằng Tàu cũng đã đuổi khỏi bản Khe Cau rồi à. Từ nay dân bản yên vui, nghe lời Việt Minh tập luyện quân sự, thực hiện đời sống mới nghe

chưa nào? Tục lệ của thực dân, phong kiến thì vứt bỏ ngay. Thời thế khác rồi. Đám cưới thằng Á Bung cũng phải đời sống mới chứ. Ta là người Sán Dìu mà”...

Đời sống mới là như thế nào, ai mà biết được. Á Bung lúng túng hỏi thì Á Pầu cương quyết gạt đi:

- Cứ thế mà làm à!

- Làm như thế nào? Á Bung sợ sệt hỏi.

- Mà là thầy cúng, biết luật lệ, lại là đội trưởng dân quân, đánh Tây, đánh Nhật giỏi thì phải hiểu à. Tao già rồi, tao chỉ nói thôi à.

Thế là chịu chết, A Hiêng thì mặc kệ Á Bung muốn làm gì thì làm. Các già làng và họ hàng A Hiêng bàn đi bàn lại biết bao nhiêu lần, ai cũng cương quyết giữ tục lệ xưa của người Sán Dìu, đã bao đời nay như thế rồi. Việc cưới xin của người Sán Dìu phải tiến hành đủ các bước là lễ dạm hỏi, lễ so tuổi, lễ ăn hỏi, lễ dứt lời, lễ cưới chính thức và lễ lại mặt. Mẹ A Hiêng bảo:

- Thôi thì hai lễ đầu là lễ dạm hỏi và lễ so tuổi coi như đã xong vì hai đứa quen biết, hiểu nhau rồi. Chứ lễ ăn hỏi thì không thể bỏ được. Nhà trai phải đặt một nửa số tiền dẫn cưới. Á Pầu không nghe ông nói:

- Trước sau gì cũng là tiền của chúng nó, đưa luôn cho nó để nó lo cuộc sống sau này, chứ có đi buôn đi bán gì mà đặt cọc. Thế mới là đời sống mới chứ.

Lễ cưới gọi là *sênh ca chiu* theo tục thường diễn ra trong năm ngày với rất nhiều nghi thức khác nhau.

Đến là rắc rối, khác với quê miền biển nhà mình, Á Coi chán nản bảo Á Bung:

- Bỏ quách cho xong, về quê lấy vợ.

- Sao mà lại nghĩ thế. Người ta đã cưu mang mình, nuôi mình trong lúc hoạn nạn, không có họ thì mất xác trên rừng từ lâu rồi. Á Bung chậm rãi giải thích.

Ý đã quyết, Á Bung tiến hành công việc một cách tốt đẹp.

Tối hôm đó cả dân bản tập trung đông đủ ở sân Đồn điền. Mọi thủ tục *bao nhit* và *Sênh ca chiu* vẫn tiến hành theo thứ tự như cũ. Các trò vui: Hát Soọng cô, nén cón, nhảy múa, nhảy lửa tổ chức trọng thể hơn. Không mổ trâu, mổ lợn tổ chức tiệc ăn mừng, thay vào đó là một bữa tiệc toàn hoa quả cây trái trên rừng. Giữa sân là bàn thờ Tổ quốc treo lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, chung quanh tết hoa rừng. Hai ghế hai bên dành cho cô dâu, chú rể. Cô dâu diện bộ váy mới, thắt 2 dây lưng xanh và sắn su quả đào, chân quấn xà cạp trắng, cổ đeo hai vòng bạc. Đặc biệt là giây xà tích trang trí rất đẹp hay gọi là *khen thu*, được đeo ở eo lưng, rủ xuống dưới váy, hai đầu dây xà tích giắt vào thắt lưng, lệch về phía bên phải, theo nhịp đi nhẹ nhàng của đôi chân, xà tích va vào nhau như tiếng nhạc, A Hiêng đã đẹp, đêm nay lại lồng lẩy thêm vẻ đẹp vốn có của mình. Á Bung mọi ngày mạnh mẽ là vậy. Đứng hô nghiêm nghị trước tiểu đội du kích thật oai, thế mà bây giờ ngồi trên ghế chú rể, tay run run, mặt tái mét nói mãi mới được một câu: “Kính thưa các cụ, các ông, các bà và quan viên hai họ. Chúng tôi có tâm có dạ đến với nhau thành vợ, thành chồng, chung mẹ, chung cha, chung nhà chung cửa, cùng vào một sân. Chúng tôi nguyện cùng nhau vui duyên mới không quên nhiệm vụ mới, xin hết ạ.”. Một tràng vỗ

tay vang lên, tất cả mọi người già trẻ, nam nữ nắm tay nhau nhảy múa kết thành vòng tròn, to dần, to dần vây quanh đôi bạn trẻ tràn đầy hạnh phúc. Trưởng bản Á Pầu và ông bố A Hiêng hai thông gia cùng nắm tay nhảy. Tốp hát Soọng cô cất tiếng ca:

*Quan viên hai họ cùng ca hát,
Dâng chén rượu đào kính gia tiên.
Hai nhà thông gia thành hôn lễ.
Hạnh phúc đôi trẻ mãi vững bền.*

Cuộc vui kéo dài cho đến sáng hôm sau để lại một dư âm trong lòng dân bản. Nếp văn hóa đời sống mới, bắt đầu nhen nhúm, giữa nơi rừng sâu, núi thẳm.

3

Đã hai ngày rồi, Á Còi vẫn chưa tìm được lối ra, cứ loanh quanh, luẩn quẩn ở trong rừng. Trước khi đi Á Bung đã dặn, cứ theo hướng mặt trời mà tìm, biển làng ta ở phía nam. Nhớ những lần vào rừng hái nấm, A Hoa cũng đã chỉ vào một thân cây to nói: “Xem phía nửa cây hướng về phía nam thì lá cây rậm rạp, tốt tươi. Nửa cây hướng về phía bắc thì lá thưa, kém tốt tươi”. Đêm hôm trước cả đội dân quân, quây quần chia tay. Chị dâu A Hiêng xếp đầy một gói cơm lam. Món ăn đặc biệt của người Sán Dìu khi đi rừng, vừa tiện, vừa ngon để lâu không bị thiu hỏng. Á Còi không quên mang bên người chiếc gương tròn nhỏ xíu, mua ở chợ tình tặng cho A Hoa, nhưng vì say rượu chưa kịp tặng thì A Hoa đã chết. Bây giờ nó là báu vật của mối tình chớm nở. Á Pầu còn cẩn thận sắm cho bộ quần áo Sán Dìu mới, một con dao quắm đeo bên người. Ông bảo rằng, đi trong rừng không kẻ nào dám bắt nạt người Sán Dìu. Qua con suối Á Pầu ghé lưng công, nghiêm nghị nói:

- Trèo lên lưng, tao công, xấu hổ à? lấy sức mà đi đường con dài lắm con à.

Á Còi như một đứa trẻ được bố mẹ cưng chiều, ngoan ngoãn đi theo. Thi thoảng Á Pầu dừng lại ôm chặt, xoa đầu, vỗ lưng nói nựng:

- Tao thương mày lắm, về rồi lên ngay nhé con. Dẫn cả bố mẹ lên cho tao biết mặt. Nếu ưng thì ở lại đây với

tao, lên nương rẫy trồng ngô, trồng sắn. Bây giờ người Sán Dìu có đời sống mới rồi à.

Á Cui khóc không nói lên lời, quỳ xuống chấp tay cảm tạ công ơn nuôi dạy che chở của Á Pầu và dân bản bao ngày nay. Á Pầu kéo dậy, mắng:

- Thế là phong kiến, đời sống mới mà, đứng lên đi

Hai cha con đứng trên đỉnh núi cao, nhìn về nơi xa xăm trùng trùng, điệp điệp, núi cao nối tiếp núi cao. Cái nắng trên đỉnh đầu, bầu trời trong vắt không một gợn mây. Màu xanh bao phủ khắp núi rừng, đan xen những bông hoa chuối đỏ tươi và những nhành phong lan lung linh trước gió. Xa xa là những thửa ruộng bậc thang vàng rực, thơm mùi lúa mới. Chắc hẳn nơi đó có người.

Tạm biệt cha nuôi, Á Cui đi về hướng nam, tìm đến những ngôi nhà bên thửa ruộng bậc thang. Á Pầu đâm mạnh vào lưng con, quay nhanh về hướng Núi Đèo, vội vàng khuất trong bụi cây.

Tìm đúng hướng rồi, trông gần vậy mà phải hai ngày mới vượt qua mấy quả đồi, Á Cui đi thẳng vào bản. Đột nhiên hai người Mường mang súng, chặn lại:

- Đứng lại, đây là khu vực cấm.

Á Cui hoảng hốt nhưng nhanh chóng trấn tĩnh lại. Được cái lâu nay thường đi chợ tình múa hát với các cô gái Mường nên nghe, nói bập bẹ được đôi ba tiếng. Á Cui trả lời ngay:

- Tao hỏi đường xuống xuôi thôi, không vào đây đâu à!

Một người dân quân hỏi lại:

- Mày xuống xuôi làm Việt gian à?

Á Cui không hiểu từ Việt gian là người Việt nam phản động đi làm thuê cho giặc, hại lại dân tộc mình, nên thanh minh:

- Việt gian là gì? tao là Sán Dìu chứ.

- Trông mày lấm la, lấm lét, đích thực Việt gian.

Nói rồi anh này ra lệnh cho người kia:

- Khám xét ngay.

Trong cái gùi còn lại bốn thanh com lam, và bộ quần áo, con giao quắm vẫn đeo lưng lẳng bên người. Anh dân quân lấy trong túi áo ra một cái gương nhỏ, giơ lên hỏi:

- Cái này, mày làm ám hiệu cho địch, đúng không?

- Cái gương tao mua tặng cho Á Hoa đấy. Nó chết rồi tao giữ làm kỷ niệm. Mày trả tao đây.

Hai người đang giằng co thì một người đứng tuổi ở trong nhà ra hỏi:

- Chuyện gì thế?

- Thừa thượng cấp, tao bắt được tên Việt gian.

Người dân quân gác cổng trả lời. Thượng cấp cầm lấy cái gương, nhìn Á Cui từ đầu đến chân rồi cười, nói:

- Cậu vào trong này.

- Thượng cấp trả gương cho tao đã à?

Á Cui nhớ lại những lần mình bị chủ đồn điền người Pháp rồi người Nhật bắt mà phát hoảng. Đứa nào cũng hống hách, quát nạt, tay nhắm nhe roi cặc bõ, súng ngắn,

kiếm dài đi lại hùng hục. Thế mà thượng cấp này trông giống người mình, nói tiếng kinh thạo như người miền biển. Á Còi nghĩ vậy mạnh bạo ngồi xuống chõng tre, không cần thượng cấp cho phép, nói luôn một hồi:

- Trả cái gương đây cho tao, chỉ lỗi cho tao xuống xuôi để tao về tìm bố mẹ. Nhà tao đã bị quân Nhật đốt, cả nhà phải chạy trốn, người sống, người chết tan tác khắp nơi. Tao lên rừng được trưởng bản Á Pầu người Sán Dìu che chở nên mới sống được. Bây giờ phải về chứ, không có bố mẹ lại mong. Chỉ đường cho tao đi.

Thượng cấp chăm chú nghe và hỏi lại:

- Á Pầu tôi biết, Trưởng bản Núi Đèo phải không? Thế giờ cậu định về đâu?

- Làng Khánh Hữu à.

- Huyện nào, tỉnh nào?

- Không biết, ngay sát bờ biển thôi, đi đánh cá gần lắm. Lại có con sông Nê mang câu chuyện “Lời nguyện của một dòng sông”. Chính tao là nạn nhân của câu chuyện ấy đấy.

Thượng cấp rất vui được nghe cậu bé hồn nhiên và có năng khiếu kể chuyện. Ông cũng mở lòng mình luôn:

- Có nghĩa cậu không phải người Sán Dìu, không phải người bản Núi Đèo đúng không? Tôi cũng là người dưới xuôi, vậy ta nói chuyện theo phong tục người dưới xuôi. Tôi là Thắng nhiều tuổi hơn gọi là Anh, còn cậu gọi là em, được chưa? ta bắt đầu nào.

- Vâng ạ, em là Còi gọi tiếng Sán Dìu là Á Còi. Bây giờ anh chỉ đường cho em đi.

- Em có mối tình đẹp lắm, nhưng sao yêu sớm thế?

Còi hơi cúi mặt xuống để dấu nỗi buồn:

- Đây là thứ hai đây anh ạ. Thứ nhất thì con nhà giàu nó cướp mất, thứ hai là thằng Tàu nó giết.

- Chia buồn với em, nhưng không sao tuổi còn dài, phải có chí vươn lên. Bây giờ anh hỏi nhé? - Thắng ngừng giây lát chờ Còi suy nghĩ rồi nói - Anh có chỉ đường, em cũng không biết đường về. Vậy bây giờ hãy đi theo các anh.

Còi hoảng hốt từ chối:

- Không đâu ạ. Em phải về với mẹ chứ.

- Đi với các anh, không những được gặp mẹ, gặp người yêu và bao nhiêu người thân thương khác.

Thắng động viên, Còi chần chừ:

- Các anh là ai cơ ạ?

- Các anh là Giải phóng quân.

- Giải phóng quân á. Em nghe trưởng bản Á Pầu nói rồi - Còi cất giọng hát: “*Bao chiến sỹ anh hùng, lạnh lùng vung gươm ra sa trường.*”

Giỏi lắm, hai anh em ôm nhau cười vang rồi đi ra bãi tập. Dưới chân đồi là bãi tập rộng mênh mông, nơi đây là sân mở hội hàng năm của dân bản. Ở góc kia còn nguyên cây đu, cây phan chóc và dấu vết của các trò chơi khác. Khoảng ba bốn mươi người tập hợp thành ba hàng dọc, chỉ toàn con trai không có con gái, đủ các dân tộc Mường có, Tày có, đông nhất là người Sán Dìu. Người thì vác súng, người cầm gậy, người cầm giáo mác. Thấy Thắng đi vào, chỉ huy hô nghiêm rồi vào báo cáo: “Tôi trung đội phó báo

cáo trung đội trưởng, bài tập đều bước đã xong, chờ lệnh”. Trung đội trưởng Thắng trả lời “Rõ” rồi ra lệnh: “Toàn Trung đội chú ý - Nghiêm, từ giờ phút này trung đội ta có thêm một chiến sỹ mới Trần Văn Còi, được bổ sung vào tiểu đội hai. Tất cả về vị trí, tập tiếp bài điều hành đều bước..., nghỉ”. Phong cách quân sự quy củ ra phết, Còi thấy run run, nhưng khi nói tập bài đều bước thì reo lên:

- Anh Thắng ơi! bài này em tập nhiều rồi, em thuộc lâu, một chân phải, hai chân trái bước lên. Bọn con gái Núi Đèo chẳng biết gì cả, cứ phải hô chân có lạt, chân không có lạt.

Cả đoàn quân nghe vậy ôm bụng cười ồ lên. “Nghiêm” Tất cả im lặng, trung đội trưởng Thắng ra lệnh: “Đi đều bước, một hai, một hai..mốt”. Đi được hai vòng sân, trung đội trưởng lại hô “Thôi dừng bước. Tất cả chú ý. Đêm nay chúng ta hành quân đi làm nhiệm vụ mới. Hãy chuẩn bị quân trang, quân dụng có lệnh là lên đường. Giải tán”.

Mọi người tỏa về các nhà dân trong bản, nhờ đóng quân mấy hôm nay. Còi theo tiểu đội trưởng tên là Lục Hân, cũng người Sán Dìu nên rất dễ hòa nhập. Lục Hân phát cho Còi một cái màn, một cái chăn, một cái bát đôi đũa và bi đông đựng nước, tất cả đựng vào một cái ba lô màu cứt ngựa. Một chiếc ruột tượng đựng năm cân gạo, buộc vòng quanh ba lô. Lục Hân bắt Còi đeo ba lô, chạy thử tại chỗ, thấy gọn gàng, nhẹ nhõm, vui vẻ bắt tay chúc mừng:

- Chúc mừng đồng chí Giải phóng quân.

- Em cảm ơn anh!

Còi tươi cười đáp lại, Lục Hân chỉnh đốn luôn.

- Phải gọi đồng chí chứ, không được gọi anh em.

- Đồng chí là gì hả đồng chí Hân?. Còi hỏi lại

- Dài dòng thế, gọi theo kiểu đời sống mới. Đồng chí là cùng chí hướng đánh quân thù. Lục Hân giải thích.

- Đồng chí Còi, hiểu đồng chí Hân nói rồi.

- Lại trực trặc quá. Thôi được, cứ vậy nhé.

Suốt ngày hôm ấy, cho đến lúc hành quân, Còi đi khắp nhà nọ đến nhà kia, chiếc ba lô vẫn đeo chặt trên lưng. Anh lính mới tò te đi chào đồng đội. Gặp ai cũng tay bắt mặt mừng, dăm ba câu phải trái. Kể chuyện yêu đương, căm thù bọn nhà giàu cướp đất, giết người, cướp người yêu. Bao máu xương đã đổ xuống dòng sông vô tội vì một lời nguyên không đầu không đuôi. Còi vung chân múa tay, ra oai với đồng đội: “Lính giải phóng quân sẽ giết sạch, giết hết bè lũ ác ôn, giành lại ruộng đất cho dân nghèo”...Đồng đội đồng thanh hưởng ứng, nhiều người đã rung rung nước mắt, chắc là gia cảnh nhà mình cũng đau thương như vậy. Trung đội trưởng Thắng quên mất vị trí của mình vỗ vai thân mật “Thằng này ít tuổi mà lý sự ra phết”.

Trước giờ hành quân đi làm nhiệm vụ mới, sân tập đông nghịt người ra tiễn, bà con dân bản hân hoan mang bao thứ đến. Người mang mâm xôi năm màu: xanh, đỏ, trắng, tím, vàng biểu tượng cho ngũ hành tương sinh, tương khắc của dân tộc Mường. Người mang những thanh cơm lam nóng hôi thơm lừng. Riêng rượu sán nùng thì ai cũng tặng, uống rượu sán nùng để nhớ hương vị núi rừng, nhưng trung đội trưởng Thắng ra lệnh cấm uống rượu trong lúc hành quân.

Nhiệm vụ mới là gì chẳng ai biết, ở đâu cũng chẳng ai hay. Bí mật quân sự mà, ai cũng háo hức. Đoàn quân theo hàng một, leo lên đỉnh dốc dài dằng dặc như một sợi chỉ không lò vắt qua núi. Vượt qua quả đồi này lại đến quả đồi khác, lúc lội suối, lúc bơi qua sông. Trung đội trưởng Thắng, dẫn quân đi đường tắt để kịp thời gian theo lệnh cấp trên. Đêm thứ ba thì về đến nơi, trời vừa kịp sáng, nhìn rõ nhà cửa, đường phố. Mọi người reo lên - Hà Nội, Còi ngơ ngác, ngẩn ngơ đứng giữa đường giơ tay dụi mắt, mơ hay thật, thật hay mơ. Cả trung đội vui sướng, tiểu đội trưởng Lục Hân nhảy lên reo hò, ôm chặt từng người - Hà Nội - Hà Nội. Không ai biết mệt, nhanh chóng vào vị trí làm nhiệm vụ. Trung đội xếp năm hàng dọc cùng với nhiều nơi khác thành một khối các dân tộc mang nhiều màu sắc rực rỡ. Còi vinh dự được cầm cờ đỏ sao vàng, đứng một mình trên hàng đầu tiên, súng sướng hồi hộp tay run run, mặt nghiêm nghị, mắt nhìn thẳng lên kỳ đài trông rõ từng người. Vườn hoa Ba Đình, người về dự Lễ mỗi lúc một đông có đến hàng vạn người. Trên kỳ đài, Cụ Hồ đứng chính giữa tóc bạc phơ, râu dài như ông Ké người Tày. Cụ Hồ đọc lời Tuyên ngôn độc lập. Còi nghe rõ từng lời: *“Dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Chúng cướp không ruộng đất, áp bức đồng bào ta. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn... hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”*. Ôi đúng quá, nhà cháu cũng bị chết gần hết rồi đây ạ. Giật mình, nhớ ra đang đứng trước đám đông, Còi lấy tay bịt

mồm. Trên kỳ đài, lời Hồ Chủ tịch lại vang lên: *“Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”*. Vội vàng Còi thưa to: *“Có ạ”*.

Lần này thì cả rừng người vang lên, hân hoan reo mừng. Trung đội trưởng Thắng trở thành người chỉ huy cả khối các dân tộc. Anh oai lắm, hô to một hai...một hai..., đi đều bước...diễu hành qua các phố ra tận bờ hồ Hoàn Kiếm. Hàng vạn, vạn con mắt nhìn vào đoàn quân dũng mãnh. Còi cầm cờ đỏ sao vàng năm cánh hiên ngang đi đầu. Lúc này, không biết Còi có nhớ việc về quê biển, thăm mẹ hay không?...

4

Đã hai hôm nay, quần quai trên ổ rom mà vẫn không đẻ được, mặc một mình Na vượt cạn; bà Cả và Bằng điềm nhiên ngồi uống rượu trên nhà. Có người mách chồng phải trèo lên mái bếp dỡ một đám rạ, là vợ đẻ ngay, thì bị Bằng mắng xoi xoi. Tối qua bà đỡ đến thăm khám bảo rằng: “Mới chuyển dạ ở độ lâm bồn, nở chưa được mười phân, nước ối chưa thấy, sinh con so nên có thể lâu một tý”. Bà Cả vuốt nước trầu trên mép nói: “Úi dào nó đẻ lúc nào thì đẻ, con chó con lợn đấy, có ai đỡ đâu mà cứ đẻ sòn sòn hàng đàn hàng lũ, bà về đi, mặc kệ nó”. Bây giờ cổ tử cung đã giãn nở hoàn toàn, nước ối tràn ra quá nhiều. Bà đỡ vội vàng chạy đến thì thằng bé bị chết sặc, chưa kịp cất tiếng khóc chào đời.

Thế là bà Cả hả hê, nó chẳng phải máu mủ nhà mình. Trong thâm tâm bà cũng mong vậy, để Y Vân con gái bà rảnh tay, sau này không còn chuyện vợ cả, vợ lẽ, con anh, con tôi. Bằng đã vượt lên bao khổ ải để giành lại tình yêu với Na, thế mà bây giờ thờ ơ, ruồng bỏ - Đất đã chôn vùi tất cả tình yêu, tình người.

Y Vân con gái lớn sắp về, để mọi chuyện êm đẹp, bà Cả gọi Na lên nói:

- Con tôi nó lấy bằng “Séc ti ca” rồi. Tôi sẽ làm đám cưới cho nó với thằng Bằng. Nói ra thì bảo ác mồm, cô phải biết điều một chút, dọn về Bái Môn mà ở. Tôi nuôi

báo cô cả mẹ lẫn con hàng năm trời như thế là đủ lắm rồi. Bây giờ một thân, một mình tự lo lấy cuộc sống đi, đừng có ăn bán nữa. Cô nghe rõ chưa?

- Vâng!

Na cố ghì nước mắt vào trong, trả lời nhát gừng rồi đi ra. Bà Cả gọi giặt lại:

- Nội nhật hôm nay phải dọn sạch cái ổ rom cho tôi, đẻ dãi gì mà máu me tung tóe ra đây, hôi dình dình.

Im lặng, Na đi một mạch xuống bếp. Từ ngày về làm vợ Bằng, đứng nghĩa hơn là làm con ở cho bà ta. Bằng cũng chỉ là con nuôi. Tất cả chẳng có máu mủ ruột thịt gì với nhau, nên ra sức hành hạ nhau. Đứa con trong bụng là kết quả của tội hãm hiếp được giữ kín cho đến hôm nay. Thôi, nó không còn nữa, nhưng đã trả lại sự trong sạch cho Na. Bây giờ rũ gánh ra đi là niềm hạnh phúc. Buông bỏ cái xấu để đón nhận cái mới tốt đẹp hơn. Không nuôi tiếc, không quyến luyến. Na vội vàng cấp nón ra đi. Bằng đứng trên hiên gọi giặt lại:

- Đứng lại tao bảo.

Na không ngoảnh mặt. Bằng chạy nhanh ra cầm tay kéo lại:

- Ở lại mấy ngày nữa, mới đẻ xong mà.

- Tao không cần.

Từ lúc đánh khăng, đánh đáo đến nay đều xưng hô thế, chưa bao giờ Na gọi bằng anh. Duy nhất chỉ có một lần ấy thôi, còn lại những ngày sống chui rúc trong ổ rom vừa làm vợ vừa làm tôi tớ vô cùng nhục nhã. Có đôi lần

Bằng lần mò vào ổ rơm, đều bị Na hô hoán như bắt kẻ trộm. Có mời thế hay mời nữa cũng không thềm. Bằng nhẹ nhàng nịnh:

- Về bên nhà ở, hàng ngày còn thắp hương cho bố.
- Không phải việc của tao.
- Vậy Na ở đâu?
- Tao có nhà của tao.

Vừa đi vừa nói, ra khỏi cổng, Na vụt biến như con chim xỏ lông.

Hôm mẹ mất, Na bị giam giữ rồi phiêu bạt, đến nay mới được đi tìm mộ mẹ. Mẹ mất không một tiếng khóc, không một mẩu khăn trắng trên đầu. Quả trứng bát com cúng mẹ cũng không. Không biết mẹ nằm ở đâu. Thời gian, bão gió, bãi tha ma bên bờ biển thành bãi cát trắng phau. Loáng thoáng vài cây sù vẹt, cây thánh giá ngã nghiêng, đánh dấu mộ phần của ai đó nhô lên. Những người có mặt lúc ấy, người thì chết đói, người thì chết dịch. Cổng làng cũng đóng kín nên chẳng ai tường. Ngay cả cây thông trên bãi cát, điểm tựa để trói gột đầu cũng không biết cây nào nữa. Nghĩ đến đây, Na òa lên khóc nức nở: “Mẹ ơi! mẹ hãy tha tội cho đứa con bất hiếu. Mẹ ơi sao con lại cực khổ thế này? Mẹ ơi chờ con với, cho con đi với mẹ, mẹ ơi!...”. Cứ thế Na cắm đầu cắm cổ, chạy một mạch, không cần biết trời cao, biển rộng, cứ thế lao xuống biển. Triều cường nước đang lên, sóng nối đuôi nhau, xô vào bãi cát xối bọt trắng xóa. Na như một cái chấm đen, dập dềnh theo sóng

nhô lên, chìm xuống. Từ trong bãi tha ma, Bằng nhìn thấy. Không chần chừ hấn lao như tên bắn xuống biển.

Thì ra, Bằng luôn đi theo, từ lúc Na bước chân ra khỏi nhà. Không muốn mất Na xinh đẹp. Không muốn mất một tình yêu mà đã phải vượt lên cái chết để giành lại. Có được tình yêu vô cùng khó, nhưng giữ được tình yêu càng khó khăn bội phần. Bằng đã không đủ sức, không đủ năng lực để kim giữ, mà “tham vàng bỏ ngãi”.

Hai người quần đảo trong sóng nước. Na từ nhỏ đã dầy dặn sông nước, như con thuồng luồng trong chuyện kể của đám trai làng; Nhưng qua một trận đẻ sức đã kiệt đi nhiều. Biết có người xuống cứu, Na lặn một hơi ra ngoài xa qua lớp sóng dồn. Bằng bơi lặn có kỹ năng hơn, đã là trai làng biển dù nghèo hay giàu cũng đã từng ra khơi bơi lặn. Lặn thật sâu, bật nhảy nhô đầu để sóng, là ngón nghề của người đi biển tự cứu lấy mình mỗi khi bị gió bão lật thuyền. Bằng nhanh chóng cứu được Na và bơi diu vào bờ.

Sau khi vác chạy mấy vòng, nước ở trong mồn ộc ra, Bằng đặt Na nằm xuống bãi biển làm hô hấp nhân tạo. Thấy ngoài bãi biển có chuyện, dân làng kéo ra, mỗi người một việc tập trung cứu chữa. Ai cũng xót xa thương tiếc và trách móc cha con nhà Bằng đã làm hại mẹ con Na. Thời thế đã thay đổi, người ta không còn sợ, mà đang lấy lại sự công bằng trong xã hội. Có tiếng ai đó gọi to: “Na à, cái Na đấy phải không?” Người đàn bà rách rưới, lấm le bùn đất, tay xách cái giỏ có vài con cua, con cá, gặt mọi người ra tiến vào, quỳ phục ôm Na khóc “Trời ơi, sao lại thế này hử em? Na ơi...là Na”. Bằng nhận ra đó là chị Sự.

Chị ngược mắt nhìn Bằng, hai con người long sông sọc, mím môi lại không nói gì, chị ôm chặt, hả hơi nóng của mình sang miệng Na. Hồi lâu, ngực Na đập nhẹ nhẹ, mắt từ từ mở và hồng hào trở lại. Thế là đã qua cơn nguy kịch. Không biết ai đó đã mang ra cái võng gai, đặt Na nằm lên và khênh về nhà Lý Khoái, theo sự sắp đặt của ông Khiếu chú của Bằng...

Chị Sự là người cùng làm với Na ở nhà Bà Cả Trường. Chị là người đầu tiên đỡ Na đứng dậy dẫn vào nhà bếp khi bị bà Cả Trường và Bằng quát mắng. Chị về ở cho bà Cả gần chục năm nay để gán nợ tô. Bố mẹ nghèo, không có ruộng đất, phải cấy rẽ của bà Cả hơn mẫu ruộng ngoài bãi, để trồng cối dẹt chiếu. Mấy năm lụt lội, bãi ngập trắng đồng, cối không lên được, không có chiếu bán. Không có tiền đóng gạo lấy đâu ra thóc nộp tô cho bà Cả. Đã thế lại họa vô đơn chí, bố bị đắm thuyền, trong lần qua sông sang bãi trồng cối, gặp cơn lốc cuốn đi. Chưa đầy bốn mươi chín ngày sau, mẹ cũng lăn ra chết vì cơn ho ra máu. Người ta bảo đó là trùng tang; chưa chắc đã phải mà cái đối trùng cái khổ thì có. Thế là Sự quán hai vòng tang trên đầu, mồ côi cả cha lẫn mẹ. Bà Cả cho thu ruộng và bắt Sự về gò lưng trả nợ tô. Được cái chị chịu khó làm, nên được bà Cả quý, trao cho tay hòm chìa khóa cai quản đám con hầu, người ở, dưới nhà.

Chị Sự thương Na lắm, biết Na đang mang thai nên không cho xay thóc, giã gạo, chỉ băm bèo, nấu cám cho lợn cho gà ăn. Chị đã luống tuổi mà vẫn chưa lấy chồng,

nhiều lần Na hỏi, chị chỉ cười và không nói gì. Đêm ấy trời rét hai chị em co quắp ôm nhau trong ổ rơm, không ngủ được chị kể thật: “Một lần chị đi bán chiếu, đứng bên cạnh chị là một anh to khỏe, không hiểu thế nào bó chiếu đồ, anh ta cũng đồ, chị đồ đề lên, nắm phải cái “của nợ”, ôi sao to thế, đèn giờ vẫn nhớ cứng như đòn càn, nóng ran. Lúc đứng lên chị vẫn còn nắm chặt, dơ quá. Từ đấy đến giờ không gặp anh ta đâu. Thi thoảng nghĩ đến lại thêm”. Chị dúm mặt vào ngực Na cười khúc khích, chắc lúc này mặt chị ửng đỏ. Chữa thẹn chị khẽ hỏi: “Của chồng mày có to, cứng không? nó đâm vào, đau lắm đấy mày nhỉ”. Na gạt phật đi: “Nào em có biết, đồ súc vật ấy nói làm gì”. Chị Sự biết mình lỡ mồm chạm vào nỗi đau của Na, chị xề xòa: “Ừ quên”. Để vui lòng chị, Na hỏi: “Sao chị không đi tìm anh ấy?”. Chị buồn rầu: “Biết đâu mà tìm, ngộ người ta có vợ, có con rồi thì sao”. “Cứ phải tìm cho ra ngô, ra khoai thế nào chứ. Anh ấy cũng thích chị lắm đấy”. “Ừ thấy anh ta cứ sờ nắn mãi đôi vú chị”. “Eo ơi chị thích nhỉ, em ước gì được giây phút ấy, hì hì...”. Lại một lần nữa hai chị em ôm nhau cười, quan tâm, chia sẻ với nhau, dành tình yêu thương chân thành cho nhau. Cuộc sống của những kẻ đầy tớ vẫn đẹp và vui, không còn ảm đạm, buồn phiền như trái đất thiếu ánh mặt trời.

Chị em ngày càng thân mật quấn quýt bên nhau, thế rồi tự dưng bà Cả gọi lên nói: “Này con Sự, con Na nó biết công biết việc rồi để nó làm, tao không cần mày nữa. Ngần ấy ngày làm cho tao thế là đủ số thóc nợ tô mấy mùa rồi. Ăn hết bữa cơm chiều nay, từ ngày mai không được bén mảng đến đây nữa, nghe rõ chưa”. Từ ngày ấy chị không

nhà, không cửa, lang thang nay đây mai đó, mò cua bắt ốc. Thì ra bà Cả nghe thằng Bằng xúi. Góc bếp bên trong có mỗi ổ rơm, cả đêm hai người đàn bà ôm nhau, không còn chỗ cho nó chui vào. Nhiều lần thèm quá nó phải nhin, phụt cả ra quần. Chị Sự đi rồi, Na bụng mang dạ chửa vẫn phải quần quật công việc suốt ngày, đêm đến để sẵn cái đòn gánh bên ổ rơm, thằng Bằng mò vào là phang, hét toáng lên, hô trộm...

Mọi việc cấp cứu đang bận rộn, người dọn giường chiếu, thay quần áo, người nấu cháo, người xoa dầu nắm bóp...thì có người từ bên Cao Đồng chạy sang gọi Bằng:

- Bẩm cậu, bà cho gọi cậu. Cô Y Vân nhà ta đã đỡ “Sec ti ca”, ngày mai làm lễ vinh quy bái tổ. Mời cậu về ngay ạ.

Ông Khiếu bực dọc quát:

- Séc với siệc gì thì mặc nó, vợ sắp chết đây này, không đi đâu cả.

Bằng lúng túng quay lại căn nhà:

- Chú buồn cười nhỉ. Không phải việc của chú!

Nói rồi bỏ mặc tất cả, Bằng nhảy lên chiếc xe đạp Pơ giô mới tậu, bấm chuông kính coong, kính coong lao ra khỏi cổng. Mới tập, tay lái yếu, nên cả xe và người đâm vào bờ rào, ngã chổng kềnh. Chẳng ai thèm quan tâm, người ta còn phải lo khối việc trọng đại hơn.

Y Vân là con gái đầu của bà Cả với Quan Tri huyện Nguyễn Quan Trường. Cô thứ hai là Y Mai, cả hai đều học

Trường Đồng Khánh ở Hà Nội. Lúc đó ở các tỉnh không có trường cho nữ sinh. Chỉ riêng Hà Nội được mở trường dành cho con nhà giàu và các quan chức người Pháp. Y Vân lấy bằng Tiểu học yếu lược (*Certificat d'Études Primaire Franco-Indigene*) sẽ được chuyển Cao Đẳng Tiểu học. Học xong 4 năm nữa được thi lấy bằng Díp lôm còn gọi là bằng Thành chung. Phải có bằng Thành chung mới được dự thi lên bậc Trung học tức bậc Tú tài. Con gái vùng biển nghèo thế là oai lắm rồi. Còn Y Mai sang niên học mới thi lấy bằng Tiểu học yếu Lược. Nhưng tất cả đều dừng lại vì thời cuộc thay đổi, các trường học tạm thời đóng cửa. Phận con gái có thời, lấy chồng, đẻ con, đến lúc trường mở lại, biết bao giờ? Bà Cả cũng tính toán đủ đường, cái bằng “Sec ti ca” của Y Vân là nhất làng này, tổng này không đứa nào sánh bằng. Thằng Bằng tuy kém học nhưng có chí, thông minh. Thời cuộc đã thay đổi, đi tìm đứa con nhà hàng tinh, để môn đăng hộ đối thì khó, lại mang tiếng cầu kết với thực dân, phong kiến. Lấy thằng Bằng thấp xuống một bậc tức là mình đã có tinh thần đời sống mới, dân chủ cộng hòa, mình là hạng người tiến bộ. Thế là họ nể, đồng tài sản ruộng đất kia không một kẻ nào dám động đến. Bà nói với Y Vân:

- Trước sau gì, con cũng là chủ hàng trăm mẫu đất, Mẹ đã sang tên cho hai đứa rồi, còn thằng Bằng chỉ như cái bóng thôi, nghe chưa?

Y Vân ngúng nguỵ:

- Bằng nào? Con có biết anh ta là ai?

- Còn ai nữa, nó mong ngóng con bao ngày nay rồi.

Mấy lần mẹ định đưa nó lên để gặp con, nhưng loạn lạc không sao mà đi được.

- Mẹ làm gì mà cứ rồi lên vậy.

Y Vân cần nhẫn. Bà Cả nóng ruột dục.

- Cái bằng “Sec ti ca” là danh giá rồi. Còn lên thành trung thì phải chờ. Trong lúc chờ thì lấy chồng, còn cai quản ruộng đất chứ. Con gái có thì thôi con ạ.

- Con đâu có cần ruộng đất. Y Vân tỉnh bơ trả lời.

Bà Cả đứng phắt dậy vung chân, múa tay:

- Ở con này, cho mày ăn học để mày nói thế à?

Y Vân nhẹ nhàng hạ giọng:

- Nhìn mẹ đây, suốt ngày đầu tắt mặt tối, chân nắm tay bùn, người thì teo tóp lại vì đất với ruộng có được gì đâu. Ngay ba con đây, hàng trăm mẫu ruộng chết có mang đi được đâu?

- Chị dạy tôi đấy hả? Trời ơi là trời!...

Lợi dụng lúc ba mẹ con tranh cãi, Bằng rón rén vào buồng riêng của mình thay nhanh bộ quần áo bám đầy đất cát và nước biển, thành một công tử, ra mắt Y Vân: Quần kaki xoa, áo sơmi chính hiệu Pierre Cardin cổ cồn, com lê màu cứt ngựa khoác ngoài, đầu đội mũ cát kiêu Pháp vành rộng đánh xi trắng bóng, chân đi đôi dép Khái Định làm bằng cao su non cũng màu trắng. Bằng và thằng hầu đã bàn với nhau, đi vòng vườn sau, trở ra ngõ qua cổng vào nhà như khách đến chơi. Tiếng chuông xe đạp kêu kính coong, kính coong, thằng hầu quay về mở cổng, reo ầm lên:

- Cậu đã về, cậu con về bà ơi.

Cuộc tranh luận trong nhà im bất, tất cả ủa ra cổng đón cậu Bằng. Cậu ngả mũ hai tay ôm trước ngực, khẽ cúi đầu chào:

- Con chào mẹ, anh chào hai em, tôi chào tất cả mọi người.

Con hầu, người ở, lấp ló trong bếp nhìn ra bùng miệng cười, khúc khích: “Hôm nay trời đi vắng, cóc mở miệng... Sắp bão to rồi...”. Họ không biết rằng, Bằng có hai bộ mặt, đây là bộ mặt thật. Bà Cả vồn vã ôm chặt Bằng xuýt xoa:

- Con của mẹ, yêu quá là yêu - Bà rồi rít gọi Y Vân, Y Mai đến - Anh Bằng của các con đây. Còn đây là Y Vân và Y Mai, các con làm quen với nhau đi.

Y Mai nguyền một cái rồi kéo mẹ đi ra. Bà Cả hiểu ý, quay lại nói:

- Ừ hai con đi dạo quanh vườn rồi về ăn cơm cho sớm. Ra xem vải sắp chín rồi đây.

Nghe lời mẹ, hai người dạo bước trên bờ ao rồi khuất trong rừng cây vải. Không biết họ nói gì, chỉ thấy đàn gà và chó chạy loạn xạ trong vườn...

Ông Khiếu ngồi bịch xuống tràng kỷ, thở dài lắm bầm: “Con với chả cái, thế này thì dân làng người ta ỉa vào mặt, còn ra thể thống gì nữa”. Bây giờ ông mới trách cháu thì sự thể đã rồi. Ngay từ khi Lý Khoái hấp hối đã để lại lời trăng trối là: “Chú bảo nó cưới ngay con gái nhà Cả Trường, rồi sang tên mười hai mẫu ruộng cây rế. Xin ở

rẻ bên ấy được cả nhà lẫn đất, còn ruộng đất bên này cho phát canh thu tô, mỗi mùa cũng thu được ổi thóc. Nó đại lắm chú cố bảo ban nó cho tôi”. Vậy đấy, nói thì nói thế thôi, lâu nay nó phải gải. bao nhiêu thóc tô thu được ông đổ vào bồ nhà ông hết. Bây giờ mà làm trái ý, nó moi ra thì chết, thôi mặc, bảo sao làm vậy cho yên lòng anh Lý nơi suối vàng.

Gian bên, người Na nóng ran, la hét gọi mẹ. Chị Sự tát bật chạy ngược, chạy xuôi làm theo hướng dẫn của bà đỡ. Chả là sau khi sảy ra chuyện, ông Khiếu cho đi mời bà đỡ đến, chưa bước chân qua cổng bà đã la ầm ĩ lên:

- Hôm nọ mất bao công sức, tao mới cứu sống được, chưa hoàn hồn đã đi tìm cái chết. Sao mà đại thế, hai lần chết hụt rồi, vẫn chưa chừa, lại còn la hét cái gì nữa. Đâu xem nào?

Xem xong rồi bà phán một thôi một hồi và cho ba gói thuốc lá, sắc uống:

- Thôi cũng may, về bên này mà ở, chứ ở với loại mẹ chồng ấy còn khổ. Ai đời con dâu đẻ mà vất ở cái xó bếp, như con chó, con mèo. Sống được là may, Cứ như tao, ứ thềm, mẹ chẳng mẹ thì đừng. Thôi tao về đây, uống hết ba thang này là khỏi.

Bà lại cầm bị cối, có cái liềm cắt rốn và đồ nghề đỡ đẻ, te tái đến ca nào khác.

Ông Khiếu rót thêm cốc nước chè, mời chị Sự:

- Chị ra uống chén nước đã, nghỉ tý không mệt.

Chị Sự vẫn giữ nếp của người hầu đã bao năm nay, không dám ngồi ngang hàng với lớp bề trên, chị lễ phép nói:

- Ông để mặc cháu.

- Thằng chồng nó như vậy rồi, chúng tôi không dạy được đành phải chịu. Trăm sự nhờ chị.

Ông Khiếu khôn khéo gió chiều nào che chiều ấy. Chị Sự nhẹ nhàng từ chối:

- Cháu không dám. Cháu giúp cho em được tý nào hay tý ấy thôi ạ.

- Nói thật lòng đây, tôi định thế này nhé, lát nữa căn buồng bên dọn dẹp xong, dành cho cháu, vừa kín đáo vừa yên tĩnh. Chị giúp tôi chuyển cháu vào.

Nghe đến đây, Na giật thót mình, chính gian buồng ấy Bằng đã hãm hiếp dã man, gây nên tội ác này. Ngồi phất dậy Na cương quyết nói:

- Tôi không ở đây!

- Vậy cháu đi đâu? Ông Khiếu mừng thầm, mảy đi tao mừng, tội gì phải gánh thêm cái nợ vào người .

- Tôi về nhà tôi - Na ôm lấy chị Sự khóc - Chị ơi về ở với em nhé.

Không khí nặng nề lại bao trùm lên khắp ngôi nhà, vốn đã oằn mình gánh chịu bao tội lỗi của cha con nhà Lý Khoái.

5

Như thường ngày, cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ, sáng sớm lại vang lên tiếng lách cách xóc bàn tính của Hạnh Mỹ. Dân hàng phố chỉ cần nghe, là biết thầy lang Tế có nhà hay không. Hạnh Mỹ xóc dồn dập, thôi thúc mời gọi. Thầy Lang Tế xóc tiếng to, tiếng nhỏ đều đều như an ủi lòng người. Việc xóc bàn tính vào buổi sáng sớm ở mỗi cửa hiệu thuốc bắc là rất quan trọng, nó mở đầu cho mọi sự may mắn tốt đẹp trong ngày. Xoa tay lên bàn tính, có nghĩa là xóa đi tất cả những con số đã tạo ra, bao nhiêu lợi lộc sẽ tan biến. Cho nên thầy Lang Tế - cảm ơ, chỉ có Hạnh Mỹ mới được đặc trách việc này.

Vượt qua hai đại sự: chống đói và chống bệnh dịch tả, thầy Lang Tế như từ cõi chết trở về, nhiều lúc phải đương đầu với cái chết để bảo vệ mình, gia đình và những người nghèo khổ. Thầy thường nói: “Trên đường đời có thể đánh rơi nhiều thứ, nhưng đừng đánh rơi lương tâm của chính mình”. Thầy đã mang tất cả tâm lực ra làm việc. Trong những ngày đói kém Thầy đã cứu sống hàng ngàn lượt người. Trong đại dịch thổ tả cả nhà thầy đã tổ chức bao vây và diệt các ổ dịch mang lại cuộc sống yên bình cho bao nhà. Nhiều người sau khi chữa khỏi bệnh đã được trưng dụng ở lại học nghề và làm công cho cửa hiệu. Tuy hiện nay tại nhà Thầy không còn bệnh nhân nữa, nhưng cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ đã trở thành địa chỉ tin cậy của mọi người xa gần.

Sáng nay vừa làm xong công việc, ngẩng đầu lên thấy nhiều khách vây quanh. Hạnh Mỹ đơn đả đón chào:

- Sáng sớm mai, xin chào các ông các bà. Mời mọi người xoi nước, chờ đến lượt.

- Cám ơn cô chủ, chúng tôi là bệnh nhân quen cả đây mà.

Thầy Lang Tế khăn áo chỉnh tề, đó là thói quen của thầy khi ngồi vào bàn bắt mạch. Hạnh Mỹ vừa gọi tên từng người đến lượt, vừa bốc thuốc. Xoa đã thành thạo công việc được thầy cho phụ với Hạnh Mỹ, tán thuốc, thái thuốc. Bà Lang điều hành tốp thợ làm cao đơn hoàn tán. Người nào việc nấy như một guồng máy. Khách đến lấy thuốc, người thứ nhất rồi người thứ hai, thứ ba...không ai kể bệnh, tất cả chỉ một lời: “Chúng con vô cùng biết ơn thầy, có được như thế này là nhờ thầy ra tay cứu giúp, cho thuốc, cho ăn để vượt qua cơn nguy kịch. Hôm nay có được hạt thóc, củ khoai chúng con mạn phép mang lên biếu thầy. Xin thầy chấp nhận cho chúng con vui lòng”. Thầy lang Tế đứng dậy ôn tồn nói:

- Mọi người đều khỏe mạnh, không phải xem mạch lấy thuốc là tôi mừng rồi. Còn tất cả quà cáp tôi không dám nhận. Phật đã dạy, làm ơn không nên nhận ơn mà. Tôi khó nghĩ quá.

Tất cả mọi người ủa lên trình bày nguyện vọng của mình. Duy nhất có một người đàn ông ngấp ngừng muốn nói điều gì đó. Thầy lang hiểu ý liền hỏi:

- Anh lại gần đây, cần khám bệnh hả?

Người đàn ông trả lời:

- Thừa cụ con là Bổng ở Khánh Hữu đây ạ.

- Ô, tôi quên khuấy đi mất, nào đưa tay đây tôi bắt mạch cho - Thầy lang quay ra giới thiệu với mọi người - Đây là anh Bổng người làng Khánh Hữu đã giúp tôi rất nhiều trong chuyến đi chống bệnh dịch tả.

- Dạ thưa cụ thể này ạ. Cụ Tiên nhà con cho con lên mời hai cụ về dự lễ ạ.

- Cảm ơn cụ Tiên, lễ gì thế anh?

- Dạ ngày mai cụ Tiên làm lễ cầu an, cầu siêu cho tất cả chúng sinh bị chết đói và chết dịch, dù người làng hay bất cứ ở đâu đều được mời vong về.

- Thế hả, cụ Tiên phúc đức quá. Việc này nhất định ta sẽ về - Thầy lang Tế mừng rỡ, luống cuống rồi nói với mọi người - Bây giờ thế này nhé, tất cả quà cáp ta nhận hết - Nghẹn ngào thầy mới nói tiếp được - Nhưng tất cả sẽ chuyển về Khánh Hữu để dâng lễ “Mông sơn thí thực” cho những người đã khuất. Chắc rằng trong số chúng ta ở đây nhà nào cũng có người thân, họ hàng qua đời vì đói khổ và bệnh dịch đang bọ rùa dưới tuổi vàng. Có bằng lòng với ta như thế không nào?

Tất cả lặng đi giây lát, rồi đồng thanh trả lời:

- Vâng ạ, thầy cho chúng con đi cùng.

Thế là một đoàn người gồng gánh lên đường trở về Khánh Hữu. Thầy cho đóng cửa hiệu để tất cả nhà cùng đi. Đoàn người hôm nay không phải là chạy loạn như hôm bà Lang bế thằng tây đen Robel Nam. Không phải đi chống dịch tả, mà hoan hỉ đi lập đàn “Mông sơn thí thực” cứu độ chúng sinh, cứu vớt cô hồn không nơi nương tựa.

Chùa Phong Điền rợp bóng cờ hội. Khánh Hữu hầu như cả dân làng không đi biển, không ra đồng cày cấy, tất cả kéo ra chùa làm lễ. Dân Bái Môn người đi lương, đi đạo cũng tập lập đội lễ lên chùa, vì người Bái Môn vẫn còn gốc gác tổ tiên bên Khánh Hữu. Qua hai lần đại hạn, hai làng có gần hai trăm người chết và lưu lạc mất tích, dân số vơi đi một nửa. Bãi tha ma Hoang Điền đã mở rộng vẫn không đủ chỗ. Người ta thường nói, khổ đau sẽ làm cho tương lai thêm mạnh mẽ. Đúng vậy Khánh Hữu luôn luôn đứng vững và vươn lên trong gió bão.

Để làm khóa lễ Mông sơn thí thực hôm nay, ông Tiên đã nói với dân làng rằng: “Tuy mới có thu hoạch được một vụ mùa sau đói, đời sống tạm vực lên được. Nhưng vẫn phải làm, phải nhớ đến người đã khuất. Ai đáng góp được bao nhiêu là tùy tâm”. Nói vậy, nhưng đến bây giờ vẫn chưa biết đóng góp được bao nhiêu. Tạm thời ông bà Tiên đứng lên lo liệu hết. “Cho đi không mất, phước đền về sau”, bà Tiên bảo vậy và hăng hái đi mua sắm đồ lễ. Bà huy động tất cả mọi người bắt tay ngay vào công việc. Anh Cốc tá điền khỏe mạnh nhất lo việc dựng rạp. Cái Sen mở kho xuất mười thùng thóc cho cánh hàng xóm xay gạo, thổi cơm, nấu cháo. Hôm nay lại được bà Lang Tế cùng cô con gái Hạnh Mỹ mang về bao nhiêu thứ nữa. Lại cả những người cùng đoàn với ông bà lang Tế, đi đến đâu, nghe tin nhiều người cũng đội lễ đi theo về Khánh Hữu. Bà Tiên mừng quá. Một việc rất quan trọng mà bao đêm nay ông Tiên suy nghĩ. Đã gọi là chạy đàn thì phải có nhạc, mà ban cung văn của làng qua trận đói vừa qua đã chết mất

tay đánh trống, lấy ai thay bây giờ. Cuối cùng ông nhớ đến Tráng. Chả là mẹ Tráng hồi còn sống là cây hát chầu văn nổi tiếng cả vùng. Những đêm hội làng bà hát thâu đêm. Mỗi lần như vậy Tráng thường theo mẹ ngồi trong đám cung văn xem tay trống, tay đàn đánh nhịp. Ông Tiên gọi Tráng về hỏi: “Anh có biết đánh trống cho ban cung văn không?”. Tráng vui vẻ trả lời “Thưa ông gì chứ chuyện đánh trống con thạo lắm”. “Thật không? Ta chưa thấy anh đánh trống bao giờ, thử ta xem”. Không có trống, Tráng lấy tạm cái cối trầu bằng đồng làm trống rồi hát:

“Nước lên cá đối ăn theo.

Lòng anh muốn lấy cô chèo phách ba.

Phách nhất còn trẻ chưa già.

Phách nhì chưa vợ, phách ba chưa chồng.

Mũi oi thương lấy lái cùng.

Có mũi có lái như rồng có mây.”

Ông Tiên gật gù khen: “Hay, hay lắm”. Thế là ông yên tâm, ngay tối ấy cho ban cung văn ra đình tập luyện.

Cũng tại nhà tả vu ở đình làng, nơi cách đây mấy tháng thầy Lang Tế ngồi bắt mạch cho bệnh nhân dịch tả, hôm nay thầy ngồi viết sớ cho những người đã chết. Một danh sách các vong linh dài mấy trang giấy. Đặt bút viết, mỗi tên hiện ra là những hình ảnh cuộc đời họ lại nhấp nhô lướt về. Nhòe mắt, tay run run thầy đặt bút xuống lặng lẽ thở dài. Đột nhiên có tiếng gọi sau lưng:

- Em có lời chào thầy.

Thầy lang Tế quay lại nhận ra:

- Vâng, chào bà Hương.

Bà Hương Cán nói một lời không nghi:

- Hôm qua, ông Tiên bảo nhà em khai đầy đủ vong linh của ông Hương để thầy viết sớ. Nhưng rồi em nghĩ lại, khóa lễ này là của bọn cùng đinh, của bọn cô hồn vô gia cư không nơi bám bấu. Còn ông Hương nhà em khi còn sống có chức, có quyền. Khi chết có lăng, có tẩm đàn hoàng, đâu phải chúng sinh lang bạt ở cái bãi tha ma Hoang Điền. Thế cho nên em xin rút tên về, em sẽ làm lễ cho ông ấy to gấp mấy cái lễ này ấy chứ. Thầy nghĩ có đúng không? Thầy không được viết vào sớ.

Những lời nói của bà Hương như những mũi tên đâm và trái tim Thầy. Thì ra vậy, người giàu và nghèo, người có quyền lực và cùng đinh, khi chết xuống âm phủ cũng phải đi về hai phía. Một bên đầy ngạ quỷ và một bên thánh thiện. Thầy bình tĩnh trả lời:

- Bà không muốn cũng được. Mông sơn thí thực là lộc lễ của Phật, của lòng người. Những ai muốn đi trên con đường thánh thiện, không gì khác hơn là phải phát huy trí tuệ. Vì chỉ có đức hạnh và trí tuệ mới tạo ra năng lực siêu nhân vượt ngoài nhận thức thông thường của thế gian thôi bà ạ.

- Tùy, ông muốn làm gì thì làm, sau này đừng có trách.

Bà Hương tức tối trả lời nhất gừng rồi ngúng ngẩy đi ra.

Phía trước sân chùa, Đàn lễ “Mông sơn thí thực” được trang trí rất sinh động trong ánh nền tâm linh với tinh thần từ bi hỷ xả của Đạo Phật. Xung quanh chạy đàn, bày đồ

chay, bông, ngô, khoai luộc, bánh đa, bánh đúc, cơm nắm. Từ ngoài cổng đi vào hai bên mép đường là những chiếc lá đa cuộn theo hình phễu, đựng cháo trắng có que cài cắm xuống đất. Hoa quả được bày trong những chiếc nong lớn để khắp sân. Theo quan niệm Phật giáo, thế giới cõi âm có vô vàn cô hồn không nơi nương tựa. Lập đàn thí thực để thể hiện uy linh Phật pháp và tinh thần từ bi hỷ xả cứu độ chúng sinh, cứu vớt cô hồn tại chốn Phật đường.

Người ở khắp nơi đổ về đông nghịt ngồi chật kín sân chùa, Trên đầu họ là những vành khăn tang, có người bốn năm vành quấn chồng lên nhau. Cả một vùng trời, vùng đất, trắng xóa khăn tang. Làm xong mọi việc, bà Tiên giao Sen quán trên đầu ba vành khăn tang bế cu Sứu ngồi hàng đầu. Giữa đám đông là hai chị em kết nghĩa Sứ và Na từ Bái Môn sang. Na hôm nay trông khỏe mạnh hơn, người đã có da có thịt.

Hai bên tả hữu Tam bảo là lầu chuông và lầu trống. Lầu chuông do anh tá điền Cốc điều khiển, vì muốn đánh được chuông ngân vang, phải dùng lực đẩy cây dùi rất to treo lơ lửng đập vào chuông, một trăm linh tám tiếng. Bên lầu trống do Xoa điều khiển. Chuông và trống phải hòa nhịp âm thanh tạo ra không khí trang nghiêm.

Đột nhiên Sứ đập vào lưng Na khẽ reo lên:

- Mày ơi, anh bán chiếu kia!

Na ngó ra một lúc rồi hỏi:

- Đầu chị.

- Kia kia, anh đánh chuông đầu đội khăn trắng, thất lưng đỏ đấy.

Thế là hai người kéo nhau chạy vội đến bên lầu chuông. Đứng ngắm một lúc Sứ bảo:

- Đứng rồi đẩy mày ạ.

- Lấy gì làm bằng chứng hở chị?

- Tao có cách - Nói rồi Sứ hát luôn hai câu:

“Giúp em đôi chiếu em nằm,

Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo”

Đó là hai câu ca dao mà khi chờ khách mua chiếu, những người bán chiếu thường hát như vậy. Cốc đang chuẩn bị chuông thấy có người hát hai câu quen thuộc liền quay ra hỏi:

- Ai hát đấy nhỉ?

Sứ xấu hổ quay đi, Na trả lời hộ:

- Anh cũng biết câu hát này à?

- Còn lạ gì nữa, ngày còn đi bán chiếu anh hát suốt. Cốc vui vẻ bắt chuyện.

- Thế bây giờ anh có thích hát nữa không? Na hỏi.

- Hát một mình chán chết, ngày ấy hát mấy người mới vui. Cốc có vẻ mạnh dạn hơn.

- Đây hát với chị em nhé - Na kéo Sứ quay lại và đẩy về phía Cốc.

Ngạc nhiên và lúng túng trước bất ngờ, Cốc ơ lên một tiếng:

- Có phải cô... đề lên tôi...hôm ấy không nhỉ?

Không trả lời Sứ đâm thùm thụp vào lưng Cốc. Na ôm miệng cười rồi chạy một mạch về chỗ ngồi, mặc kệ hai người muốn là gì làm...

Theo lời Phật dạy buổi chiều là giờ ăn của ngã quỷ, nên ông Tiên cho mở đầu vào buổi chiều kéo dài đến đêm khuya. Lễ cúng đàn Mông sơn thí thực được tiến hành trong không khí trang nghiêm tĩnh lặng. Theo nghi thức, khóa lễ bao gồm: Nhiều đàn, đọc khóa cúng, bắt quyết, múa long hồ, sái tịnh chân ngôn, dâng lục cúng, thỉnh mời cô hồn, tuyên sớ cầu an. Thầy lang Tế viết sớ, nhưng cả làng không ai biết chữ nho. Ông Tiên phải trực tiếp tuyên sớ. Giọng ông sang sảng đọc rõ từng vong linh, oan hồn. Con cháu ngồi dưới nghe đến tên cha, tên mẹ, họ hàng nhà mình lại òa lên khóc. Tiếng khóc to dần, to dần vang xa, vang đến tận chân trời cuối biển.

Khóa lễ được diễn ra trong tiếng âm nhạc Phật giáo do ban nhạc cung văn của làng biểu diễn. Mới có mấy ngày tập mà tiếng trống, tiếng kèn da diết và trầm bổng mang đến cho người nghe sự đồng cảm, thấu hiểu và thương xót các vong linh. Tráng quán trên đầu bốn mảnh khăn tang trắng, lưng thắt khăn đỏ cầm trống châu thật khớp nhịp. Ông Tiên ngồi chiếu cụ thượng chăm chú nghe, nhìn và luôn luôn gật đầu tán thưởng. Từ phía trước vang lên tiếng hát “Lòng mẹ” thật ngọt ngào và yêu thương “*Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ. Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha...*”. Lòng mẹ cao cả vô cùng, cha mẹ thương con bằng cả khoảng trời, mẹ chăm sóc con từ khi thai nghén đến khi trưởng thành, cả chặng đường đời hình ảnh người mẹ theo suốt đời con, là bến bờ vững chãi cho con nương tựa. Bây giờ cha mẹ không còn nữa, con biết trông cậy vào ai. Những tiếng khóc, nức lên từng

hồi. Sen ngồi lắc lư, hai mắt nhắm nghiền, mặt đỏ bừng bừng rồi lăn ra sân “vong nhập, vong nhập”, vài người vây quanh “lạy cô, lạy cô”...Chỗ này, chỗ kia, rồi gần như tất cả “vong nhập”...”lạy cô, lạy cô”...

Đến khi tiếng nhạc và tiếng hát ngừng hẳn, người ta mới biết đó là tiếng hát của cô Hạnh Mỹ con gái thầy Lang Tế.

Phần quan trọng của khóa lễ là chú nguyện cho người quá vãng siêu sanh và người tại thế tăng phước, tăng thọ. Bà Lang Tế trong bộ lễ phục, làm chủ nhang, ngồi trước Lễ đàn, tay gõ mõ. Bà đọc từng câu chữ trong Kinh Vu lan bốn, cầu nguyện cho các oan hồn siêu thoát về nơi vĩnh hằng. Dứt một câu tất cả mọi người ngồi phía sau đọc theo.

Những âm thanh ấy đều đều, vang lên tận chín tầng mây. Chắc chắn rằng các vong hồn xa gần cũng về nghe kinh đông đủ. Sống không có đất ở, chết bụng trống rỗng. Thần thức của những cô hồn chết oan ức, máu đổ xương tan thấm đầy ruộng đất, không biết vì sao?. Chết rồi cũng không thể siêu sinh. Tâm quán tưởng tất cả chúng sinh có bao nhiêu nghiệp chướng đều bị tiêu diệt. Hôm nay hoan hỉ được người đời dẫn dắt, giải thoát tạo ra một lực dụng vô hình, tác động vào thần thức của cô hồn.

Cuối buổi lễ đàn, các chúng sinh, Phật tử đua nhau cướp cháo, cướp ngô...Bà Tiên, bà Lang Tế đích thân đi phát lộc...

Mọi người về hết. Thấm mệt. Bây giờ hai ông mới có thời gian ngồi nhâm nhi ly rượu, hàn huyên. Ông Tiên mở đầu câu chuyện:

- Trên đời có hai việc quý là hiếu thuận và hành thiện chúng ta đã làm trọn rồi, có phải thế không ông?

- Niềm vui đích thực không phải là sở hữu được nhiều thứ, mà chính là sự an lạc trong tâm.

Hai ông lại cười vang, hai ly rượu hạt mít khẽ chạm vào nhau rồi dốc ngược lên trời, sau tiếng khà, khà cho hơi rượu bay theo. Triết lý nho giáo của hai ông đồ kéo dài đến tận đêm khuya. Một đám người nhà bà Hương đẩy cổng kéo nhau vào. Bà Hương năn nỉ:

- Con cần rom, cần cỗ lạy thầy. Thầy cứu giúp nhà con với ạ.

Hai ông ngạc nhiên ngừng chén. Ông Tiên điềm tĩnh hỏi:

- Đêm hôm khuya khoắt thế này, có chuyện gì vậy hờ bà?

- Thừa cụ và Thầy lang, cháu nhà con trẻ người non dạ đi chơi khăng, chơi cù rồi đánh nhau ngã gãy cả tay. Ôi đau quá xin Thầy cứu giúp.

Thầy lang Tế đứng dậy, nắm bàn tay thằng Quốc con bà Hương đang nằm rên rĩ trên võng cang. Bàn tay phải mềm oặt, máu chảy bê bết, các đốt xương ngón trở nát vụn, nóng ran...

Thì ra thế này, đâu có phải đánh khăng đánh đáo gì. Bà Hương đỏ vấy như vậy để che dấu một việc làm xấu xa, tày đình. Hôm rồi, ông Tiên dẫn thầy Lang Tế đi xem

thổ đất công. Cả dân làng Khánh Hữu đã đồng tình kính biểu thầy, gọi là tấm lòng trả nghĩa mà thầy đã ra tay cứu giúp mọi người qua cơn đói khổ, dịch bệnh. Trước hết để thầy trồng cây thuốc. Loại cây này được trồng trên vùng cát, hứng gió biển là rất tốt. Khánh Hữu tự hào là nơi sinh trưởng của các loại cây thuốc quý, cứu bệnh, cứu người. Mặt khác, thổ đất ấy là nơi trú ngụ của thầy để tu luyện hành nghề. Chẳng khác gì Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác quê ở Hưng Yên, nhưng cư trú và trồng cây thuốc lại ở Nghệ Tĩnh. Khốn nỗi nhà bà Hương ở phía sau thổ đất ấy, hàng ngày cứ phải đi qua đây. Hồi ông Hương Cán còn sống, nhiều lần nhắm nhe muốn lấy mà không được. Bây giờ lại cho không thầy Lang Tế, thật là vô lý. Bà Hương định làm âm lên thì thằng Quốc con trai đã ngăn lại: “Mẹ đừng đẩy con trị cho”. Thế là nó mời thầy địa lý về, thầy phán: “Đây là đầu rồng, làm nhà hướng đông bắc là phát, hứng toàn bộ phúc lộc vào nhà. Long mạch nhà cậu sẽ bị cắt, làm ăn lụn bại, không chết người thì cũng khuynh gia bại sản”. Nghe đến đây hai mẹ con giật thót người, bà Hương cuống quýt hỏi: “Bây giờ phải làm thế nào hả thầy”. Thầy tỉnh bơ trả lời: “Chỉ có yểm là chặn được, nhưng tốn kém đấy”. Bà Hương mừng rỡ: “Xin thầy giúp cho, hết bao nhiêu cũng được ạ, miễn là chặn được nó”. Thế là chờ lúc trời nhá nhem tối, thầy địa lý làm lễ ở giữa thổ đất. Sau khi đọc thần chú, thầy trao cho Quốc một cây cọc tre to, dài một mét, một tác rươi có dán giấy xanh đỏ, gọi là cây bùa. Anh tá điền và Quốc mang cây bùa ra hướng đông bắc cắm xuống đất, bên cạnh trồng một cây gạo chân trạch. Cọc dài đất rắn, rất khó đóng, Quốc tay

cầm cây bùa, anh tá điền giờ cao vồ đóng xuống. Trời tối nhá nhem, cái vồ gỗ lim to nặng đập mạnh vào ngón tay giữa nát bét, cả bàn tay sưng vù. Không còn cách nào khác, bà Hương đành vội vàng mang con đến nhờ thầy Lang Tế, mặc dù đó là kẻ thù.

Tình thế khó xử, đây không có thuốc và các phương tiện, làm cách nào bây giờ? Bất ngờ Tráng từ trong bếp mang ra cây culy.

- Thừa thầy có culy đây ạ.

- Tốt quá.

Nói rồi thầy nhường chỗ Tráng băng bó cho nạn nhân. Những ngày Tráng làm việc cho Thầy đã được hướng dẫn, nên rất thành thạo và luôn có một số vị thuốc bên người. Thấy ngón tay không thể băng bó được Tráng thưa:

- Thừa thầy ngón giữa bị nát rồi ạ.

Thầy Lang Tế xem xong quay sang nói với bà Hương:

- Chỉ còn cách cắt bỏ, nếu không sẽ hoại tử, ảnh hưởng đến cả bàn tay. Ý bà thế nào ạ?

Bà Hương dấy nẩy:

- Không có cách nào sao? Thầy trò ông giỏi lắm cơ mà?

Ông Tiên từ nãy giờ ngồi yên, bây giờ phải lên tiếng:

- Bà bình tĩnh, thầy hỏi phải cắt bỏ ngón tay, bà có đồng ý không, cơ mà?

- Trời ơi là trời, sao con tôi lại khổ thế này?

Bà Hương nằm lăn ra sân la hét. Bà Tiên và bà Lang đỡ dậy dỗ dành:

- Đó là nghiệp chướng thôi bà ạ. Cháu nó không gánh chịu thì người khác phải gánh. Biết đâu nó rơi vào mình thì sao. Số mệnh không định trước mà.

Bà Hương thở hắt hắt nói:

- Mong thầy nhẹ tay cho cháu, đau quá, tôi đang đau từng khúc ruột.

Hai bà dìu bà Hương vào trong nhà. Thầy Lang Tế và Tráng nhanh chóng cắt bỏ ngón tay giữa của Quốc ra khỏi bàn tay đau đớn.

- Thế là từ nay thằng Quốc nhà Cán có một cái tên mới là Quốc bốn ngón.

Ông Tiên nói vậy.

6

Từ hôm được Tráng xoa bóp, hai bầu vú của Sen căng phồng đầy sữa. Thăng Sứu lớn nhanh như thổi, chạy hết trong nhà ra sân, bi bô gọi ông, gọi bà, chỉ có bố là chưa sôi. Tráng thấy mọi công việc đã vãn, Thu hoạch cói đã hòm hòm. Lễ đàn Mông sơn thí thực đã viên mãn, tổ hảo. Gây một tiếng vang rộng lớn cả vùng, ông bà Tiên, ông bà Lang Tế được mọi người yêu mến. Tiếng trống của Tráng trong ban cung vãn đã họa cho tiếng hát của Hạnh Mỹ, như tha thiết mời gọi các oan hồn trở về. Sau lần vong nhập ấy, đến nay Sen vẫn còn mệt, nhưng mừng được “gặp con”, biết con đã nhận được đầy đủ quần áo, đồ ăn thức uống mà ông bà Tiên đã cúng tiến tại khóa lễ Mông sơn thí thực. Điều ước lớn nhất của Sen lúc này là được mang hài cốt của con về bãi tha ma Hoang Điền, cho gần mẹ, gần con. Sen mạnh dạn thưa chuyện với ông bà Tiên:

- Thưa ông bà, như lần trước con đã thưa chuyện về hoàn cảnh của con, ông bà đã tha thứ và cho con được nuôi em.

Ông Tiên sốt ruột:

- Thôi không nhắc lại chuyện cũ đau lòng nữa. Bây giờ mày muốn gì, nói đi xem nào?

Được phép của ông bà Tiên, Sen hăng hái nói:

- Dạ thế này ạ. Con muốn xin phép ông bà cho con đi vài ngày để tìm hài cốt cháu bé nhà con. Hôm khóa lễ

Mông sơn thí thực, con đã “gặp” được cháu - Sen òa lên khóc - cháu nói, cháu muốn được về nghĩa trang làng ta để mẹ con gần nhau. Mong ông bà thương cháu cho con được toại nguyện.

- Tưởng chuyện gì, chứ chuyện ấy, mày không muốn tao cũng bắt phải làm, nghe chưa? Bây giờ thằng Sứu cai sữa rồi, để đấy, ở nhà tao trông.

Nói xong bà Tiên quay vào gọi Tráng:

- Anh Tráng đâu, xem công việc rồi thu xếp mai đưa con Sen đi, chứ một mình con gái, con lúá biết đâu mà lần.

Tráng từ dưới bếp chạy lên, ông Tiên nói luôn:

- Chuyến dò đêm ấy anh cùng đi, biết chỗ rồi tìm cho bằng được hài cốt của thằng bé. Nếu thấy hài cốt nào chưa có người nhận, anh chuyển hết về Hoang Điền cho tôi, rồi làm lễ chôn cất cho người ta. Khổ, tất cả đều cảnh nghèo đói cả thôi mà.

Tinh mơ sáng hôm sau, hai chú cháu khăn gói lên đường. Bà Tiên gói cho một mo cơm nếp to và dặt lưng cho mấy đồng để ăn đường. Thực ra, Tráng cũng chẳng biết ông chủ thuyền đưa mười hai người chết lên bờ là chỗ nào. Lúc ấy Tráng đang cơn mê sảng, viên đạn bắn vào đùi bê bết máu. May mà có thằng cháu Xoa công chạy lên bờ, chứ không thì cũng nằm trong số phận những người xấu số này. Đường là ở mồm, cứ đi đến đâu hỏi đấy. Sen khôn khéo hơn, đi lên chợ huyện rồi lẩn ngược lại theo đường cũ, có vòng vèo một chút nhưng chắc ăn. Thôi chiều vậy, Tráng hăng hái đi theo. Hết ngày hôm ấy, rồi một ngày

hôm sau, đến một điểm canh đề thì trời tối, hai người vào làng ở dưới chân đề tìm nơi nghỉ trọ. Qua câu chuyện kể, ông bà chủ nhà nhận ra, bà ôm chầm lấy Sen nói một thôi một hỏi:

- Ôi giờ ơi! quý hóa quá, Thì ra cháu còn sống và béo tốt như thế này à? Hôm ấy tao cứ tưởng mày chết. Vợ chồng tao định mang mày về nuôi, nhưng con ơi khổ quá, trong nhà chẳng còn hạt gạo nào. Hai đứa con tao cũng bỏ đi mất tích, chẳng biết sống hay chết nữa. Bây giờ mày về đây tao coi như con cái trong nhà. Sống ở trên đời, làm ơn thì không nên nhớ, nhưng nhận ơn thì phải trả, con về như thế này là phúc để đời đây.

Ông chủ nhà sốt ruột nói:

- Thôi thôi bà ơi, nói hết phần của chúng nó rồi - ông quay sang nói với Tráng - Các cháu yên tâm mười một phần mộ, trong đó có đứa bé con cháu đã được mai táng cẩn thận. Mặc dù không phải người làng, hay họ hàng quyến thuộc gì, nhưng ngày rằm, mùng một đều hương khói đầy đủ.

Tráng và Sen vội vàng đứng dậy, hai tay chấp trước ngực vái lạy:

- Chúng con tạ các cụ, các ông, các bà đã có công cứu giúp.

Hai ông bà đỡ dậy và nói:

- Chúng mày không được làm thế, tao chả có công gì cả, đây là cái tâm, cái lòng của cả làng. Nhất là ông chủ lái đò có công nhiều nhất.

Tráng ngạc nhiên hỏi:

- Thưa chú ông chủ lái đò?

- Nào tao có biết, ông ấy có phải người làng này đâu. Một dạo, thấy ông ấy cứ tha thân ở ngoài bờ sông tìm kiếm cái gì đó. Thấy nghi ngờ tao hỏi, ông ấy kể lại câu chuyện chuyến đò đêm hôm ấy. Thật tội nghiệp...

Sau chuyến đò đêm ấy, ông chỉ còn đi mấy chuyến nữa là phải ngừng. Cái nghề sông nước vất vả mà chẳng đủ ăn. Dòng sông Cái là con đường huyết mạch từ cửa biển đi lên các miền. Từ dạo loạn lạc đến giờ, hết tàu Tây lại đến tàu Nhật. Thêm vào đó cả tàu “Ký Bưởi”, tàu cô “Tư Hồng” quần đảo đêm ngày, nước sôi lên sùng sục. Các đò bé nhỏ nép về, dạt vào bờ rồi chìm ngấm. Ông chủ đò đành phải bán thuyền đi lên bờ. Nhớ lại lời cầu nguyện khi đặt mười hai thi hài nơi bãi sông: “*Chúng tôi ghi lòng tạc dạ, bao giờ trời đất an bình, mưa thuận gió hòa, xin trở lại, đưa hài cốt và vong linh các người về với đất mẹ, A di đà Phật...*” ông tìm về sám hối. Bãi sông còn đó, bùn đất ngập đầy, cỏ mọc hoang vu không biết đâu mà tìm. Đi dọc bờ đề, đến điểm canh ông thấy trên tường vẽ một hình cái mộ và mũi tên chỉ bên phải cùng sáu chữ nho: “nhất thập nhất nhân ất hợi” có nghĩa là đi về phía bên phải có ngôi mộ chôn chung mười một người chết đói năm 1945. Không phải rồi, sao lại mười một người, mười hai người chứ, rõ ràng hôm đó đếm đi đếm lại mà? Ông nghĩ như vậy và tìm người hỏi. Cuối cùng, dân làng nói lại, ông tin. Mấy hôm sau ông trở lại mang theo một cây đa, trồng trước khu đất và xây miếu Thần linh. Ông dùng số tiền bán thuyền của mình xin phép dân làng cho làm một túp

lều nhỏ và xây mười hai ngôi mộ hình tròn. Mọi người ngạc nhiên hỏi, ông bảo ngôi thứ mười hai là của ông. Ông nằm ở giữa, còn lại quây quần chung quanh, tất cả đều vô danh, vô gia cư. Còn quê ông ở mãi tận Gia Lâm, tức là rừng dâu gia, đất đai màu mỡ trù phú. Bên kia sông là đất thành Thăng Long, muốn qua lại phải đi đò ngang, đò dọc. Đất Gia Lâm xưa nhiều đời vua lấy làm nơi ở cho các sứ giả nước ngoài chờ, vào chầu. Thời thực dân đô hộ, Pháp cho xây cầu Long Biên mang tên nhà Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer. Sông Hồng rộng mênh mông như một eo biển, sâu đến hơn ba chục mét, nước từ bên Tàu chảy về đổ ngâu. Những quan lại Tây và ta có tầm nhìn xa trông rộng, ai cũng e ngại cho Paul Doumer liêu lĩnh, dám bác cây cầu dài gần hai cây số. Vùng đất Gia Lâm lại mất đất. Người dân hai đầu cầu mất nhà, mất cửa. Có cầu, dân lái đò ngang, đò dọc không có việc làm, phải lên đê sông nước kiếm ăn. Cả đời ông nay đây mai đó, lúc lên rừng, lúc xuống biển, đôi tay cầm cây sào đã chai sạn, trở thành người vô gia cư.

Khi ông qua đời, dân làng đau thương chôn cất ông vào ngôi mộ thứ mười hai...

Đứng trước mười hai ngôi mộ tròn trĩnh, linh thiêng, dưới gốc cây đa cành lá xum xuê che bóng mát, Sen òa lên khóc thương con. Tráng kính cẩn, thấp hương vái lạy thần linh và trân quý tấm lòng cao cả của ông lái đò. Một lần nữa Tráng và Sen cúi đầu biết ơn dân làng đã dang rộng vòng tay cứu giúp kẻ nghèo nàn. Bà chủ nhà trọ gạt phắt nói:

- Úi dào, vẽ sự cứ để cháu nó nằm ở đây, đã có chúng tao đèn nhang. Mày là con thì nó là cháu tao. Tao phải có trách nhiệm chứ. Hàng năm giỗ tết lên đây cúng nó, phải vào chơi với tao, nghe chưa?

Sen lại òa khóc, ôm chặt lấy bà thì thầm trong tiếng nấc... Mẹ!

Tráng và Sen về đến nhà, nghe xong câu chuyện, bà Tiên lau nước mắt, còn ông Tiên khoanh tay vào đầu gối, ngửa mặt lên trời, rì rầm:

- Thi ân mạc niệm. Thụ ân mạc vong (*nghĩa là gia ơn cho ai thì đừng nên nhớ. Chịu ơn của ai thì không bao giờ quên*).

Từ lúc gặp anh Cốc ở khóa lễ Mông sơn thí thực về, tính nết Sự thay đổi hẳn, cứ ngồi thẩn ở cửa. im lặng một mình, một mỗi nghĩ về những ngày tháng qua của cuộc đời. Hình ảnh anh Cốc đầu quấn khăn trắng, lưng thắt dải đỏ, dè chân đẩy cái dùi đại, đánh từng tiếng chuông vang xa. Thật buồn cười, lúc ấy người ta hát, thì không đổi lại, mà đi nói cái chuyện đề lên nhau hì hì...Sự ngửa mặt lên trời cười nắc nẻ, tung hết tấm khăn đội trên đầu, tóc rối tung chạy một mạch xuống bếp. Cứ thế Sự kéo cối xay không có thóc, quay tít mù rung lên sòng sọc. Mồ hôi toát ra ướt hết dải yếm. Tung hết quần áo, Sự nhảy ùm xuống ao, lặn một hơi cho hả lòng hả dạ. Dưới ánh trăng lơ mờ Sự như một bóng ma lúc ẩn, lúc hiện, tiếng khóc, tiếng cười vang lên dưới gốc tre làng.

Hốt hoảng, Na vội vàng dìu Sự về, nổi lửa sưởi ấm và ôm chị vào lòng. Sự cười sung sướng nằm đề lên Na rung bần bật: “Ôi to quá...cứng quá...cái gì vậy anh bán chiếu ơi?”... Thế là chị điên rồi, Na nghĩ vậy và tìm cách làm chị dịu đi. “Chị, chị ơi! em đây mà”. “Ừ đâu, anh bán chiếu ơi, mình ôm em đi, sờ tý em đi”. Không còn cách nào khác, Na đành phải làm theo ý chị. Hai bầu vú căng hồng, phập phồng lên xuống theo hơi thở dồn dập. Na nhẹ nhàng xoa nắn từ ngoài vào núm vú nhỏ xíu, xinh xinh. Chị quần quai ưỡn lên rên rĩ. Không chịu nổi, chị kéo tay Na ấn vào “chỗ ấy”. Ôi mập quá, rắn nẩy như con gái đồng trinh, nước trào

ra ướt đầm từ ngoài vào trong. Đôi mắt chị nhắm nghiền, thở dốc vùng tay giật giải yếm và lột tung váy của Na. Hai người trần truồng quấn chặt vào nhau trên cái giường ọp ẹp... Ngoài vườn ếch nhái kêu ồm ộp, vang lên bản hòa tấu không lời...

Mặc dù ông Khiếu năm nỉ, nhưng Na biết thừa cái trò đái bôi của ông ta, dứt khoát về nhà mình, không ở cái nhà đầy ám ảnh ấy. Cũng phải thôi, Bằng và Na chưa có đám hỏi, cưới xin và làm lễ ở nhà thờ. Na không thể làm vợ tên hãm hiếp đê hèn. Chị Sự dắt Na đi khỏi nhà Lý Khoái giữa lúc trời đổ cơn mưa, sấm chớp ầm ầm. Ngôi nhà của mẹ con Na, nhỏ nằm trong ngõ sâu, đã bỏ lâu ngày cỏ mọc um tùm, nước mưa ngập sân tràn vào nhà. Hai chị em chưa biết làm thế nào thì có tiếng người ồn ào đi vào. “Các chị ơi để đây chúng em làm cho”. Mấy người nổi lửa lên sưởi ấm cả gian nhà. Thì ra, họ là những người hàng xóm gần gũi chạy sang, mang theo chăn màn, đồ ăn thức uống và giúp đỡ dọn dẹp trong lúc mưa gió. Có hơi ấm và tình thương đã làm cho nổi bực dọc và buồn chán của Na dần dần nguôi ngoai, đi vào giấc ngủ. Chị Sự ôm Na ngồi bên đống lửa thức thâu đêm...

Những ngày sau đó hai chị em thu dọn nhà cửa, trồng khoai, trồng sắn trên mảnh vườn bé xíu quanh nhà. Chiều chiều khi các đoàn thuyền đánh cá trở về, là lúc những người đàn bà trong làng hò nhau ra đón người thân và tôm cá mang về. Những con roi vãi trên bãi biển là nguồn thu chính của hai chị em Na, lúc thì ăn, lúc thì mang ra chợ bán lấy tiền đóng gạo. Ngày qua ngày rồi cuộc sống cũng dần ổn định. Từ hôm đi dự lễ “Mông sơn thí thực” về, Sự gặp

được anh bán chiếu thế là phát điên. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, cả làng kháo ẩm lên là cái Sự thất tình...

Một chiều trên bến cá, thuyền về đông nghịt. Hôm nay trời đẹp, sóng yên biển lặng, nên thuyền nào cũng đầy ắp tôm cá. Sự và Na có mặt từ sớm, nên kiếm được nhiều hơn mọi ngày. Sự cười khanh khách chạy khắp bãi biển, được con cá nào lại tung lên trời, ném xuống nước. Người thì cười, người thì mắng nhiếc, mặc kệ, Na cặm cùi theo sau nhặt lại. Từ đằng xa, Cốc đứng trên mũi thuyền nhìn thấy, anh gọi Tráng lại gần nói:

- Mày nhìn xem, hình như là con bé bán chiếu đấy.
- Đúng rồi, hôm lễ “Mông sơ thí thực”, anh đã bỏ lỡ một cơ hội rồi còn gì. Tráng chê trách vậy.
- Đâu phải, đang lễ ai lại đi làm cái chuyện ấy. Cốc có vẻ tiếc nuối.
- Thế mới phát điên nên chứ sao. Thôi anh bỏ việc đấy để em làm cho, xuống xem cô ấy thế nào?

Cốc ào chạy xuống, Sự đang đứng giữa bãi biển tay cầm con cá to nhảy múa. Thấy người đến gần, Sự nén con cá xuống đất, rồi lăn mấy vòng ra mép nước có hồ sâu. Con sóng to dồ vào, kéo Sự ra ngoài xa. Na kêu ẩm lên, Cốc nhảy vội xuống bệ lên thuyền mình. Có hơi đàn ông, Sự tỉnh dậy và cười khanh khách. Ngồi trong khoang thuyền, hai mắt mở to, Sự nhìn trừng trừng thân hình vạm vỡ của Cốc, reo lên: “Anh bán chiếu” rồi ôm chặt lấy Cốc.

Tráng kéo Na nhảy xuống, mặc kệ cho hai người làm gì thì làm. Con thuyền đi biển to lừng lững, thế mà, rập rình trên mặt nước...

8

Chả biết thế nào, câu chuyện ấy lại đến tai ông Tiên. Ông cho gọi Cốc và Tráng lên hỏi:

- Chúng mày có biết không? Con thuyền mới hạ thủy mà dám làm vậy, liệu có tránh khỏi rủi ro xảy ra trên biển không?

Hai người chấp tay cúi lạy:

- Xin ông tha tội, không có chuyện ấy đâu ạ.
- Vậy thì sao, con điên ấy là ai? Ông Tiên gõ mạnh xe điều vào bát điều hỏi.

Tráng nhanh nhẩu trình bày hộ Cốc từ đầu đến đuôi câu chuyện. Nghe xong ông hỏi lại:

- Cốc, có đúng thế không?
- Bẩm ông, con biết sai rồi, con xin chịu tội ạ.
- Không phải là tội. Đã là người, ai cũng có một mối tình. Không ngờ, cù lần như mày mà cũng đào hoa gớm thật - Tay vè vè điều thuốc, ngửa mặt lên trời ông gật gù - Kể cũng thương con bé ấy.

Hai người vẫn đứng khoanh tay, nín thở chờ đợi không biết ông sẽ phán gì nữa đây. Đột nhiên ông hạ giọng:

- Tao hỏi thật, mày có bằng lòng nó không? hay chỉ là phải lòng mặt?
- Thưa ông con cũng không biết được ạ?

- Hừm, lạ nhỉ!

Ông Tiên lại nghiêm mặt, thấy vậy Tráng nói:

- Bẩm ông thực lòng đây ạ. Sau lần gặp nhau ở chùa về, anh Cốc cứ bần thần, đêm thì nói mê. Còn cô Sự thì phát điên.

- Đây không phải là điên, lấy chồng là khỏi thôi. Gái phải hơi trai như thài lài phải cắt chó cơ mà. Ông Tiên cắt nghĩa như vậy.

Ông Tiên nói có lý, từ lúc ở thuyền của Cốc về, Sự tươi hẳn lên, mắt không lơ đờ và cười khanh khách như trước nữa. Na hỏi, Sự đâm thùm thụp vào lưng nói: “Sướng lắm mày ạ, lúc ấy tao như say sóng, chao đảo, chao đảo. Thế nào cũng có chữa, tao sẽ nuôi con một mình, sợ đ... gì”. Na cương quyết: “Tội gì phải thế, buộc họ vào chứ. Như em đây khổ lắm chị ơi”. “Biết vậy, nhưng làm thế nào bây giờ?”. Hai chị em lại ôm nhau nức nở khóc...

Nhả khói thuốc bay lên, mù mịt, ông Tiên nói tiếp:

- Gặp thời buổi đói kém, loạn lạc, nuôi thân không nổi huống hồ vợ con. Mảnh đất cắm dùi không có, lấy vợ về thì chui rúc vào đâu. Mày nghĩ như vậy cũng phải, nhưng đàn ông gần bốn mươi mà vẫn chưa vợ con gì là không được. Mày ở cho tao đã lâu rồi, giúp tao khỏi việc, điều đó tao công nhận. Bây giờ dứt ra mà lấy vợ. Con bé ấy như vậy là mê mày lắm rồi, chứ ai bảo điên là láo toét. Ngay cái cung cách nó yêu thương con Na là tao hiểu, biết đâu

sau này nó lại làm nên cơ đồ. Hãy an ủi và thương yêu nó, còn đất đai nhà cửa để tao bàn với bà ấy một tý...

Bằng quát tháo âm ỹ ở trong nhà ông Khiếu, chưa vào đến cổng đã nghe thấy tiếng:

- Sao ông lại làm thế? Đất ấy là của bố tôi để lại chứ có phải của ông đâu?

Ông Khiếu nhẹ nhàng nói:

- Của bố mày, nhưng trước khi chết, bố mày giao hết cho tao. Sảy cha còn chú, tao có quyền.

- Con Na là vợ tôi, mẹ nó chết gán một sào hai thước đất thổ cư và gian nhà, đây là của tôi chứ? Bằng cãi lại.

Ông Khiếu vẫn nhẹ nhàng khuyên giải.

- Mày bảo nó là vợ à, đã làm lễ chưa?

Bằng cướp lời luôn:

- Tôi không cần. Đất của tôi, tôi phải lấy về. Lại còn một sào ba thước ruộng bồi thường, bố nó kéo xe làm chết quan Tây ty rệu. Tất cả văn tự đây ông trả cho tôi ngay.

Lúc này ông Khiếu không nhin được nữa, phải nói ra sự thật:

- Mày sang mà hỏi ông Tiên ấy?

- Cái lão ấy có quyền gì?

- Các văn tự đất đai ấy, họ gọi là cướp của người chết, phải trả lại cho người sống. Bây giờ khác xưa rồi, gió chiều nào che chiều ấy chứ, mày hiểu chưa?

- Chúng nó mới là đồ cướp.

Bằng vùng vắng bỏ ra sân, nhảy lên xe đạp, bấm chuông kính coong liên hồi, rồi vụt ra cổng, mồm lẩm bẩm: “Đéo cần”.

Ông Khiếu cứ tưởng Bằng đến nhà Na gây sự đã cho người theo sang, kéo nó làm to chuyện lại mang tiếng. Đến ngã ba thì Bằng đi thẳng sang Kênh Đồng với con Y Vân, không vào nhà Na nữa, ông Khiếu thở phào.

Từ ngày đất nước đổi mới, Khánh Hữu cũng thay đổi, làng Bái Môn sát nhập vào, vẫn gọi là Khánh Hữu nhưng có diện tích lớn hơn, nhân khẩu đông hơn. Ông Tiên được bầu làm chủ tịch xã có bốn làng kể cả Khánh Hữu, so với tổng Cao Trung ngày xưa thì bé hơn. Mọi việc trong xã từ bé chí lớn đều trong tay chủ tịch quán xuyến. Việc lấy lại nhà đất cho Na là có lý, có tình. Thằng Bằng nhận con Na là vợ cũng không được, giấy giá thú đâu? Còn việc có con với nhau cũng không phải thông dâm, mà là hãm hiếp, tội tày đình ấy cần phải nghiêm trị.

Từ ngày đó Bằng giận chú Khiếu và căm tức Ông Tiên. Mỗi thù này sống để bụng, chết mang đi.

9

Đoàn diễu hành của Thắng đi đến hồ Hoàn Kiếm, vòng ra ga Hàng Cỏ thì giải tán. Có lệnh của thượng cấp, Thắng được bổ sung vào Bộ đội Giải phóng quân và Còi đi theo làm liên lạc cho chỉ huy Thắng. Đoàn dân quân các dân tộc do tiểu đội trưởng Lục Hân dẫn đầu, lên tàu hỏa trở về mạn ngược. Họ chia tay trước sân ga Hàng Cỏ, giữa hàng trăm người dân Hà Nội tay vẫy cờ hoa hân hoan, vui mừng.

Mấy ngày liền, đội quân của Thắng hành quân thần tốc đi xuống vùng biển xa xôi, để diệt giặc dốt. Trước khi đi, Thắng được tham gia lớp huấn luyện Bình dân học vụ, nghe cấp trên truyền lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Một dân tộc dốt, là một dân tộc yếu”. Chính vì vậy, phải mở lớp bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ cho toàn dân. Nạn đói chưa qua, đến nạn dịch tả, rồi bây giờ lại giặc dốt. Người chết yên vị rồi, người còn sống đều phải gồng mình lên gánh vác. Nghe nói giặc dốt, Còi không hiểu mạnh dạn hỏi Thắng:

Anh Thắng ơi, giặc dốt là thằng nào hả anh?

Thắng bật cười, xoa đầu Còi.

- Nó là chú mày đấy. Những ai không biết chữ đều là giặc dốt.

- Ừ đâu. Em nói được cả tiếng Nhật, tiếng Tây, tiếng Sán diu mà. Còi vội vang khoe.

- Đây là nói, còn viết chữ thì chú có làm được không?
Thắng hỏi lại.

Bây giờ Còi ngó ra:

- Ủ nhỉ, Em không ạ.

- Thế cho nên phải học, lần này chú phải đi học.

Thấy Thắng nói vậy Còi reo lên:

- Hoan hô anh - Nhưng rồi lại xui đi vì không được về quê thăm mẹ - lần này mình định về làng nào hở anh?

- Một làng biển.

Thắng vui vẻ trả lời. Còi nhảy cẫng lên:

- Ôi thế làng em rồi.

- Đất nước ta có hàng nghìn làng biển, biết chú mày ở làng nào. Thắng hỏi lại.

- Không, em phải về làng, để còn gặp bố mẹ và cái Na, anh đã hứa như thế rồi mà.

- Được rồi, cứ học xong rồi về. Mệnh lệnh quân sự. “Nghiêm”.

Thắng ra lệnh và đoàn Bình dân học vụ đi xóa nạn mù chữ, tiếp tục hành quân.

Ngôi đình làng Cờ, nằm ngay trên bãi biển rộng mênh mông. Cột đình to một sải tay người ôm, thấp lè tè, người cao như anh Thắng bước vào phải cúi đầu. Vùng biển nào cũng vậy, quanh năm bị gió bão, nên phải xây thấp để chịu nắng mưa cùng tuế nguyệt. Những thăng trầm thời gian đã ghi lại những dấu tích văn hóa riêng biệt của người “ăn sóng, nói gió”.

Hôm nay, ngôi đình này làm lớp Bình dân học vụ cho các học viên từ các làng, xã lân cận. Sau lớp học cấp tốc này, các học viên trở về làng, xã mở lớp bình dân học vụ xóa nạn mù chữ cho nhân dân. Từ sáng sớm mọi người đổ về ngồi kín ba gian đình. Không có bàn ghế, ngồi bệt xuống đất. Lấy cánh cửa đình làm bảng. Lấy cục than củi, làm phấn. Anh Thắng nay được gọi là thầy giáo. Còi như một trợ giảng, thỉnh thoảng đứng lên cầm khăn ướt lau bảng cho thầy. Trong tay cầm một nắm than, thầy hết lại tiếp luôn. Thầy Thắng viết lên bảng chữ A, thầy đọc A, bên dưới đọc theo A. Khi thầy đọc xong, Còi là người đầu tiên đọc to nhất cho mọi người theo. Lần ấy, khi Còi vừa đứng lên thì bên dưới có tiếng gọi thất thanh: “Anh Còi”. Giật mình quay lại, thấy một cô gái ù té chạy nhanh ra sân đình. Nhận ra, Còi đuổi theo hét to “Na”. Cả lớp im lặng giây lát, rồi ồn ào. Thầy Thắng hiểu sự việc, gõ thước lên bảng, cả lớp trở lại bình thường. Mặc cho đôi trai gái đuổi nhau...

Na đâm thùm thụp vào lưng Còi:

- Biển đi đâu mất tăm, tưởng chết? Thế rồi ôm gốc cây đa, òa khóc nức nở.

- Từ cỗi chết trở về, phải mừng chứ, sao lại khóc?

Vừa nói, Còi vừa xoa hai bàn tay đen sì cho sạch than phấn, đặt lên vai Na xoay người lại. Bốn con mắt nhìn vào sâu thẳm cỗi lòng, im lặng, nín thở. Một cuốn phim hai mảnh đời, trầm luân, quay nhanh trong những con mắt đắm lệ. Dải yếm nâu non còn dính những giọt sữa không có trẻ bú, rung lên bần bật. Từng lời ngắt quãng, Na nói:

- Mình...mình không còn gì...nữa đâu...Còi ơi.

- Tao sẽ giết mày, thằng Bằng chó chết kia.

Còi hét to, hai tay lắc mạnh vai Na, hàm răng nghiến chặt, mặt bừng bừng và thờ dốc...

Mấy hôm trước, ông Tiên cho gọi Na sang nhà. Không rào trước đón sau vòng vo, ông nói thẳng, tính ông xưa nay vậy:

- Tao biết mày đã theo học ở Tu viện Dòng mền thánh giá, rồi tham gia ban nhạc Thánh ca, biết đọc chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Thế tốt, lệnh trên xuống các làng xã, mở lớp bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ cho dân. Mỗi xã cử một người đi học trước. Tao ngắm mãi, thấy mày được. Về chuẩn bị, khi có lệnh là đi nghe chữa.

- Thừa ông, con không dám, nhà nghèo, rách rưới, xấu xí vào đây sao được ạ.

- Mày lạ nhỉ, bây giờ đời sống mới rồi, không phân biệt giàu nghèo, cốt là cái tâm con ạ.

Bà Tiên bế thằng Sửu từ trong buồng ra, nghe vậy quay xuống bếp gọi:

- Anh Tráng đâu lên tôi bảo - Bà nói như ra lệnh cho Tráng - Cái Na không làm con dâu anh được thì anh phải coi nó như con đẻ, bố mẹ chết hết cả rồi không biết trông cậy vào ai. Ngày mai, anh dẫn nó ra chợ mua tấm vải may bộ áo váy mới. Con Sen mang theo thúng thóc bán lấy tiền rồi hai chi em chọn vải. Còn chị Sự, để đó tôi bảo anh Cốc khi nào cưới, lo sau.

Tráng xúc động, vâng dạ rồi dẫn Na xuống bếp. Từ hôm nhận ra nhau, hai người chưa có dịp trò chuyện:

- Cháu ạ - Tráng ngăn ngừa vào chuyện - Làm cha làm mẹ, đến giờ chú mới biết thì đã muộn, chú có lỗi. Tất cả đều do đói khổ, loạn lạc. Nhà chú và nhà cháu đều lâm vào cảnh nhà tan, cửa nát, hai bàn tay trắng. Chú cháu ta còn sống đến hôm nay là phúc đức lắm. Chú tin thằng Còi nhà chú còn sống, nó lưu lạc ở đâu đó thôi. Cháu vui vẻ lên, buông bỏ tất cả đi, đừng nhìn lại, biết đâu ngày mai mình gặp được nhiều điều tốt đẹp hơn đây cháu ạ!

Na nhẹ nhàng thưa lại:

- Dạ, cháu cũng tin như thế ạ. Mấy đêm rồi, cháu toàn làm mê thấy anh ấy. Oai lắm, toàn những người nhăm nhăm sừng ống trong tay đi bắt bọn quỷ ác: cướp của, cướp đất, giết người. Họ đánh nhau, máu chảy lênh láng thành sông, thành suối, nhuộm đỏ cả núi rừng, biển cả. Cháu hét lên, tỉnh dậy, thế là chị Sự ôm cháu thức cho đến sáng.

- Tính thằng Còi chú biết, nó mạnh mẽ lắm, đã nói là làm và làm bằng được. Chú định vài buổi nữa, hết mùa cá nam, xin phép ông bà Tiên đi tìm nó và con Mận. Chú còn nặng gánh với vợ con nhiều lắm cháu ạ.

Làm theo ý ông bà Tiên, ba chú cháu hì hục mua vải, giã củ nâu nhuộm yếm, múc bùn ao nhuộm váy. Đúng ngày đi học, Na xúng xính trong bộ áo váy mới. Chú Tráng dẫn Na đi gần một ngày đường, đến đình làng Cơ mới quay về.

...Còi hùng hổ nói với Na được mấy câu như vậy rồi vội vàng vào lớp học. Đêm hôm ấy anh Thắng và Còi trò chuyện to nhỏ:

- Em phải bình tĩnh, tặng cho cô ấy một nụ cười, em sẽ nhận lại một trái tim yêu thương. Cô ấy đang đau buồn, khó xử: Rất muốn gặp em, nhưng lại muốn trốn tránh vì hổ thẹn đã đánh mất “báu vật”. Lúc ấy em làm như vậy là không được, hãy coi chừng sẽ nhận lại trái đắng đấy.

- Em không chịu nổi. Bao nhiêu ngày mong đợi, tưởng thế nào, chứ thế này thì chết còn hơn. Nhìn những vết sứa khô cứng, dính trên dải yếm, thế là em biết tất cả. Người phát điên.

- Đàn ông phải rộng lượng, không nhìn bề ngoài để đánh giá bên trong. Nghe anh mạnh mẽ lên, bao nhiêu khó khăn, lên rừng xuống biển còn vượt qua được, huống chi chuyện bé như con thỏ này.

Qua một đêm suy nghĩ, sáng sớm hôm sau, Còi tìm đến nhà trọ của Na ở trong xóm biển. Mọi người nói: “Cái Na đi đâu từ gà gáy sáng rồi. Có đi mấy ngày mà cũng nhớ nhà khóc suốt đêm”. Thôi chết rồi, tìm Na ở đâu bây giờ.

Các chị ấy nói đúng, đêm qua Na không ngủ, vui mặt trong gối khóc thầm. Trong đầu rối tung những suy nghĩ về chặng đường, ngậm đắng nuốt cay, vô vàn gian nan khó bước. Đã bao lần Na phải hứng chịu những đòn chí tử giáng xuống, hai lần chết đi sống lại, bây giờ lại bị hắt hủi khinh thường, thế là hy vọng cuối cùng tan biến. Ôi! trần thế mong manh một kiếp người. Na vùng dậy, không còn gì nữa, phải đi khỏi nơi này. Trời tối mù mịt, gió biển

thổi vào lạnh lạnh. Na rào bước, vượt ra khỏi làng, đi đâu, về đâu chẳng biết nữa. Hai chân đi mà đầu nặng chịch, vô thức. Quay về nhà ư? Không được, ông bà Tiên và bố Tráng sẽ trách mắng, mọi người sẽ coi thường là kẻ vô ơn. Trốn đi đâu, ai chứa chấp đưa phản bội này. Đi hết hai cánh đồng mà Na vẫn không tìm ra lối thoát. Một con chuột chạy ngang qua đường làm Na giật mình tỉnh lại. Hai mắt mở to phát ra những tia lửa bùng sáng, tim Na đập mạnh và tiếng ai đó oang oang trong đầu: “Quay lại đi, anh ấy đang mong tin tức ở nhà, ai sống, ai chết, kìa nói đi chứ? Nhanh lên trời sắp sáng rồi...”. Thôi chết, thật ích kỷ, lúc ấy chỉ một giây phút hờn dỗi mà quên đi tất cả. Ông bà Tiên đã dạy: Nhận ơn không được quên ơn. Thế mà...

Quay lại, Na đi như chạy, từ phía trước cũng có người đang chạy đến. Nhận ra, hai người ôm chầm lấy nhau. Từ đáy lòng, Na nghẹn ngào:

- Anh ơi, nạn đói qua rồi, bố và em anh còn sống...

Còi bế bổng Na, quay mấy vòng, gọi to:

- Con đã về đây bố ơi!...Bố ơi, em ơi.

Cứ như vậy họ ứa xuống biển, những con sóng bạc đầu dồ lên cuốn hai người ra xa. Còi và Na, như hai con thuyền luồng trong câu chuyện truyền khẩu của dân làng Bái Môn ngày nào. Hôm nay lại bơi lặn đuổi tìm, dải yếm nâu non được nước biển rửa sạch những vết sứa dơ bẩn, hoen ố bao ngày tháng đắng cay.

Trên bờ, thầy giáo Thắng vui mừng thì thầm với trời đất, biển cả: “Thế là hai trái tim yêu thương đã nhập nhíp. Trái đắng đã chìm sâu dưới đáy biển rồi”.

Đằng đông, mặt trời nhô lên ứng đỏ, bình minh đang thức dậy.

Trong lớp học, người đọc thông viết thạo nhất là Hạnh Mỹ. Sau buổi học hai thầy trò gặp nhau, Hạnh Mỹ kể:

- Em đang học lớp đệ nhất thì loạn lạc, đói kém em phải nghỉ để giúp thầy mẹ làm thuốc cứu người ốm đau và dịch tả. Chờ cơ sự bình yên, mới đi học tiếp.

Thắng ngạc nhiên, reo lên:

- Trời ơi, thế thì tốt quá. Từ ngày mai em sẽ làm cô giáo đứng lớp cho anh.

Hạnh Mỹ giầy đay đay:

- Em đến đây để học mà, không làm cô giáo đâu.

Thắng cười, động viên:

- Nhìn là biết, em có nhiều khả năng lắm, không chối được đâu, đây là nhiệm vụ mới.

Đúng vậy, Hạnh Mỹ sinh ra trong gia đình nho giáo, từ bé thầy Lang Tế đã cho học chữ nho để biết chữ không cho học nghề thuốc. Thầy nghĩ con gái sau này lấy chồng, về nhà chồng người ta có tôn trọng hay không, lại mai một. Thầy dành tâm sức dạy cho hai người con trai là Hanh và Thanh sau này lớn lên nối nghiệp. Theo trào lưu xã hội thầy cho Hạnh Mỹ đi học chữ quốc ngữ và chữ Pháp để phù hợp với cuộc sống hiện tại. Ở vị trí nào Hạnh Mỹ cũng học giỏi. Các quan thanh tra, đốc học đều khen ngợi và cấp học bổng toàn phần. Trường Y Dược Hà Nội đã về tuyển cho sang Pháp học tân dược, nhưng Hạnh Mỹ từ chối vì

muốn ở nhà giúp bố mẹ trong lúc loạn lạc. Vật lộn với ba cuộc chiến: chống giặc xâm lăng, giặc đói và dịch tả, gia đình thầy Lang Tế đã đổ bao nhiêu mồ hôi công sức, tiền của. Hôm nay cuộc chiến chống giặc đốt, Hạnh Mỹ lại đi trong đội quân tiên phong.

Lớp học sáng nay, mọi người ngạc nhiên có cô giáo mới, Hạnh Mỹ. Thầy Thắng giới thiệu xong ngồi nghe bài giảng đầu tiên của cô giáo. Hạnh Mỹ có giọng nói ngọt ngào, truyền cảm. Hôm đại lễ Mông sơn thí thực tổ chức ở làng Khánh Hữu, Hạnh Mỹ đã hát bài “Lòng mẹ”. Lòng mẹ cao cả vô cùng, cha mẹ thương con bằng cả khoảng trời, mẹ chăm sóc con từ khi thai nghén đến khi trưởng thành, cả chặng đường đời hình ảnh người mẹ theo suốt đời con, là bến bờ vững chãi cho con nương tựa. Người ngồi chập sập chùa, nấc lên tiếng khóc từng hồi. Tàn buổi lễ, Hạnh Mỹ cúi người chia tay mọi người. Ôm Na vào lòng an ủi, buộc lại dải khăn tang, hai bàn tay Hạnh Mỹ nhẹ nhàng lau những giọt nước mắt đang lăn trên má.

Buổi đầu đến lớp Na nhận ra Hạnh Mỹ, hai người dặt tay nhau đi dọc bờ biển hàn huyên, tâm tình.

Đứng trên “bục giảng” Bình dân học vụ, vẫn âm hưởng thân thương ấy, Hạnh Mỹ mang từng câu chữ gieo vào lòng người, mở đường đi tới ngày mai. Mù chữ, như người không nhìn thấy đường mà đi, quanh quẩn rồi lại quay về với đói khổ, nghèo nàn mà thôi. Cả lớp vỗ tay rào rào, thật nhẹ nhàng và thắm thía. Hạnh Mỹ dựa trên những câu ca dao cũ, thêm bớt cho vần và dễ thuộc:

*“Hôm qua anh đến chơi nhà.
Thấy mẹ dệt vải thấy cha đi bừa.
Thấy nàng mãi miết xe tơ.
Thấy cháu “i - tờ” ngồi học bi bô.
Thì ra vâng lệnh Cụ Hồ.
Cả nhà yêu nước “thi đua học hành”.*

Trong những ngày này, họ cùng ăn, cùng ở, cùng học. Mỗi người một hoàn cảnh nhưng tựu trung lại, ai cũng có một nỗi khổ riêng, nghèo đói và từ cõi chết trở về. Thương cảm lẫn nhau, chia sẻ nỗi buồn, niềm vui. Còi nghe câu chuyện bố Tráng được Hạnh Mỹ cứu giúp, bàng hoàng khoanh tay, quỳ xuống đội ơn. Hạnh Mỹ đỡ dậy nói:

- Em không được làm thế, lúc ấy không có cách nào khác, đó là tấm lòng chị muốn chia sẻ mà em. Nếu không thì chị em ta đâu có ngày hôm nay.

Chuyện đó đã qua rồi, nhưng tình người còn lại mãi mãi. Đêm hôm ấy, chiếc xe ba gác đi nhặt xác chết trên hè phố, để ngày mai quan tri huyện Nguyễn Quan Trường đón quan Nhật. Bất kể người chết hay còn ngắc ngoải đều bốc lên xe đổ ra hố chôn chung. Một bàn tay yếu ớt trong xe giơ lên cầu cứu. Hạnh Mỹ đuổi theo đưa cho một nắm cơm. Nhờ vậy mà người ấy sống lại, ngoi ra khỏi đồng xác chết. Ông bà Lang Tế và Hạnh Mỹ đã mang về cho ăn và chữa lành những vết thương xây xát, đó là anh Tráng bố đẻ Còi.

Không kìm nổi cảm xúc, Còi ôm chặt Hạnh Mỹ:

- Chị ơi, ân nhân của bố em đây rồi, sau này em xin thờ phụng ông bà và các anh, các chị...

Lòng nhân từ, cao cả đã tụ hội được những con người không quen biết về đây. Anh Thắng, Hạnh Mỹ, Còi và Na cùng nhau đi diệt giặc đốt bằng tất cả tâm sức - “biển cả bao la không đong đầy lòng mẹ”. Lớp Bình dân học vụ kết thúc, mọi người là những thầy cô giáo trở về làng xã. Thầy Thắng và Hạnh Mỹ tiếp tục đi mở lớp cho các làng xã khác, xa hơn. Giữ lời hứa, thầy Thắng cho Còi và Na trở về Khánh Hữu gặp gỡ gia đình, rồi cùng nhau mở lớp Bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho dân làng.

Từ sáng sớm ông Tiên đã cho mở toang cánh cổng, có lẽ đây là lần đầu tiên, kể từ ngày ông xây xong ngôi nhà này. Chó cũng không nuôi nữa, ông cho bán chỉ để lại con Mực khôn nhất giữ nhà. Họ mang đi đâu thịt thì thịt, chứ nuôi, nó cắn âm lên lại mang tiếng là nhà giàu. Bây giờ đời sống mới rồi, ông làm chủ tịch xã chứ không phải lý trưởng như ngày xưa. Người làm trong nhà vẫn bọn ấy thôi, nhưng không gọi là con hầu kẻ ở, mà là người giúp việc. Anh Tráng, anh Cốc, anh Thuận ông bà coi như con nuôi.

Hôm nay ông Tiên cho liên hoan hoa quả cây trái trong vườn, chứ không mở tiệc linh đình như ngày xưa. Một công đôi việc mừng thăng Còi con nhà Tráng từ cõi chết trở về, và cô giáo Na mở lớp bình dân học vụ. Tất cả quây quần bên mâm cỗ: nào chuối, nào ổi, na và cam quýt... Ông Tiên nói:

- Cái thằng Còi lúc chạy loạn, quần áo tả tơi, bụng chỉ có bát nước ngô luộc. Đến bây giờ lại là anh lính Giải phóng quân, thầy giáo bình dân học vụ, oai ra phết. Đó là

vượng phúc lớn cho nhà anh Tráng, Làng Khánh Hữu ta cũng thật vẻ vang. Khánh Hữu vẫn là Khánh Hữu.

Chiều qua Còi và Na về đến nhà ông bà Tiên. Cả nhà ủa ra sân ôm chặt hai người. Tráng ngẹn ngào trong nước mắt: “Con ơi! bà, mẹ và em con đã mất rồi. Nhờ phúc đức của ông bà Tiên mà em Sửu còn sống. Bây giờ chỉ còn lại ba bố con thôi. Con quỳ lạy đội ơn ông bà đi”. Còi chấp tay vái hai lạy. Bà Tiên nói với: “Đứng dậy bế em mày đi - bà kéo Sen lại gần - Bà chỉ nuôi hộ bố con mày thôi, đây mới là mẹ, nuôi nó đêm ngày, nghe chưa”. Còi quay sang Sen chấp tay: “Con chào đi”. Tráng thấy Còi gọi Sen là dì nên ngượng ngùng cúi xuống chấm những giọt nước mắt. Bà Tiên nhẹ nhàng nói: “Bây giờ tất cả đi ra chùa thắp hương và làm lễ cầu thỉnh lên Đại nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, xin xóa vong linh Trần Còi vẫn còn ở trần gian để ngài phù hộ cho. Sau đó ra bãi tha ma Hoang Điền thắp hương cho bà, cho mẹ và em các con, nghe chưa. Lâu nay vẫn có bát cơm cúng và thờ vong linh con ở chùa đây. Thế là phúc đức lắm rồi”.

Tiếng chuông chùa Phong Điền lại vang lên một trăm linh tám tiếng, ngân vang, ngân dài đến tận chân trời cuối biển.

Lớp Bình dân học vụ tổ chức ngay tại sân đình. Nơi đây, đã diễn ra bao nhiêu sự kiện: Thời Pháp đóng rồi Nhật chiếm là nơi thu thuế vợ vét thóc, gạo của dân. Những ngày đói kém là nơi phát chẩn, người về đông nghịt. Là

nơi cứu chữa bệnh nhân bị dịch thổ tả. Hôm nay là lớp học xóa giặc mù chữ. Mấy tối trước ông Tiên đã cho thằng Bổng đi phát thanh. Bây giờ nó đã được mang cái tên mới là ủy viên văn hóa, thông tin, không gọi thằng mõ nữa. Làng cho làm cái chòi phát thanh ở trên chạng ba cây đa đầu làng. Khi làng có việc Bổng vác cái loa tay bằng tôn, đầu to đầu nhỏ treo lên ngói đọc, không phải gõ mõ, chiêng làng chiêng chạ. Chữ thì chẳng biết, nhưng cụ Tiên nói gì là nhớ vanh vách, văn phong cũng mới: “A lô, a lô, đồng bào chú ý. xã ta tổ chức lớp bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ. Tất cả già trẻ, gái trai phải mau mau ra đình mà học. Kéo đường quang không đi, lại đi đường rậm. Muốn hết nghèo là phải đi học. A lô, a lô”.

Ông Tiên còn cho đội Nhi đồng Cứu quốc gõ trống ếch đi khắp làng vận động bà con đi học. Những ngày này làng Khánh Hữu sôi động hẳn lên.

Na lên lớp buổi đầu tiên, học viên ngồi chật sân đình. Ông Tiên xuất tiền mua cho mỗi người một quyển sách, một cái bút chì. Ủy viên thông tin Bổng đứng đón ở đầu cổng tra dầu vào đèn cho mọi người. Lớp học sáng bừng, như bầu trời đầy sao. Na đồng dục đọc từng con chữ:

“i, t (tờ), có móc cả hai.

i ngắn có chấm, t (tờ) dài có ngang;

Còi lại làm chân thợ giảng, đọc trước cho mọi người đọc theo, tất cả tạo nên một âm thanh đầm ấm và thân thương.

e, ê, l (lờ) cũng một loài.

ê đội nón chóp, l (lờ) dài thân hơn;

*o tròn như quả trứng gà.
ô thì đội mũ, ơ là thêm râu
“o, a hai chữ khác nhau
“vì a có cái móc câu bên mình.*

Ông Tiên ngồi ở tròng kỷ phía trên nhìn xuống, thi thoảng vuốt chòm râu gật gù: “Hay, thế mà hay. Nhân vô học, nhân vô dụng...”.

Sau mấy ngày học, ông Tiên quyết định cho dựng “cổng mù” ở đường vào chợ. Ai muốn vào chợ bằng cổng chính phải đọc được ba chữ đã viết sẵn bằng vôi trên tấm mẹt. Ai chưa đọc được thì phải đi qua “cổng mù” rồi về học lại. Sáng ấy phiên chợ tấp nập, những người đã học vui vẻ đọc lâu lâu: A, O, I. Một số người chưa học phải lặng lẽ đi qua “cổng mù”. Bà Hương Cán đứng giữa đường vén váy la ầm ĩ:

- Các người không biết ta là ai à? Mẹ Hương này mà phải đọc mấy cái chữ vớ vẩn kia à. Xê ra cho bà đi chợ.

Còi nhẹ nhàng thưa lại:

- Thưa bà, đây là chữ cả nước phải học chứ không vớ vẩn đâu ạ.

- Muốn đọc thì ta đọc cho mà nghe này: “Nhân chi sơ mà sờ vú mẹ”. Đây, xê ra.

Tất cả cười ầm lên, xấu hổ bà Hương quay ngoắt rồi te tái đi nhanh về nhà. Chuyện này cười chưa dứt thì đằng sau có tiếng chuông xe đạp kính coong, kính coong. Thì ra là Bằng đang lao tới, trên khung xe phía trước Y Vân ngồi lon khom. Ủy viên thông tin Bổng, đứng giữa đường đang tay chặn lại:

- Yêu cầu hai người vào đọc chữ.
- Chữ gì?. Bằng dừng xe nhảy xuống hồng hách.
Còi nhận ra Bằng, cố giữ bình tĩnh nói:

- Chữ viết trên mẹt kia?

Bằng:

- A, ra là mày và cả con Na nữa, chúng mày là người hay ma đấy, về âm phủ mà hỏi?

- Tao có quyền bắt mày phải đọc, nếu không đi sang cổng mù kia mà vào chợ, đọc đi? Còi vẫn điềm tĩnh thuyết phục.

Đội nhi đồng xếp hàng đứng bên cạnh, dưới sự chỉ huy của Nho, nổi trống ếch và đồng thanh hô: “Mù chữ, đi cổng mù, mù chữ...”. Diên tiết Bằng xông vào túm áo Na và hét toáng:

- Đây là vợ tao, tao sẽ giết nó, giữa ban ngày, ban mặt giám gian díu với nhau à?

Anh Cốc và chị Sự hai dân quân do Tráng chỉ huy bảo vệ đội chống mù, nhanh chóng xông vào gạt Bằng ra, chị Sự quát:

- Không được nói bừa, ai là vợ anh?. Một lần nữa yêu cầu anh đọc đi, không đọc được, quay về học bình dân học vụ.

Bằng còn lạ gì chị Sự, thường ngày hầu hạ, bê cơm rót nước cho hấn. Tỏ vẻ khinh thường, hấn ngửa mặt lên trời cười đều:

- Cóc ngóc nhảy lên làm người.

Không để xúc phạm đến mình chị Sự cảm mã tấu xông vào, Anh Cốc ngăn lại, trừng mắt nhìn thẳng vào Bằng:

- Yêu cầu anh vào điểm gặp Chủ tịch xã, cái thời xung hùng xung bá qua rồi.

Từ nãy giờ, Y Vân sợ hãi đứng dùm vào một góc, bây giờ mới lảm bảm:

- Để tôi đọc hộ.

Na nén giận, đồng dặc nói:

- Tôi biết cô đã có bằng tiểu học, mời cô qua công để cho anh ta đọc.

Y Vân nổi cáu mắng Bằng:

- Ngu thì chết, sang công mù mà đi cho được việc, muộn rồi.

Không còn cách nào khác, Bằng cầm mặt đi sang cổng mù. Cổng mù rất thấp, bên kia lại có rãnh nước, muốn qua phải cúi đầu và lội nước mới lên được đường. Bằng cởi đôi giày tây, treo lên cổ, vai vác xe đạp loay hoay mãi mới chui qua cổng. Lội xuống rãnh, bùn nước bắn đầy quần, lên đến đường thì mệt nhoài. Đã vậy bọn nhi đồng lại trống phách hò reo: “Mù chữ, mù chữ... đi cổng mù”. Không cần chỉnh sửa quần áo, cứ thế hai người nhảy lên xe đèo nhau biến. Xe cũng không còn kính coong được nữa, cái nắp chuông rơi xuống ruộng lúc nào không hay. Người đi chợ thì đông, hô xe xe chẳng ai tránh, đành phải rao như người rao hàng, nước sôi đây, nước sôi đây.

Thật là nhục, con quan tri huyện, con ông lý có hàng trăm mẫu ruộng trong tay mà bây giờ chẳng ai coi ra gì. Để đấy, rồi chúng mày sẽ biết tay ông - có đất là có tất cả.

CHƯƠNG 4

1

Á Bung sốt ruột quá, bao đêm không ngủ được. Ban ngày hai vợ chồng vào rừng việc nọ, việc kia thì quên đi. Chứ đêm đến, một mình Á Bung thao thức lại suy nghĩ. Á Cui ơi, cháu ở đâu thì báo mộng cho anh? Không biết Á Cui đã về được đến nhà chưa, hay lưu lạc trong rừng như bận trước thì khổ. Bao ngày gian khó bên nhau, bây giờ anh biết nói sao với mọi người? Thấy chồng buồn, A Hiêng cũng buồn theo nhưng nén lại, nhẹ nhàng nói:

- Á Bung à, thằng Á Cui không lạc đâu à.

- Tao lo lắm, trong rừng nhiều con thú dữ à.

Á Bung thở dài nói vậy. A Hiêng nhanh nhẩu:

- Mai tao đi tìm cho, đường rừng tao thuộc hết mà.

- Thôi để vài hôm nữa cùng đi, mai Á Pàu bảo tao xuống Khe Cau giao đất cho bộ đội công binh.

Lo lắng vậy, nhưng Á Bung vẫn không quên việc Á Pàu giao.

Sau khi chủ đồn điền Khe Cau rút đi, dân bản Núi Đèo xuống cai quản. Các bản người Mường, người Tày quanh vùng cũng muốn chiếm để dành phần cho con cháu, vì đây là mảnh đất thung lũng màu mỡ nhất, một năm có bốn mùa rõ rệt. Thần đất, thần nước luôn luôn phù hộ. Á Pầu tinh khôn hơn, nói luôn: “Đây là mảnh đất của Tổ tiên người Sán Dìu, người Sán Dìu ở, không ai được bước chân vào”. Thế là tất cả đều sợ. Á Pầu cho chặt hết cây thầu dầu của đồn điền, cho trồng ngô, sắn. Sắp được thu hoạch thì có lệnh trên báo xuống: “Phải giao đất Khe Cau cho bộ đội, làm công binh xưởng phục vụ cuộc trường kỳ kháng chiến”. Á Pầu buồn bỏ ăn mấy ngày, ngồi thừ ngắm những luống ngô đang lên mơn mớn. Thế là mảnh đất Khe Cau trao đi, trao lại biết bao ông chủ. Lần này làm công binh xưởng thì phải giao rồi. Chẳng biết họ làm gì, nhưng nói Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, là vui. Buồn thì có mình buồn, vui thì hàng triệu người vui. Người Sán Dìu tự hào đã đóng góp một phần công sức. Nghĩ vậy Á Pầu bảo Á Bung giao cho chỉ huy Công binh xưởng tất cả văn tự về Khe Cau từ thời Vua nhà Nguyễn, đến thời Pháp, thời Nhật chiếm đóng. Bản Sán Dìu cứ vẫn làm ăn sinh sống trên đỉnh Núi Đèo.

Cuộc bàn giao hôm ấy tiến hành một cách nhanh gọn, tác phong quân sự thần tốc. Việc xây dựng công binh xưởng rất gấp, chiến trường đang kêu gọi. Á Pầu chỉ có một yêu cầu, xin công binh xưởng dành cho một chỗ trang trọng để làm Am thờ các vị thần linh, chúa đất. Bao đêm Á Pầu nghĩ: Khe Cau có thần đất, thần lửa, thần nước. Tổ tiên người Sán Dìu ở đây đời này, qua đời khác đều cúng lễ, cầu trời, cầu đất, cầu mưa. Thế rồi Pháp, Nhật vào

chiếm đất, tàn phá hết nhà cửa miếu mạo làm người Sán Dìu lao đao, bọn nó cũng bao kẻ đổ máu trên mảnh đất này. Bây giờ Khe Cau có chỗ thờ, nhất định kháng chiến sẽ thành công, người Sán Dìu sẽ ấm no hạnh phúc. Nghe vậy, chỉ huy công binh xưởng bái phục Á Pầu, liền cho xây am thờ trước, rồi làm lễ động thổ xây công binh xưởng. Lễ động thổ mời Á Pầu cuộc nhát cuộc đầu tiên, tuy chỉ là những ngôi nhà tranh, vách đất.

Người của công binh xưởng thì ít, chiến trường đang cần vũ khí và đạn dược. Á Bung đã huy động tất cả dân quân trong bản xuống làm cho nhanh. Người thì lên rừng chặt gỗ, chặt tre nứa. Người thì đào móng, khuôn vác vận chuyển máy móc. Chả mấy chốc, quay đi quay lại, các gian nhà trong công binh xưởng đã hoàn thành. Hôm khánh thành Á Pầu cho mang xuống mấy chục bình rượu cần và một con lợn cấp nách. Quân dân, đoàn kết nắm tay nhau nhảy múa và uống rượu cần. A Hiêng và các cô gái Sán Dìu cùng các anh bộ đội công binh hát soọng cô suốt đêm. Á Bung không tổ chức nhảy lửa vì vắng Á Còi, người nhảy lửa và vui nhộn nhất. Không có trò nhảy lửa ai cũng nhắc đến Á Còi. Mẹ A Hoa cảm sùng trâu đựng rượu, tiếp thêm cho các bình rượu cần, tay run run đổ tràn cả ra ngoài mà không hay. Mẹ khóc, mẹ nhớ con gái A Hoa. Mẹ thương thằng Á Còi hiếu thảo vượt núi, trèo non tìm về quê mẹ, nơi chôn nhau cắt rốn. Trưởng bản Á Pầu không dấu được niềm sung sướng, ông nói to bằng tiếng Sán Dìu, các anh công binh xưởng không hiểu, Á Bung dịch ra nghĩa là: “Cuộc sống là quá trình trao tặng và đón nhận không ngừng”...

Sáng sớm hôm sau, Á Bung và A Hiêng đi về xuôi thăm bố và tìm Á Còi. Thật không ngờ, may mắn, như trên trời rơi xuống, xe ô tô của công binh xưởng cũng về xuôi lấy hàng. Thế là hai người không phải leo rừng lội suối. Vui mừng quá Á Pàu nói: “Vượng phúc lớn lắm đấy các con ạ. Đêm qua ta nói vậy mọi người có hiểu không?. Việc làm hôm nay là kết quả của ngày hôm qua đấy. Đi nhanh rồi về”.

2

Cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ, hôm nay vắng khách, thầy Lang Tế đang ngồi đọc sách, Hạnh Mỹ dẫn anh Thắng về. Hạnh Mỹ nhanh nhẩu chào:

- Thưa thầy con đã về.

Thầy Lang Tế hạ cặp kính, hiền từ nhìn con gái:

- Ủ, con đã học xong rồi à?

- Vâng ạ, thưa thầy đây là anh Thắng giáo viên Bình dân học vụ dạy chúng con ạ.

Hạnh Mỹ vui mừng giới thiệu. Thắng khẽ cúi đầu thưa:

- Con chào bác ạ. Một lát, Thắng mạnh dạn thưa. Xin phép bác, cho con gọi là Thầy. Thầy là thầy lang, thầy giáo, chúng con phải học nhiều ạ.

- Không dám, xưng hô thế nào cũng được, cái tâm mới là cốt lõi.

Vốn là nhà nho, nghe nói đến thầy giáo, nói đến học và đọc sách, chắc chắn anh này có tầm nhìn và vốn trí thức phong phú. Thầy Lang Tế vui hẳn, cười mở vào chuyện.

- Xóa nạn mù chữ, mở mang dân trí là quốc sách. Thời nào cũng vậy, muốn nước mạnh thì phải biết trọng dụng người tài, muốn có người tài thì phải học. Học và học không bao giờ đủ. Tôi càng đọc càng thấy mình dốt.

- Thưa thầy, đúng thế đấy ạ.

Hạnh Mỹ lên vào buồng với mẹ, nghe thấy thế sợ Thắng không đối đáp nổi, đứng ở cửa, ra hiệu: “Cẩn thận nhé, thầy thâm nho lắm đấy”. Thắng cười, gật đầu ra hiệu: “yên tâm”.

Hạnh Mỹ lo xa quá. Thắng là học sinh Trường Bưởi, Hà Nội. Thời thuộc Pháp, Thắng đã tham gia Hội hướng đạo sinh do cụ Hoàng Đạo Thúy làm huynh trưởng. Đó là một tổ chức kín, dạy dỗ thanh niên xây dựng đời sống con người. Chuẩn bị cho cuộc Khởi nghĩa tháng tám, tổ chức này di chuyển ra vùng chiến khu. Một số thanh niên bổ sung cho công tác văn hóa, xã hội. Một số vào đội Tuyên truyền Giải phóng quân, trong đó có Thắng. Cách mạng Tháng tám thành công, Thắng lại lên đường đi diệt giặc dốt. Tâm huyết với công việc, tuổi trẻ đã đi qua, Thắng vẫn chưa tìm được bạn đời. Trong không khí thầy trò vui vẻ, Thắng mạnh dạn thưa chuyện:

- Hôm nay, con về đây trước hết thăm thầy, cô và gia đình. Còn việc quan trọng nữa, xin phép gia đình cho Hạnh Mỹ thoát ly, gia nhập vào đoàn cán bộ Bình dân học vụ để đi diệt dốt. Bao giờ toàn dân thoát nạn mù chữ, chúng con sẽ về.

Thắng nói chưa hết ý, thầy Lang Tê đã ngắt lời:

- Anh không phải xin phép, đó là việc nghĩa, đã là nghĩa thì phải ghé vai mà làm - Thầy quay vào nhà gọi Hạnh Mỹ - Ra đây thầy bảo. Anh Thắng nói vậy con có đi không? Việc học thi để đó tính sau, bây giờ phải hành đã, con hiểu chứ?

Chỉ cần thầy nói thế, là Hạnh Mỹ vui trong bụng:

- Dạ, được thầy mẹ cho phép, con xin nghe lời ạ.

Bà Lang bây giờ mới nói thêm vào:

- Cháu nó, có lớn mà chưa có khôn, Xưa nay chỉ biết công việc trong nhà, bây giờ gánh vác việc nước không biết có làm nổi không? Có gì nhờ anh chỉ bảo cho cháu.

Thắng vui vẻ tiếp lời:

- Mấy hôm rồi Hạnh Mỹ đã đứng lớp thay cháu, được mọi người khen lắm ạ. Thầy, cô yên tâm đã có tập thể đoàn ạ.

Thầy Lang Tê căn dặn thêm:

- Con nên để bụng, ngoài cái nghĩa, phải có cái tâm. Tâm yêu thương, là biển rộng vô bờ.

3

Nhận lời với thầy Lang Tế rồi, nên ông Tiên bận rộn suốt ngày, hết đốc thúc Bình dân học vụ, lại đến công việc làng xã. Lúc rảnh ông mới ra xem bọn thợ làm nhà cho thầy Lang Tế đến đâu, sai một ly đi một dặm. Lắm lúc muốn giao cho thằng Tráng trông coi, nhưng ông nghĩ, nó còn trẻ, không biết làm nhà kiểu cổ, lại thôi, nên chỉ sai những việc lật vật. Trước khi khởi công, ông Tiên cho gọi hai tốp thợ khéo tay nhất vùng đến giao việc. Trên mảnh đất công mà làng đã trao tặng, thầy Lang Tế cho dựng nhà và trồng cây thuốc. Ngôi nhà ngói năm gian, chia hai phần: một tốp ba gian, một tốp hai gian, ông cho bốc thăm ai nhận được phần nào thì làm phần ấy. Nơi làm việc của mỗi tốp quây kín lại, không được nhìn thấy và bàn bạc với nhau. Kiểu mẫu nhà, ông ra như đầu đề một bài học, cứ thế mà làm. Đến ngày “hợp long”, dựng lên phải thật ăn khớp, hai bên y trang về mọi chi tiết, kết cấu và họa tiết. Kiểu ấy cũng khó cho thợ, nhưng phải thế mới ganh đua, mới đẹp được. Mỗi thợ cả có một cây thước Lỗ Ban để tính toán, tìm ra sáu cung tốt và bốn cung xấu để cho gia chủ làm ăn phát tài, phát lộc, êm ấm hạnh phúc. Thịnh, suy, mọi bề trai gái trong nhà.

Hôm khởi công, mặt bằng được dọn sạch, trong khóm tre trước cửa có một cây gạo cao hơn đầu người không biết ai trồng hay nó tự mọc. Thực ra đó là cây gạo, mẹ con Hương Cán trồng để chắn trách, Quốc con trai đã bị

mất ngón tay. Thầy lang Tế nói: “Dù ai trồng hay nó tự mọc cũng là cây gạo. Mà cây gạo thì quý lắm, nó là cây thuốc đầy. Sách đã dạy, vỏ gạo thường được dùng bó gãy xương, cầm máu, chữa lậu, thông tiểu, đau răng, rối loạn tiêu hóa... Hạt gạo ép lấy dầu cho súc vật ăn để ra sữa”. Cây gạo còn có tên gọi là Mộc Miên hay Hồng Miên. Hoa gạo có màu đỏ, thường nở vào cuối tháng ba, đầu tháng tư. Những tháng này, người nông dân thiếu thóc gạo, đói kém. Bởi vậy, cái tên hoa gạo là biểu tượng cho niềm hy vọng, ước mong một mùa vàng bội thu, lúa gạo đầy bờ, đời sống ấm no, hạnh phúc của người nông dân.

Nói rồi, thầy Lang Tế cho đổ thêm đất vào cây gạo và dịch chuyển móng nhà sang bên để tránh trùng hai tâm, thế là đẹp cả đôi đường, phong thủy và vận mệnh. Thằng Quốc bốn ngón con bà Hương được thầy lang cứu chữa ngày nào, đứng ở sân nhà nhìn sang, lấp bắp điều gì đấy. Bà Hương chạy vội ra kéo vào, nghiêng răng ấn đầu nó xuống, xin xít nói: “Có im đi không, lộ ra bây giờ thì chết cả lũ”.

Quay đi, quay lại mọi việc đã đâu vào đấy. Thầy Lang Tế mời thầy phong thủy về xem ngày để làm lễ thượng lương. Thầy Lang thì không hợp tuổi, vả lại thầy nghĩ: “Nhà của bố mẹ là nhà của con”, đời mình còn bao, đời con, đời cháu mới là nhiều. Hai anh em thằng Hanh, thằng Thanh đặt đòn dông là đẹp. Hanh đích tôn phải làm, nhưng không hợp tuổi, lại ham chơi, đã nhiều lần bị đòn, vẫn không chừa. Còn Thanh thì hợp tuổi, hiền lành, học giỏi cả chữ nho và chữ quốc ngữ. Từ ngày chị Hạnh Mỹ đi thoát ly, Thanh đã thay chị gánh đỡ công việc ở cửa hiệu. Mới

có tám tuổi, sợ không leo lên được, nhưng cánh thợ đã có cách. Để tiến hành làm lễ thượng lương, ông Tiên cho dỡ những tấm cốt quây của hai kíp thợ. Tất cả những “bí quyết” nghề nghiệp đều lộ ra hết. Cái gì cũng đẹp, rất tinh xảo từ con rồng con phượng, hoa sen, cành trúc đều giống nhau như hệt. Năm gian nhà có ba vì kèo, mỗi vì kèo có hai cột quân và hai cột chính, tất cả bằng gỗ lim to bằng vòng tay ôm. Các vì kèo được lắp sẵn, phải dùng lực người kéo lên. Hai mươi người chia làm hai giầy hai bên, mỗi giầy phải có một nữ. Ông Tiên cắt đặt bà Tiên một giầy và bà Lang một giầy. Tục lệ như vậy là mang ý nghĩa sâu xa: thuận vợ, thuận chồng, tát cạn biển đông. Lúc đặt đòn dông ai cũng hồi hộp đến thót tim. Thanh trong bộ quần áo the mới, đầu quần khăn đỏ, trèo lên từng bậc thang. Người ta đã làm một chỗ đứng, vững chắc gần nóc nhà, khi Thanh đứng thẳng thì cái đầu cao hơn là được. Hai đầu cây nóc, hai thợ khỏe nâng lên, đầu cúi xuống thấp hơn nóc nhà, để Thanh bám tay vào, đặt lên hai vì kèo, thế là xong. Bên dưới hò reo và pháo nổ vang rền. Ông Tiên và thầy Lang hoan hỉ, gật đầu khen: Đẹp, đẹp, hai kíp này giỏi, rất khớp, mộng mị vào ngọt lịm, một tờ giấy bản đứt cũng không qua. Trưa ấy thầy cho mổ lợn khao thưởng cả hai kíp thợ, một bữa rượu lên bờ xuống ruộng.

Người từ các thành phố tản cư về phủ lý ngày một đông. Họ kháo nhau, giặc Tây đã quay trở lại đánh chiếm, phá nhà, lấy đất lập đồn, lập chốt. Khi đói kém thì người nông dân nghèo, kéo nhau lên thành phố xin ăn. Loạn lạc, người thành phố lên rừng, về làng quê, xuống biển, dựa

vào nông dân, tránh giặc Tây xâm lược. Một vòng tròn nhân ái, xoay tít vô định. Các nhà thương Bạch Mai, Phủ Doãn đóng cửa. Các đốc tờ cùng gia đình tản cư về các miền quê mở phòng khám và bán thuốc tân dược. Ở Phủ lý có đến ba cửa hàng tân dược. Cùng với việc bài bác váy áo, nấu sòng, ăn trầu nhuộm răng đen, học chữ nho, uống thuốc bắc, là tàn dư của chế độ phong kiến. Ngược lại, Con gái mặc xu chiêng, vấn tóc trần. Con trai mặc quần tây, đầu đội mũ trắng, đi giầy Khải Định cao su non. Người ta xính thuốc tây của các Đốc tờ, ổng nghe trước ngực, chữ viết loảng ngoảng, rẻ tiền và nhanh khỏi. Cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ dần dần vắng khách. Từ Khánh Hữu, ông Tiên vội lên gặp thầy Lang Tế bàn luận, ông nói:

- Nhà cửa xong rồi, thầy dọn về đi, người dân quê vẫn quý trọng tài năng của thầy. Thuốc nam, thuốc bắc, trồng trên đất ta, mới là của ta. Dân nghèo, ốm đau còn có chỗ dựa. Người xưa đã dạy rồi: “Những thứ mà con người đạt được trong đời này, là do phúc báo của họ mà có, tranh giành chỉ làm tổn hại đến người khác và tổn đức của bản thân mà thôi. Một khi tấm lòng rộng mở hơn, thì bạn bè phú quý cũng sẽ nhiều hơn!”. Thời thế thế, thế thời phải thế.

Thầy Lang Tế gật gù đáp lời:

- Nhân sinh thời, thời sinh kế.

Ba hôm sau, ông Tiên cho một đoàn người lên gồng gánh, khuôn vác đồ đạc, thuốc men của cửa hiệu thuốc bắc Tế Mỹ về làng Khánh Hữu.

Công việc khám bệnh, bốc thuốc lại bắt đầu.

Hai vợ chồng Á Bung về đến đầu cầu sông Nê thì trời xé chiều. Cánh cổng vào làng Bái Môn đã phá dỡ. Thay vào đó là mấy tấm mẹt tre viết chữ O, chữ A, chữ E treo trên bụi tre. Ai đi qua cũng dừng lại đọc và khen nhau: “thế là đã biết chữ rồi”. Thấy lạ A Hiêng hỏi:

- Cái gì thế Á Bung à?

Hồi còn bé, Á Bung cũng đi học được ít ngày rồi nhà nghèo, phải đi biển cùng bố câu mực nên bỏ học, mấy chữ kia thì đọc được. Đang do dự thì một ai đó dừng lại nói:

- Xóa nạn mù chữ đây, đi học bình dân học vụ đi.

Á Bung hiểu ra, nói với A Hiêng:

- Ở đây học, thì trên ngược ta cũng sẽ học đây.

A Hiêng vui vẻ hưởng ứng:

- Tao cũng đi học lấy cái chữ à.

Đi qua cầu khi một tay vịn, nước sông Nê xanh biếc, không còn bên lở bên bồi, bên trong bên đục. “Lời nguyện của dòng sông” đã trôi ra biển khơi. Hai người đi tuột vào làng. Đang mùa gặt sau trận đói, nhà nào cũng thóc lúa đầy sân, rơm rạ phơi rắc ngập lối đi. Mùi cơm mới thơm lừng, quện trong khói bếp lan tỏa trên các mái nhà. Đời sống mới đã khoác cho Bái Môn một tấm áo lạ lùng. Cũng như Á Bung, núi rừng, gian khổ đã rèn luyện Á Bung, thay hình đổi dạng. Khi đi là chàng trai nhút nhát, sống với

người Sán Dìu trở thành thầy mo Á Bung. Bây giờ trở về, có thêm A Hiêng và gọi lại cái tên Bùng. Không kịp hỏi ai, Bùng rào bước về nhà cho thỏa lòng mong đợi. Vừa bước chân vào đầu ngõ, trong nhà đèn sáng trưng, mừng rỡ, thế là bố còn sống. Bùng định cất tiếng gọi “Bố ơi” thì trong nhà vang lên tiếng đọc bài, đồng thanh đều đều: “i tờ, tờ i ti”. “o tròn như quả trứng gà”... Tiến thẳng vào sân, nhìn vào trong nhà người đông đúc quá, cô giáo dạy học lại là Na. Kia nữa cả thằng Á Còi, về rồi mà cứ im hơi, lặng tiếng để tao lo. Đang suy nghĩ điểm danh trong đầu thì thằng Á Còi nhìn thấy reo lên:

- Kia cậu Bùng đã về rồi, bà con ơi!

Cả lớp học ngơ ngác nhìn ra cửa, giầy lát bâng hoàng qua nhanh. Tất cả đứng dậy ủa ra ôm chầm lấy Bùng và A Hiêng. “Mày đã về đây Bùng ơi!”. “Cháu còn sống à, cháu ơi. Về đến nhà thì bố đã chết rồi”. Bùng không biết trả lời ai và nói như thế nào cho hết nỗi khổ, đau thương dồn nén. Nước mắt trào ra, Bùng và A Hiêng, đứng trước bàn thờ bố, bao ngày ngùi lạnh khói hương. Na và Còi lấy vôi hai tấm khăn trắng thay tang, quần lên đầu Bùng và A Hiêng. Bà đỡ đứng bên, nhanh mồm, nhanh miệng đã nói trong nước mắt:

- Cái đói, cái bệnh đã mang bố con đi rồi. Hai vợ chồng khóc nữa đi, khóc to lên cho bố nghe thấy, cho trời cao, đất dày thấu hiểu. Bao sự đời oái oăm đã đè nặng lên đôi vai gầy của người dân xứ này.

Thế rồi bà đỡ, người đỡ đẻ cho Bùng ngày nào, cũng đi học lớp này đã òa lên khóc, bà gào to như người khóc mướn, khóc thuê...

Lớp học tan, mọi người về rồi, Bùng, Còi, Na và A Hiêng đã thức đến gà gáy sáng, nhưng chẳng nói với nhau được lời nào, cổ nghẹn đắng. Đột nhiên Còi đứng dậy thối phụt cây đèn, căn nhà tối om. Còi nói:

- Đêm hôm ấy là như thế.

Trong đầu mọi người nặng trĩu những hình ảnh cái đêm đau thương, đứng trên bờ vực thẳm mà không bao giờ quên:

“...Ở góc chuồng trâu, Còi bị trói chặt vào cọc, đầu ngọe xuống, tóc rũ rượi như người sắp chết. Con trâu mộng nằm ở bên cạnh thở phì phì, kéo nắm rơm nhai kèn kẹt. Ngoài vườn tiếng ếch nhái kêu oà oạp báo hiệu trời sắp mưa

Na giật mình tỉnh dậy, toàn thân đau ê ẩm nhưng cố ngóc đầu lên nhìn khắp lượt. Đây là đâu?. Trời tối như mực, qua kẽ cửa nhỏ, Na đứng dậy lần sò. Thấy động, người canh gác ở phía ngoài mở cửa xông vào. “Na em ở đâu?”. Tiếng gọi thì thầm, Na giật mình run bắn, nép vào một góc im lặng. “Anh đây, Bùng đây, anh vào cứu em đây, mau đi nào”. Phải câu thứ hai thứ ba Na mới tin và lên tiếng: “Anh Bùng ơi cứu em với”. Trong bóng tối hai người ôm chặt lấy nhau, Na khóc ầm lên. “Không được khóc, nó nghe thấy thì chết, chạy đi với anh” chần chừ giây lát Na hỏi dồn: “Anh Còi đâu rồi?”. “Nó bị nhốt trong chuồng trâu”. “Hãy cứu anh ấy trước đi, rồi về cứu em”. “Mặc kệ nó, em phải đi ngay”. “Không, anh ấy đói lắm sắp chết rồi”. “Anh có củ khoai đây”. “Mang ngay đi”. Na đẩy Bùng ra khỏi cửa rồi ngồi sụp xuống đất...”

Phá tan không khí im lặng chìm xuống, A Hiêng nói bằng tiếng Sán Dìu, Bùng dịch lại rằng: “Ở dưới xuôi, ở trên núi, đâu đâu cũng có kẻ xấu lấy máu người đổi lấy đất. Cầu xin Thần đất che chở cho chúng con”.

Biển đông, mặt trời ửng đỏ. Bình minh đang lên.

Được tin thằng Bùng mang cả vợ về, ông Tiên mừng lắm. Cứ mỗi ngày, lại có người trở về từ cõi chết. Ông định thân hành sang nhà, xem ra sao thì chúng nó đã kéo đến. Ông cho trái chiếu ở giữa sân, gọi tất cả mọi người ra trò chuyện. Bùng mở đầu câu chuyện:

- Bẩm thưa cụ.

Ông Tiên gạt phắt:

- Không bẩm báo gì cả, đời sống mới rồi, nôm na thôi.

- Vâng ạ, sáng nay anh Tráng và cháu Xoa đã dẫn ra thắp hương cho bố cháu rồi. Cháu rất biết ơn ông đã cho bố cháu được yên nghỉ ở bãi tha ma Hoang Điền, trên quê hương đất tổ. Trong những ngày phiêu bạt một sống một chết, cháu và Còi đã được trưởng bản Á Pầu che chở và cưới vợ cho. Hôm nay về đây ra mắt, họ hàng nhà cháu chẳng còn ai. Cháu xin trình lên Ủy ban xã để được làm dâu trong làng và có nơi, có chốn đi về.

A Hiêng chấp tay cúi đầu và nói một câu tiếng Sán Dìu. Bà Tiên vẫy tay, gọi ngồi gần bên bà. Ông Tiên thân mật gật đầu nói:

- Được rồi, có đầu có đuôi thế là tốt. Các cụ nhà anh ngày xưa ở bên này tôi biết, giỏi giang tháo vát lắm. Dù

sóng to, gió lớn đến mấy cũng không làm gì nổi các cụ. Vượng phúc nhà anh lớn đấy.

- Vâng ạ, còn chuyện này cháu xin thưa với ông.

- Còn chuyện gì nữa? Ông Tiên nhả nha hỏi lại.

- Thưa thế này ạ. Vợ chồng cháu về thắp hương cho bố cháu rồi, vài ba hôm nữa cháu xin phép ngược lên quê vợ. Trưởng bản Á Pầu đã cho cháu được mang tên họ người Sán Dìu và được bà con coi như họ hàng dân bản. Cháu đã có nhà, có đất trên Núi Đèo, và bây giờ xin cho cháu Xoa đi nữa, nhà cháu ở đây thấy làm lớp Bình dân học vụ là rất mừng; Vì vậy chúng cháu xin dâng hiến vào đất công để làng sử dụng công ích. Xin ông chấp nhận để cho chúng cháu vui lòng.

Ông Tiên ngạc nhiên, nói như reo lên:

- Trời ơi! đáng phục, đáng phục quá. Từ ngày tôi làm lý trưởng, đến nay làm chủ tịch chưa thấy có ai như anh. Tôi chỉ xử kiện người ta tranh giành cướp đất. Cha bỏ con, vợ bỏ chồng. Anh em chém giết nhau cũng chỉ vì đất. Thế mà... Ngừng một lát ông hỏi tiếp - Tất cả là bao nhiêu? Còn giữ được văn tự không?

Xoa ngồi phía sau tiến lên, hai tay nâng cao ống quyển bằng tre màu vàng đã cũ, thưa:

- Thưa cụ, tất cả văn tự có trong hai ống quyển này ạ.

Thì ra lúc nhắm mắt ông Hoài bố của Bùng đã dặn Xoa một điều bí mật: “Cháu ngoại của ông à, ông chết đi chẳng có gì để lại cho thằng Bùng. Ông chỉ có năm sào

ruộng ngoài bãi và hai sào đất trong làng cùng ba gian nhà. Lo việc cho ông xong, mai mốt cháu sang nhà lấy các văn tự mang về bên này. Ông để trong ống quyển bằng tre. Cháu trèo lên cây kèo đầu hồi bên trái, từ nóc xuống ba thanh rui, có hai ống tre ông buộc chặt vào đấy. Trong đó một ống là ống quyển, đựng các văn tự nhà đất, còn ống kia đánh lạc hướng kẻ ăn cắp. Cháu phải dấu kỹ và không được nói cho ai, bao giờ thằng Bùng về thì cháu đưa cho anh ấy. Để lộ ra là chết, thằng Bùng con nhà Phiệt nó hung hăng lắm, táo tợn hơn cả bố. Không biết chừng nó giết thằng Bùng, cướp trắng ruộng đất để trả thù. Cháu nhớ chưa nào? Ống quyển...ống quyển, cướp trắng ruộng... ruộng đất.”...

Ông Tiên lặng lẽ viên điều thuốc Lào, hít một hơi thật dài rồi nhả khói mù mịt, che kín những giọt nước, trên mi mắt sắp tràn xuống má.

- Quý lắm! quý lắm - Ông nhả nha nói - Ngày mai tất cả ra đình làm lễ dâng lên Thành Hoàng làng.

Lập tức, thằng Bồng ủy viên ban thông tin theo lệnh của ông Tiên trèo lên chòi ở cây đa phát đi tin tức đặc biệt về buổi lễ ngày mai.

Dân làng xôn xao, chuyện chưa từng có ở làng Khánh Hữu. Kẻ giết người, cướp đất thì nhiều. Người hiến đất xung công thì đâu có, hiếm thật, hiếm thật. Thằng Bùng và cháu nó là thằng Xoa không bán lấy tiền, mà lại xung công điền, hì hì oai ra phết. Ông Tiên làm lễ dâng lên Thành

Hoàng làng là phải. Cái gì cũng vậy phải có đầu có đuôi, đất cát của nhà này cho nhà khác thì kệ, sang tên văn tự là xong. Đàng này xung vào công điền phải được Thành Hoàng, Thổ công, Chúa đất chứng giám. Đây bà con thấy không, bên làng Hữu Tiến mang đất công đi bán để lấy tiền mừng đám cưới con thượng cấp. Lại còn chuyện, quan Tri huyện đem đất công ra gán bạc. Nhà Hương Cán đây, xây mồ mả ở đất công, lại còn to mồm. Cái gì cũng mang đất ra để mà thể mạng, rồi trời phạt, làm ăn lụn bại không góc đầu lên được cho mà xem.

Sân đình chật cứng người, bao nhiêu sự kiện đã diễn ra ở đây rồi, hôm nay lại đông như hội. Chuyện cũng rôm rả, người khen, người tiếc ông Hoài mất sớm. Thường hay có chuyện như vậy, người tốt thì chết sớm, kẻ ác thì trời đánh cứ nhon nhon gây tội. Ông Hoài thật điềm đạm, sống có đức có tình. Mỗi lần đi biển, khi ai gặp khó khăn ông đều giúp. Chỗ nào có đàn cá ngon ông dành cho bạn thuyền. Một lần, bão lật chìm hàng loạt thuyền, ông đã đẩy thuyền cho người bám vào lênh đênh trên biển mấy ngày liền, mới vào được bờ. Bây giờ con trai lại mang ruộng đất xung công, thật là phúc đức. Thành Hoàng làng sẽ phù hộ, độ trì cho con cháu hạnh phúc viên mãn.

Một hồi trống chiêng mở hội, ông Tiên làm chủ lễ, theo sau là Bùng, A Hiêng và Xoa. Tất cả đều xúng xính trong bộ quần áo lễ, đồ rực, đầu đội khăn đỏ. Bùng và Xoa đội mâm lễ đặt hai ống quyển trên đầu. Quỳ trước ban thờ Thành Hoàng, ông Tiên đồng đọc văn tế:

Chúng con kính cẩn cung thỉnh

*Thành Hoàng làng, bản cảnh hiệu: Linh Phù hiệu
Ngưng, hậu Dực Bảo Trung hưng Uy linh Chiêu Ứng, Hộ
Quốc Năng Hạng tối linh.*

Nhớ đức thánh xưa

Vốn giòng hào kiệt

Đẹp giặc xong

Đắp đê lấn biển

Mở mang bờ cõi

Lập làng Khánh Hữu.

Đời đời hậu thế mai sau

Nhớ ơn mãi mãi dài lâu phụng thờ.

Trống chiêng nổi lên

Nay chúng con gia tộc Trần Hoài

Cùng với gia tộc Vũ Xoa

Xin dâng lên Thành Hoàng

Thổ công, Chúa đất

Năm sào ruộng bãi, ba sào thổ trạch

Xung hiến công điền

Xây nhà công ích.

Mặc cho con tạo xoay vần

Chữ nhân, chữ hiếu làm đầu

Quốc, Dân, Gia tộc trước sau vững bền.

Lòng thành lễ vật dâng lên

Ban cho hạnh phúc bình yên mọi nhà

*Thế thế suy tôn Thần Thượng Đẳng
Nhân nhân, bái phục Thánh thiên đồng.*

Chúng con kính cẩn cung thỉnh

Đồng phụng bái!

Trống chiêng nổi lên một hồi dài, tất cả dân làng đến dự cùng chấp tay vái lạy, hân hoan đón chào người con nhân, hiếu. Giữa sân đình họ vây quanh Bùng, A Hiêng và Xoa. Đặc biệt ai cũng tận mắt xem A Hiêng cô gái Sán Dìu tốt bụng, làm dâu làng mình. A Hiêng nói tiếng riêng của mình, Bùng liên tục dịch cho mọi người hiểu: “Thế này các bác ạ! Cô ấy nói rằng: Tôi rất vui, lần đầu tiên được biết người miền xuôi, rất thân thiết, nhân hậu, quý mến nhau. Ở đây có cái đình to, linh thiêng và đẹp lắm. Về nhà, tôi sẽ kể lại cho dân bản nghe. Làng này là của chồng, tôi sẽ phải về thăm luôn để gặp gỡ các ông, các bà. Vui lắm, vui lắm rất biết ơn mọi người...”.

Đáng nhẽ ngày mai, Bùng và A Hiêng ngược về Núi Đèo nhưng ông Tiên giữ lại:

- Nhân thế chúng mày về, tao sẽ tổ chức đám cưới cho mày đứa luôn thể. Thăng Bùng cũng họ hàng con cháu cả.

Bùng chưa hiểu nên hỏi lại:

- Thừa ông đám cưới ai ạ?

- Rồi sẽ hiểu. Bây giờ đời sống mới rồi, không mâm cao cỗ đầy gì cả. Hạnh phúc sau này mới quan trọng.

Sân đình lại diễn ra một sự kiện quan trọng nữa, thật bất ngờ - Đám cưới tập thể đời sống mới cho các đôi uyên

ương: Tráng và Sen, Cốc và Sự, Còi và Na. Khi ở tuổi thanh xuân, đói kém, nghèo nàn và muôn vàn trắc trở, họ không thể vượt qua để đến với chân trời hạnh phúc được. Bây giờ đã qua cái chết, cái đói và những rạn vỡ của mảnh đời, họ tìm về với nhau trong muôn vàn yêu thương. Được ông bà Tiên nhân ái lo cho tất cả, không có nhà ông sắp đặt như thế này: Tráng và Sen ra vườn bẫy chim, nhưng nhà bị cháy cho con trai, Còi và Na. Cốc và Sự về nhà Na bên Bái Môn. Đời sống mới, nhưng họ vẫn không quên lệ làng. Mỗi cặp nộp treo cho làng hai nghìn viên gạch để xây đường...Ông Tiên cho người sửa sang lại nhà cửa, tuy chưa được khang trang lắm, nhưng là của chính mình không kẻ nào dám nhòm ngó, an cư thì lạc nghiệp. Tất cả đều hoan hỉ, sáu cô dâu chú rể, thường ngày ai chả biết, hôm nay trông lạ hẳn:

Tráng và Sen cách nhau nhiều tuổi. Tuổi đời thì xa, tình đời là một. Đói nghèo, khổ đau đã xích họ lại gần. Tất cả đã cho đi, hôm nay nhận lại muôn vàn tình thương, bao la như biển cả.

Cốc anh tá điền cục mịch, Sự cô gái bán chiếu gom, đến với nhau bằng những câu hát trữ tình, lãng mạn: “Thấy em nằm đất anh thương”. Họ đã vượt lên tất cả để hôm nay “Có chiếu hoa em nằm, có chăn em đắp, có trâm em đeo”.

Còi và Na tưởng rằng, đâu có ở với nhau kiếp này, thế ước, hẹn gặp kiếp sau. “Con thường luồng nổi trên sông Nê vào những đêm trăng sáng, có hai núm vú xinh xinh chọc thẳng lên trời cao”. Hôm nay chú rể cài lên đó những bông hoa trắng muốt.

Hạnh phúc của những số phận không định trước.

Rất vui, Thắng và Hạnh Mỹ cũng về dự, trao tặng cho mỗi cặp một đôi áo gối thêu hai con chim bồ câu trắng.

A Hiêng then thùng, tháo chiếc vòng bạc trên cổ đeo cho Na và nói bằng tiếng riêng của mình, nghĩa là: “Đây là vòng bạc của A Hoa tặng cho Còi. Câu chuyện của họ đã trở thành huyền thoại, người Sán Dìu rất trân quý và giao cho A Hiêng giữ. Bây giờ Na đeo, tình nghĩa chúng ta thật gắn bó keo sơn”...

Không ở lại lâu được, xong đám cưới tất cả phải lên đường. Thắng, Hạnh Mỹ, Còi tiếp tục đi diệt giặc dốt. Bùng, A Hiêng và Xoa ngược lên Núi Đèo. Họ ra đi không phải để kiếm ăn, mà lần này hứa hẹn sẽ mang về những mùa bội thu. Trước đó thầy Lang Tế đã căn dặn Xoa:

- Con đi với Bùng lên đó, thế là tốt. Những gì thầy đã dạy, phải mang ra mà làm. Người dân tộc có nhiều bài thuốc hay và lạ lắm, chữa được nhiều bệnh, con cố mà học. Trên rừng cũng có nhiều loại cây thuốc quý. Thầy đã lực bất tòng tâm, tất cả trông cậy ở các con. Trông cậy ở ngày mai. Nhớ nhé, hiểu chưa?

Đã bao nhiêu ngày cấp cấp đi theo thầy, Xoa đã học được rất nhiều điều, biết được nhiều bài thuốc. Bây giờ cùng cậu mợ lên rừng lập nghiệp, xa xôi, cách trở. Nhớ công ơn thầy và gia đình nuôi dạy, Xoa cúi đầu quỳ lạy, bà Lang ôm Xoa vào lòng nói:

- Mẹ con đã mất, còn có ông bà, đây là nhà, là chốn đi về của con. Cậu cháu, anh em phải đùm bọc lấy nhau.

Sống trên đất khách quê người, có muôn vàn khó khăn cố gắng vượt lên các con nhé.

Mãi đến bây giờ, Còi và Na mới vội vàng chạy về. Thì ra ngay từ sáng sớm họ đã rủ nhau ra bãi cát ven biển, nơi có cây phi lao trói Na để Lý Khoái hành hình gọt đầu bôi vôi. Còi chặt phăng cây phi lao đổ rầm xuống đất. Ông Tiên biết, Còi chấp tay thưa, ông gạt đi và bảo:

- Xử sự như thế là được, chí nam nhi phải thế. Cây này đổ. Cây khác sẽ mọc lên tươi tốt hơn.

Bà con xóm làng vây quanh, người cho dăm ba ống muối, người tặng đầy bị cá khô làm quà. Ai cũng bịn rịn nhớ thương. Thằng Quốc bốn ngón dẫn mẹ nấp sau khóm tre, rồi cả thằng Nho, túm tụm lại bàn tán. Mẹ thằng Quốc cầm nắm muối, gói trong lá khoai, xấn váy ném tung tóe vào bụi tre, mồm lẩm bẩm “ba hôn chín vía, chúng mày xéo đi cho sạch đường, sạch chợ...”. Thằng Nho chẳng thèm để ý bà ấy nói gì, tí mắt nhìn chằm chằm vào A Hiêng thêu thào: “Đẹp quá mày ạ, con vợ tao xách dép cho nó”. rồi chạy ủa ra, tay cầm cái nón mới tinh đội lên đầu A Hiêng: “Tặng em đây, rồi anh sẽ ngược Núi Đèo tìm em”. A Hiêng liếc mắt cười, nói tiếng riêng của mình chẳng ai hiểu gì, nhưng Nho lại sượng rên, nghĩ trong bụng “Cẩn câu rồi”. Thì ra mấy hôm trước, Nho đã tranh thủ ra hiệu bằng chân tay, thay cho lời nói với A Hiêng được mấy câu. Đêm về, mơ màng yêu thầm, nhớ vụng. Cái tính đại gái ấy, cả làng này ai chả biết.

Thắng dẫn đầu đoàn lên đường, khuất dần, khuất dần sau những rặng tre.

5

Làng Khánh Hữu bây giờ nổi bật hơn nhiều làng khác. Như ông Tiên thường nói “Khánh Hữu vẫn là Khánh Hữu”, nghĩa là vẫn giữ vững truyền thống từ thời khai sinh lập địa. Làng có đình, có chùa, có đường lát gạch, có sông, có biển, có chợ. Nhất cận thị nhì cận giang. Già trẻ, gái trai thì gia phong lễ giáo, đối cho sạch, rách cho thơm. Nhưng suy đi tính lại, ông Tiên vẫn thấy thiếu một cái gì đó, nghĩ mãi không ra. Ông bèn đến nhà thầy Lang Tế để bàn bạc:

- Thầy tính xem, thế này có được không nhé? Cái nhà của thằng Bùng xung công, nếu chỉ để lớp bình dân học vụ học ban đêm, còn ban ngày bỏ đấy thì phí. Tôi định cho mở thêm lớp học chữ Hán như mình ngày xưa ấy. Lúc giao thời chữ Hán và Quốc ngữ đều cần đấy thầy ạ.

Thầy Lang Tế suy nghĩ một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Quả là thế, nhưng người theo học thì có mấy đâu. Tôi nghĩ, ta nên mở lớp đồng ấu cho các cháu. Dạy con từ thuở còn thơ mà.

Ông Tiên vỗ đùi đánh đét một cái:

- Hay, hay, tán phục thầy. Tôi sẽ đệ trình lên thượng cấp xin mở lớp Đồng ấu, đồng thời cũng là chỗ cho chúng nó chơi, tập trống tập hát. Đội trống ếch mỗi lần có công, có việc cứ tìm cuống cả lên, mỗi đứa giữ một cái mang về nhà. Đội kỳ lân cũng mang về đây hết, không để ở đình nữa.

Hai ông lại khề khà, nâng ly rượu làng Vân, tiếp tục câu chuyện:

- Còn chuyện này nữa thầy ạ.

- Vâng, ta cứ bàn kỹ đi, rồi đâu sẽ vào đấy. Thầy Lang Tế gật gù nói.

- Cái nhà thằng Xoa, tuy nhỏ nhưng nó nằm giữa làng, thuận tiện cho mọi người. Hay là ta làm nhà hộ sinh. Mấy làng, mới có một bà đỡ, cứ xách bị đồ nghề chạy lung tung, hết cô này, đến bà kia đẻ. Ngay cả bà nhà tôi, nhiều lúc bí cũng phải đỡ. Cái thằng Sửu đẻ ở bụi chuối, may mà còn sống. Có nhà hộ sinh, ai cần, cứ đến đấy mà đẻ. Có sướng không nào?

Thầy Lang Tế đặt chén rượu xuống tràng kỷ:

- Thật chí lý.

- Có nhà hộ sinh lại có hiệu thuốc bắc Tế Mỹ của Thầy, hơn cả nhà thương ấy chứ lý

Ông Tiên ví von như thật, mà đúng thật, sân đình một thời như nhà thương già chiến đã cứu bao nhiêu người qua đại dịch thổ tả rồi còn gì.

Không chần chừ, ông Tiên cho thằng Bổng đi tìm bà đỡ về đẻ giao việc luôn.

Bà đỡ chả ai biết tên là gì, làm nghề đỡ đẻ từ bao giờ. Quê quán ở đâu nào có ai hay, chỉ nghe phong thanh, hỏi nhỏ bà đi ở cho nhà chánh tổng tận trên Phú Bình. Một đêm trời mưa to, gió bão thì bà chánh đau đẻ. Ông chánh cuống cuống, cho phu cáng bà lên Phủ lý, không đi được vì trời mưa to quá. Tìm bà đỡ thì chẳng biết đâu mà lần.

Đau quần quai suốt chiều lại đến đêm vẫn không dễ được. Cuối cùng bà đầy tớ, đang làm cho nhà mình, liều thay “bà đỡ” “lôi đứa bé chết lưu ở trong bụng bà chánh ra. Đứa con đích tôn của ông chánh qua đời, ông điên lên, đồ vạ và chu di tam tộc cả nhà, tịch biên toàn bộ đất đai, thổ trạch. Ông bà, bố mẹ bà ta chết hết, đất đai nhà cửa không còn, bà sợ quá bỏ làng trốn biệt. Lang thang khắp nơi đầu đường xó chợ kiếm ăn. Thế rồi một lần nữa bà lại đỡ đẻ. Chuyện thật nực cười, trên cây cầu khi, có một cô gái đầu đội thúng thóc đi đến giữa cầu thì đau đẻ. Một tay cô giữ thanh vịn, một tay đỡ thúng thóc, nếu buông tay ôm bụng thì ngã xuống sông, đứng giữa cầu kêu cứu. Từ đằng xa nhìn thấy, bà liều mình chạy ra, nhanh tay hất thúng thóc xuống sông và ôm chặt lấy cô gái. Lần từng bước bà diu qua cầu, vào tới bờ để nằm xuống vệ đường. Đẻ. Đứa bé được bà cắt rốn, mẹ tròn con vuông. Vợ chồng cô gái mừng rỡ, mời bà về nhà ở và nhận là mẹ. Bà được mọi người quý mến, cái tên bà đỡ bắt đầu từ đây.

Chưa bước chân vào nhà, bà đỡ nói như lệnh vỡ:

- Chẳng hay có việc gì mà cụ lý cho gọi con đây ạ. “Cóc ngồi đáy giếng” mà cụ.

Thầy Lang Tế cười vang hài hước:

- Ấy vậy đây, không ngồi đáy giếng thì sao biết được nông sâu.

Bà đỡ đối đáp luôn:

- Các cụ cứ ở trên hét, chúng con cứ ở dưới gào thế là chẳng ai nghe được của ai.

- Thế bây giờ tôi hét đây. Có nghe không? Ông Tiên ngắt lời.

- Cùng ngồi trên cả. Con nghe đây ạ. Bà đỡ lễ phép ngồi im.

- Từ ngày mai, bà không phải xách bị đi đỡ đẻ ở đâu cả.

- Dạ thưa cụ, người ta đẻ mà con không đến thì tội to lắm ạ. Trời đã phái con xuống trần gian để cứu dân độ thế mà.

Lâu nay Bà đỡ vẫn đình ninh như vậy, là con Trời con Phật, bao giờ đưa được chín trăm chín mươi chín trẻ sơ sinh ra chào đời, thì bà mới được về Trời. Ông Tiên lâu nay vẫn nghe người ta đồn đại như vậy, bây giờ có dịp ông liền hỏi:

- Đã đủ chín trăm chín mươi chín cháu ra chào đời chưa?

- Cái đó do các quan Nam tào, Bắc đẩu biên sổ, con đâu dám, bao giờ Thiên đình gọi là đi thôi cụ ạ.

- Lâu nay chúng tôi có lỗi với Trời để bà vất vả, xin trời tha tội - Ông Tiên tự nhận lỗi - Bây giờ làng có nhà hộ sinh, tôi mời bà về đây ở và làm việc luôn. Làng trên xóm dưới ai cần đẻ cứ đến, bà không phải đi lại vất vả. Khi có người bị sản giật, trẻ con bị ốm đau thì đã có Hiệu thuốc Tế Mỹ của Thầy đây hiệp lực, Bà thấy thế nào có được không?

- Thật phúc đức quá! - Bà đỡ xoa hai tay, cảm kích - Từ bé đến giờ con chưa biết cái nhà hộ sinh nó ra làm sao. Được các cụ quan tâm thế này thì chẳng mấy chốc làng Khánh Hữu bù được hàng trăm người chết đói, chết dịch.

Ông Tiên ngần ngừ giây lát rồi nói:

- Bây giờ chỗ để có tên là nhà Hộ sinh, hay là...bà cũng mang một cái họ tên gì đó cho nó hợp, chẳng hạn như Mã Thị Dậu, họ của nhà tôi đấy.

Bà đỡ bạo mồm bạo miệng thưa:

- Thưa cụ, con đâu dám, thân con đã khô rồi, bây giờ mang họ nhà cụ toàn ngựa với gà, chẳng may sảy ra chuyện gì lại mang tiếng cụ. Xin hai cụ để ngoài tai, thân hình người con gái, chỗ đẹp nhất, sướng nhất là cái lồn, thế mà cứ gọi tránh là số ta, là cửa mình, mất cả sướng rồi còn gì nữa. Con cũng vậy, các cụ cứ gọi bà đỡ cho sướng, chứ gọi cái đỡ, con đỡ thì còn gì là nhân đức nữa đâu.

Hai cụ nâng chén nước che miệng cười khục khục.

Ngày ngày hôm sau Bà đỡ dọn về. Gọi là dọn chứ đâu có gì, bà chỉ có hai cái bị, một đựng quần áo và một đựng đồ hành nghề. Ông Tiên cho đóng hai cái giường để cho bà và cho bệnh nhân. Có tấm phen ngăn kín không cho ai nhòm người đang rặn đẻ. Na được ông Tiên giao, kẻ vôi lên tấm cốt ba chữ “Nhà hộ sinh” căng ngang cổng, oai ra phết.

6

Hôm nay, đúng con nước thủy triều, thuận cho việc đánh bắt xa bờ. Ông Tiên bảo, phải ra khơi kiếm mẻ cá ngừ, ăn bao nhiêu thì ăn còn phơi khô, tích đấy cho những ngày mưa bão. Tráng và Cốc dậy rất sớm cho thuyền ra khơi đúng giờ hoàng đạo. Sen và Sự đứng dưới gốc cây phi lao tiền chông, cho đến khi những con sóng bạc đầu che khuất.

Kể từ đám cưới tập thể đời sống mới do ông Tiên đứng lên tổ chức thì họ mới lấy được nhau. Chứ như xưa, nghèo đói không đất đai, nhà cửa họ đành làm bà cô ông mãnh, chờ lễ Vu lan mới kiếm được bát cháo củ khoai chúng sinh. Các gia đình đều có cuộc sống yên vui, hạnh phúc. Vợ chồng Cốc và Sự không còn bị Bàng quấy nhiễu, đòi nhà đòi đất. Tráng và Sen vất vả một chút, sửa lại lều chần vịt của chị Sẹo ngày xưa hãy còn tênh toàng, nhưng suốt ngày vui với đàn vịt, đàn chim trời. Thi thoảng vào thăm ông bà Tiên và mang cho con Sừ rô trứng vịt.

Còi chỉ ở nhà được mấy hôm rồi lên đường về đơn vị anh Thắng, Na ở nhà một mình trên mảnh đất hãy còn mùi cỏ cháy. Vong linh Bà và mẹ Còi luôn luôn bên cạnh phù hộ cho Na đưa con gái hiếu thảo và dũng cảm. Cánh tay phải của ông Tiên, mỗi khi có công to, việc lớn đều gọi đến Na. Hết dạy bình dân học vụ đến đọc các trát, biểu ở trên gửi về cho ông nghe. Chứ nho, thì ông giỏi cả vùng

này không ai sánh kịp, còn chữ quốc ngữ ông đâu có học. Thế đấy!

Na có việc phải rẽ vào nhà Hộ sinh nên ra muộn, vội vã sà vào chỗ hai chị đang ngồi dưới gốc cây phi lao. Bộ nữ tam này, lâu nay gắn bó với nhau như một, chia sẻ con chấy cắn đôi. Người ta bảo “một người thì kín, hai người thì hở”, nhưng chuyện của ba người này thì kín như bưng. Na nhẹ nhàng nói:

- Chị Sự ạ, không thể giữ mãi được đâu. Cái mồm thì ngâm được, chứ cái bụng ngày càng to thì dẫu vào đâu. Em đã bị một trận gọt đầu bơi vôi rồi, sợ hết hồn.

Sự vẫn mạnh mẽ như tính nết của mình:

- Tao không sợ, ngày mai tao sẽ đi khỏi nơi này, để xong bẽ con về.

Sen an ủi:

- Làm thế không được đâu chị ơi. Anh Cốc sẽ bẽ mặt với ông bà Tiên. Chúng em cũng bị coi là vô ơn. Dân làng sẽ nhìn ông bà Tiên ra sao?

Na thêm vào:

- Bao nhiêu công sức ông bà Tiên nuôi nấng chúng mình, cho nhà cửa, đất cát và tổ chức đám cưới, hóa ra đồ xuống sông, xuống biển hết hờ chị?

- Vậy làm thế nào bây giờ?

Sự vò đầu vò tai rồi đập thình thịch vào bụng. Nếu nói nữa, chị lại lên cơn điên như ngày nào thì chết, Na và Sen ôm chặt lấy Sự, tất cả cùng khóc. Sóng biển rì rầm, than thở...

Hôm nay thuận buồm xuôi gió, thuyền của Tráng và Cốc đã ra đến ngư trường. Cá nhiều vô kể, từng đàn to nhỏ bơi theo thuyền, bơi ngược, bơi xuôi nhảy lên reo mừng. Chẳng mấy chốc hai người đã kéo về đầy khoang.

Bắt mấy con tôm tươi nhảy đành đạch, Cốc vật đầu, vật râu sạch sẽ rồi ngửa cổ dốc chai rượu làm bữa nhấm. Có hơi men Cốc dốc bầu tâm sự:

- Chẳng có cái đại nào, bằng cái đại này, hôm ấy gặp lại con bé bán chiếu gom, cái Sự ấy mà. Mà còn nhớ không?. Nó bị thất tình như điên, như đại đề nghiêng tao xuống sàn thuyền. Thằng đàn ông chó nào chả thế, mỡ mang đến miệng mèo, không chén sao được. Ai ngờ nó có chữa.

- Mừng cho anh!

- Mừng cái nỗi gì? đang lo bỏ mẹ đây này.

Chuyện ấy ông Tiên biết, ông đã gọi hai người lên đe nẹt “Thuyền mới hạ thủy, chúng mày làm thế là xúi cả đời...”, cũng may, rồi ông quên luôn. Hôm làm lễ cưới, bụng đã nhu nhú như quả bưởi, sợ mọi người nhìn thấy Sự không dám ra dự. Cánh đàn ông mình thì không để ý, nhưng Sen, Na lại thêm A Hiêng bày mưu với nhau. A Hiêng tặng Sự cái váy Sán Dìu, cạp nhiều nếp gấp, mặc vào rộng thùng thình không nhìn thấy bụng. Thế là Sự vui hân trong mấy ngày cưới. Cám ơn A Hiêng tốt cái bụng. Nhưng đến bây giờ bụng to quá rồi, váy nào cũng không che nổi. Sự đã toan bỏ trốn, hai vợ chồng mất ăn, mất ngủ vẫn không nghĩ ra.

Đặt chai rượu xuống sàn, Cốc thở dài hỏi Tráng:

- Mày có cách nào không?

Tráng bần khoản không biết nói thế nào, im lặng hồi lâu, con thuyền bồng bềnh, lắc lư. Mặt trời ửng đỏ đang chiu dần xuống góc biển phía xa xa. Cũng từ phía ấy hiện lên một chấm đen, đó là Cồn Bà. Tráng nẩy ra ý định, hỏi Cốc:

- Anh có biết Cồn Bà không? mãi xa xa kia kìa.

- Còn lạ gì, ngày xưa hàng năm mở hội, tao thắng mấy keo vật rồi đấy.

Cốc có vẻ hãnh diện, Tráng được thể hỏi liền:

- Anh có dám ra đấy ở không? Trước đây nhiều thuyền bè và người ở đông vui lắm.

- Ý mày hay. Ta ghé thuyền vào xem thử.

Tráng xoay buồm cho thuyền tiến ngược về phía Cồn Bà, nơi có Đèn Bà rồi giặc Pháp chiếm xây cây đèn biển. Chẳng mấy chốc hai người đã đổ bộ lên đảo. Giữa lúc giao thời, các thế lực còn mải tranh chấp đất đai ngon lành trong đất liền, chưa ai bước chân đến đây, ngọn đèn Hải đăng lạnh lẽo, hoang vu. Tráng còn nhớ hồi xưa, các cụ đánh nhau với giặc Phương Bắc vì chúng tuyên bố “Ở đâu có đèn thờ, có xương cốt của họ đấy là đất của họ”. Diên tiết các cụ đã phá đèn, thả tượng Châu Quý Phi trôi ra biển. Còn tượng Tướng quân biểu tượng cho sức mạnh chiến thắng của dân vạn chài, vẫn hiên ngang cùng tuế nguyệt. Giòng chữ khắc trên bệ tượng “Thomas-Man” đậm nét, rõ ràng ai cũng có thể nhìn thấy. Tráng không hiểu, nhưng tò mò muốn biết, đành ngồi viết từng nét xuống bãi cát cho nhớ, về nhà, nhờ Na đọc hộ. Bên cạnh tượng là con thuyền

có hai mái chèo, chắc ai đó đã kéo về đây. Trong đồng gỗ mục nát chỉ còn lại con ốc biển và cái sừng trâu làm tù và cho người đi biển gọi nhau mỗi khi có nguy hiểm. Tráng bèn lấy con ốc có giây, đeo vào cổ, vì thuyền nhà mình chưa có. Cốc đi xem khắp các phòng nhà đèn, tất cả đều ngổn ngang bừa bãi. Hai người trèo lên đồi, dưới chân cây đèn biển là một cây đèn dầu treo trên gốc tre già sù sụ, tre non và măng mọc xung quanh tươi tốt, thành một khóm lớn. Mỏ đất bên cạnh cỏ mọc xanh rì. Hai người nói với nhau “Hình như đây là cái mộ”. Chẳng biết có phải không, cứ dừng lại, chấp tay cúi đầu khấn vái.

Đi hết một vòng từ đông sang tây, từ nam đến bắc thì trời tối hẳn, hai người lên thuyền nhỏ neo xuôi vào bờ. Trên thuyền Tráng gặng hỏi:

- Anh thấy thế nào?

- Tao thì không sợ, nhưng Sự không biết có chịu nổi không? giữa biển khơi mênh mông, hoang vu, vắng vẻ này. Cốc nhún nhả trả lời.

- Đến nước này thì phải chịu thôi. Tạm đi mấy tháng, rồi bé con về, ai mà biết được. Nếu ở nhà cái bụng to phình đập vào mắt thiên hạ, ra một câu, vào một câu còn nhục hơn nhiều. Đây là đổi mới rồi, chứ còn cái tục gọt đầu bôi vôi thì làm môi cho cá.

Tráng phân tích nghe thấy xuôi tai, im lặng suy nghĩ. Tráng nói tiếp:

- Xa thì xa thật nhưng cũng rất gần thôi. Từ ngày thẳng Tây rút đi, thuyền ra, thuyền vào lấy nước ngọt, Cồn Bà lại đông vui. Anh cứ ở đấy mỗi lần ra khơi em ghé vào đón

và tiếp tế lương thực cho anh. Ngày còn thuộc Pháp nó chỉ để trên đảo một người đốt đèn thì sao?

- Thôi được, ta về thưa chuyện với ông Tiên và xem ý cái Sự thế nào nhé.

Trời gần sáng thì thuyền cập bến, điều sung sướng nhất của người đàn bà làng chài là giờ phút này. Họ thở phào nhẹ nhõm, chồng con trở về an lành, cá tôm đầy khoang.

Bộ tam nữ chạy ủa xuống biển, không cần xem cá ra sao, họ ríu rít bên nhau đủ mọi chuyện. Cốc kéo Sự ra sau mũi thuyền thò tay sờ bụng vợ cười tíu mắt, Sự khẽ gạt, hờn dỗi:

- Đang lo sốt vó lên đây này.
- Yên tâm, tớ đã có cách rồi về nhà sẽ nói.
- Thì nói đi. Xạo.

Câu chuyện đang dở dang thì Na chạy đến kéo đi:

- Chị Sự ơi, xem này anh Tráng đeo cái tù và ốc to đùng, như trong câu chuyện cổ tích “An Tiêm”, đẹp chưa?

Ào ào, vui nhộn một lúc rồi ai vào việc nấy. Người gánh, người đội chuyển hết thuyền cả về nhà ông Tiên. Chọn lọc cá to mổ, rửa, tãi ra bãi cát phơi khô. Cá nhỏ cho vào bể chượp nấu nước mắm. Bận rộn cả ngày, đến đêm nhà nào mới về nhà ấy.

Tráng bắt Na phải rẽ vào nhà mình để hỏi cho ra nhẽ cái tên kỳ quặc vừa nhớ được ở ngoài đảo. Na cũng chỉ là đoán, cái chữ Thomas là tiếng Pháp có thể là tên của người đốt đèn biển. Dầu gạch ngang là phân cách giữa

hai từ. Còn chữ Man không phải là chữ Pháp, mà là chữ ta. Cá biển không có loài nào tên man. Tên người thì phải có dấu, nếu cho các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng vào thì cũng vô nghĩa. Đội mũ cho chữ a thì ra mân, mấn, mận... Tráng reo lên:

- Đúng rồi, con Mận rồi. Nhưng sao, nó lại ngoài ấy cơ chứ, bị Pháp bắt à, vô lý...

Từ nãy giờ Sen mãi mân mê con ốc, bây giờ mới lên tiếng:

- Làm sao mà ra tận ngoài đảo xa tít, xa tấp ấy được - Nghĩ một lát Sen bắn khoăn hỏi - Cái con ốc này mình lấy ở đâu vậy?

- À nhặt được trong thuyền trên đảo, thấy còn tốt mang về làm tù và đi biển.

Sen giật mình biến sắc, ghen ngào nói:

- Cái này của bố, đây mình ơi.

Tráng và Na nín thở nghe tiếp:

- Cái dây ốc này là chính tay em khâu, đúng một trăm linh bảy viên, cả con ốc to là một trăm linh tám viên. Bố bảo rằng con số một trăm linh tám là tượng trưng cho một trăm linh tám phiền não của con người. Giấy tràng hạt cũng một trăm linh tám viên. Bố vừa đeo tù và vừa lằn trằn hạt đọc kinh. Khi khâu, em đếm cứ mười con ốc Bạch ngọc có một con ốc Hương. Đây tất cả còn nguyên vẹn. Trời ơi, Bố ơi, bố đang ở đâu...

Sen gào khóc, Na đổ dành lau nước mắt dần dựa trên má. Tráng nịnh yêu:

- Nín đi, mai tôi đưa mình ra đảo thấp hương cho bố nhé.

Tất cả mọi chuyện, sáng hôm sau ông Tiên biết hết, trước mặt mọi người ông nói:

- Việc vợ chồng thằng Cốc ra đảo làm ăn thế là tốt. Đất đai ngoài đó màu mỡ lắm, tôm cá thì vô vàn. Giữa biển mênh mông mà có nước ngọt, quý lắm, của trời cho đó các con ạ. Đã hàng nghìn năm nay người ta tranh cướp cũng chỉ vì miếng mồi béo bở ấy. Ra đây chịu khó làm ăn, mai một về đón thêm người, làng Khánh Hữu lại có thêm đất, thêm biển kéo dài ra tận Cồn Bà.

- Vâng chúng con cũng định vậy ạ.

Cốc lễ phép trả lời. Thầy lang Tế ý tứ, đứng dậy vẫy Sự vào phòng khám.

- Cháu ngồi xuống để thầy bắt mạch cho.

- Vâng ạ, con cảm ơn thầy.

Bắt mạch xong, thầy nhẹ nhàng nói:

- Bốn tháng rồi, không phải hôm nay thầy mới biết. Chỉ cần nhìn lông mày người con gái là biết. Chúc mẹ tròn con vuông, gia đình hạnh phúc nhé. Hai vợ chồng ra đó làm ăn, giữ gìn sức khỏe. Con vào gặp bà, lấy thuốc mang đi dưỡng thai, bà đang chuẩn bị đấy.

- Thầy tốt với chúng con quá! Con xin Thầy cô.

Bà lang đã lên tiếng ở ngoài cửa:

- Cứ làm như người ở đâu đến, con cháu trong nhà cả. Mười năm thang thuốc này uống một tháng nhé, hai ngày

một, không được bỏ ngày nào - Bà sờ vào bụng Sự rồi nói riếp - Mừng rồi, con trai đấy, có thằng kéo lưới, đẩy thuyền cho bố.

Mọi người vui vẻ tiễn hai vợ chồng Cốc xuống thuyền ra Cồn Bà. Đúng hẹn thì Sen và Na đi cùng để ra đó xác minh con ốc tù và, có giấy đeo một trăm linh tám con ốc nhỏ, đồng thời xem lại hai cái chữ Thomas - Man. Nhưng Sen không đi được, bà Tiên bảo ở nhà để trông thằng Sửu lên đậu mùa, sốt liên miên. Na đi họp sơ kết Bình dân học vụ.

Tráng căng buồm, đưa hai vợ chồng anh Cốc ra Cồn Bà. Sự hơi buồn, nhưng rồi thấy nhà cửa gọn gàng và mọi người quan tâm đến mình nên vui vẻ. Hai vợ chồng ổn định nơi ăn, chốn ở xong, vội vàng câu mấy con cá ngừ, cá mực ngon nổi tiếng ở Cồn Bà để Tráng mang về biếu thầy Lang Tế và ông bà Tiên.

Sơ kết Bình dân học vụ xong, Hạnh Mỹ có lệnh đi tiếp thu các cơ sở y tế của Pháp để lại, từ nhà thương đến các trạm y tế, hộ sinh làng xã. Mở lớp bồi dưỡng y tá, cứu thương. Đặc biệt là vệ sinh phòng dịch, và tổ chức mạng lưới cứu thương. Ngăn chặn các bệnh dịch đang chớm phát như đậu mùa, sốt rét. Không để bùng ra như đại dịch thổ tả năm nào. Hạnh Mỹ là con thầy Lang Tế hiểu biết về y học, có kinh nghiệm trong lần chống đại dịch thổ tả, nên đã nhanh chóng làm chủ được công việc.

Được tin, ông Tiên đã gọi Hạnh Mỹ về, nói:

- May cho Khánh Hữu, có con tháo vát, con xem nhà hộ sinh còn thiếu gì thì mua cho làng. Tao không xin, lại mang tiếng “một người làm quan cả họ được nhờ”.

Hạnh Mỹ cười và lễ phép thưa lại:

- Xin ông đừng nghĩ thế. Con sẽ làm theo lời ông dạy ạ.

Thế rồi nhà Hộ sinh làng Khánh Hữu có thêm bàn đẻ, y cụ và chậu tắm cho trẻ sơ sinh... Bà Đỡ vút luôn cái bị rách, cái liềm cắt rốn đã hen rỉ, cùng Na đi học cấp tốc. Lúc nào Bà cũng mặc bộ bờ-lu trắng và đeo cái ống nghe trước ngực, trông oai ra phết. Ông bà Tiên và thầy Lang Tế ngày nào cũng vài lần dạo qua để củ soát. Đứng trước cổng ông Tiên gật gù, mắt sáng, tấm tắc khen: “Khánh Hữu vẫn là Khánh Hữu”.

Đêm ấy khuya lắm rồi, có người gọi cửa. Bà Đỡ vùng dậy “lại có ai đẻ đây”. Nghĩ vậy Bà quay sang gọi Na, buổi tối dạy học xong, Na ngủ lại với Bà. Hai người ra mở cửa, giờ cây đèn bão lên soi, Na nhận ra đó là Bằng, dẫn Y Vân đến đẻ. Bà Đỡ cũng nhận ra, gật gù, gương mặt nói:

- Cậu đây à, đưa mợ ấy vào bàn đẻ.

Tình huống thật bất ngờ, người Na nóng ran, tim đập mạnh, cổ nghẹn đắng không nói lên lời. Cây đèn trên tay Na buông thông, sắp rơi xuống đất. Bà Đỡ đập mạnh vào lưng “mất hồn à, chuẩn bị đi”.

Nằm trên bàn đẻ, Y Vân quần quai, kêu âm ỉ.

Đứng bên bàn, Bà Đỡ gắt:

- Kêu khê thôi, lấy sức mà rặn, tất cả đàn ông ra ngoài sân hết.

Nói rồi bà khẽ hỏi Y Vân:

- Con đau lâu chưa?

- Lâu rồi. Y Vân vẫn cái giọng cụt lủn của con nhà quan.

- Từ lúc nào? Bà Đỡ nhẹ nhàng hỏi tiếp.

- Ăn cơm xong, hỏi gì mà lắm thế, có đỡ không thì bảo? - Y Vân lại kêu toáng lên - Trời ơi đau quá...

Na nghiêm mặt:

- Nằm yên, để người ta còn khám.

Bà Đỡ làm nhiệm vụ chuyên môn của mình, bắt Y Vân dạng hai chân để thăm khám cửa mình. Y Vân vịn người giấy giữa. Na cầm hai tay giữ chặt, Y Vân quát:

- Buông ra, mày không được động vào người tao.

Na lặng thinh. Im lặng lúc này là vàng. Bà Đỡ thọc tay vào sâu một chút, hoảng hốt:

- Ngồi ngược rồi, mông ra trước.

Na và Bà Đỡ cuồng cuồng chưa biết làm thế nào thì Bằng cứ đứng ở ngoài tám liếp năn nỉ:

- Bà Đỡ ơi, cho nó đẻ nhanh lên, tôi sẽ hậu tạ.

- Đã bầu đàn ông đi ra hết cơ mà, nhòm ngó cái gì vậy. Bà Đỡ nghiêm mặt quát.

- “Cái ấy” có gì lạ đâu bà, ngày nào tôi chả nhìn - Bằng hạ giọng - Na à, tao nhờ mày đây, Y Vân đẻ xong tao không đòi lại nhà đất của mày nữa đâu. Cho đấy.

- Lải nhải cái gì thế? Ra. Na cáu.

Bằng không biết rằng, văn tự nhà, ông Tiên đã giao hết cho Na từ lâu rồi. Nó không có quyền hành gì, nhưng vẫn cứ lải nhải:

- Thật mà, Na về đây ở đi.

Bà Đỡ sốt ruột gạt phăng:

- Có để cho người ta làm không?

- Bà Đỡ ơi? mẹ Cả cháu vẫn nhớ bà đây. Hôm Na đẻ không có Bà thì cả hai mẹ con cô ấy đã đi tong. Cô ấy đang đứng cạnh bà, phúc to bằng cái đình đấy.

Bà Đỡ không chịu nổi, phải nói to để át tiếng rên la của Y Vân:

- Hừm, lại nói đến chuyện ấy à? Còn nhớ không, mẹ cả nhà anh bầu: “Không phải đỡ đàn gì, tự khắc nó đẻ. Con chó, con gà, nào có ai đỡ, mà đẻ ra hàng đàn, hàng đống”. Đây anh dẫn vợ về mà ôm cái đống ấy.

Nói rồi bà vùng vằng đẩy cửa phòng đi ra, Bằng chạy theo năn nỉ:

- Con xin bà, xong việc con biếu bà năm sào đất thổ cư để bà làm nhà, bà đừng đi lang thang như vậy nữa, tuổi già sức yếu rồi bà ạ.

Bà Đỡ dừng lại quắc mắt:

- Anh mang đất cát, đổi lấy tính mạng hử?

- Vâng, có đất là có tất cả mà Bà.

Bà Đỡ và Na cười vang, tiếng cười lẫn tiếng kêu la của người đẻ hòa thành một âm thanh ghê rợn.

Được tin, ông bà Tiên, ông bà Lang Tế và Hạnh Mỹ vội vã đến. Ngồi ngược rất khó đẻ và nguy hiểm, tất cả tập trung hội chẩn. Thầy Lang bắt mạch thấy thiếu ối, cho uống thuốc trợ sức và thúc ối tăng lên. Hạnh Mỹ, mới học được phương pháp đỡ đẻ của các đốc tờ nhà thương, nhẹ nhàng từng tý, từng tý xoay thai ngoài bụng về đúng vị trí, ngòi đầu ra trước. Bà Tiên cũng đã nhiều phen đỡ đẻ có kinh nghiệm dân gian, lấy cao bạc hà xoa lên khắp bụng mẹ, kích thích cho thai xoay. Na và Bà Đỡ nén lòng chịu đựng, đỡ dành cho Y Vân tập trung lấy sức rặn. Mỗi người một việc, rục rịch suốt đêm. Gà gáy sáng thì tiếng khóc chào đời cất lên. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Na bế đứa bé đưa cho Bằng đồng dạc nói:

- Bé con đi, có đúng cái tông, cái giống thẳng bố không? Vào cho mẹ nó xem mặt.

Ông Tiên bấm ngón tay tính giờ:

- Dần à, năm dần, giờ dần chúa sơn lâm đây. Cho nó cái tên Dần luôn.

Theo đúng hẹn, sáng nay Tráng dong thuyền ra Cồn Bà tiếp tế cho vợ chồng anh Cốc. Lần này Sen và Na cũng đi cùng. Con gái miền biển táo tợn lắm, sóng to gió lớn vẫn vui cười, háo hức đi tìm những điều bí mật của riêng mình.

Đã lâu Sen không được xuống thuyền, kể từ ngày bé con chạy trốn. Cồn Bà, Sen đã được bố dong thuyền đến nhiều lần. Hồi mẹ chết bố đã chở xác lên chôn ở đây, nhưng chúa đảo không cho. Nó bảo đây là đất của nó, nhà Vua đã bán vĩnh viễn rồi, dân An nam không được bước chân đến. Đau lòng, không còn biết chôn ở đâu nữa. Quê cha đất tổ ở Rạch Phả, giặc Pháp cướp trắng từ bốn đời nay để xây cảng Hải Phòng. Sóng phải lang thang trên biển, chết cũng đành phải nhờ biển thôi. Bố bó xác mẹ trong chiếu rồi thả xuống biển. Hồi ấy còn bé lắm, Sen chẳng nhớ ở khúc nào trong biển cả mênh mông này. Dọc đường đi gặp thuyền xuôi, thuyền ngược, Sen đều ngó nghiêng xem có phải thuyền của nhà mình không. Lão chồng say rượu vũ phu, còn sống hay đã chết. Lúc bé con nhảy xuống biển, chả mang được gì cả. Nào có nhiều nhận gì ngoài cái bị cỏi, đựng mấy bộ quần áo và vòng ốc hương đeo cổ, đeo tay của “hồi môn” mẹ cho. Cả cái dây ốc đeo tù và một trăm linh tám viên, đều do chính tay Sen làm. Nhiều đêm thao thức ôm thằng Sửu, trong lòng cuộn cuộn nỗi thương cha, nhớ mẹ.

Sóng biển dồ cao, con thuyền dần xuống, Tráng ghì tay lái cho con thuyền vượt lên. Nước tung tóe khắp người, Na ướt sũng. Mùong tượng về nỗi đắng cay: Nếu như hôm ấy phải nằm trên bè chuối thì sóng nước cũng tung tóe như thế này đây. Na, nhanh chóng bị nhấn chìm xuống đáy biển. Trời ơi hàng vạn vạn con cá bầu vào xâu xé. Đau quá Na hét toáng lên. Tượng say sóng, Sen ôm chặt Na cho đến khi thuyền rẽ vào bến. Tráng neo thuyền, gọi:

- Đến Cồn Bà rồi, dậy đi nào.

Ba người chuẩn bị xuống thì trên bờ có tiếng người gọi lý nhí:

- Thuyền nào đấy, cứu tôi với?

Thấy lạ, Tráng nhanh chóng đẩy hai người vào thuyền. Chưa biết là ai, nếu bọn hải tặc thấy đàn bà là chết ngay với nó. Tráng nhảy xuống, tiến lại gần nói:

- Tôi tìm người anh em.

Một ông già nằm trên cát, yếu ớt, hai bàn tay giơ lên trời, nói trong hơi thở:

- Tôi đói...đau lắm, có gì ăn không? Tìm vợ chồng thằng Cốc hử.

Tráng ngồi xuống nâng ông dậy rồi hỏi dồn:

- Ai đánh ông thế này? Có đau lắm không?

- Bọn Tây nó giết, vợ chồng thằng Cốc cũng chết rồi, kia kia tất cả nằm la liệt ra đấy.

- Bọn Tây nó đâu rồi?

- Chết, chết ráo, chỉ còn có mình tao thôi.

Không chần chừ, Tráng gọi tất cả mọi người trên thuyền cùng xuống. Na và Sen nhanh chóng cho ăn và băng bó vết thương cho ông già. Tráng bước qua xác hai thằng Tây, lao vào nhà đèn thì thấy Sự nằm trên vũng máu. Cốc đứng tựa vào bức tượng, mắt mở to, đầu lưỡi lê cắm sâu vào bụng, máu vẫn chảy từng giọt xuống những bông hoa phong lan biển.

Hoảng hồn, chân tay run bần bật. Vài giây, bản lĩnh đàn ông trở lại. Tráng để Sen chăm sóc ông già, còn hai người nhanh chóng chuyển thi hài anh Cốc và chị Sự lên thuyền.

Ăn xong miếng cơm Na dứt, lại sức ông già thều thào:

- Ừ nhanh lên, bọn Tây nó sắp trở lại đây. Tao kể cho con nghe, kéo chết đi thì kể cho ai. Sự thể là thế này các con ạ.

“Vợ chồng thằng Cốc ra đây ở, tao mừng. Vậy là tao có thêm người hàng xóm. Thuyền của tao thường đậu bên kia vụng, cùng với ông già quê ở Hải Phòng. Buồn lắm. Khi còn Tây chiếm đóng có một thằng đốt đèn tên là Thomas. Nó rất tốt, chả biết nhặt đâu được con bé tên là Mận mang ra đây nuôi. Ngày ngày quần quýt bên nhau như hai cha con. Tao cũng thỉnh thoảng vào đây lấy nước ngọt ở cái giếng trời cho, bốn mùa đầy nước. Tao cho nó con tôm, con cá rồi uống vang trò chuyện. Nó nhiều vang lắm, từ bên Pháp chuyển sang. Có lần tao và ông già Hải Phong, nhiều hơn tao một giáp, ba thằng ngồi uống rượu thật là vui. Ông ấy cũng giống tao không nhà, không cửa,

vợ con tha phương mỗi người một nơi. Hôm ông ấy chết tao không biết, cái thằng Thomas biết đã chôn ông ấy ở trên đồi kia. Con lên, thấy cây đèn biển bằng dầu đó là mộ ông ấy đấy. Còn cái thuyền thì nó kéo về để dưới chân tượng có khắc chữ Thomas-Man là tên hai bố con nó. Tốt lắm, trên đồi có con người như nó thật hiếm. Con Mận số sướng, về Pháp biết đâu lại thành bà. Chúng nó đi rồi Còn Bà bỏ không, tao về đây ở, hàng ngày hương khói cho ông già câu cá. Nhờ trời cũng kiếm ăn được. Gần đây có thêm vợ chồng thằng Cốc. Còn Bà vui hẳn lên. Tưởng rằng, cứ thế này cuộc đời thì cuộc đời sẽ sướng. Không ngờ bọn Tây nó quay lại, đổ bộ lên chiếm cây đèn biển, có hai thằng thôi mà đánh không nổi. Nó có súng, bắn vung vãi cả vào cái Sự đang bụng mang, dạ chứa. Chờ hết đạn chúng tao đánh tay vo. Đập vỡ đầu một thằng, còn thằng kia đâm lưỡi lê vào bụng Cốc, chết đứng ngay bên tượng. Tao cướp được súng, đâm ngay vào sau lưng thằng này chết luôn. Xong cuộc, sờ đến chân mình thì đã gãy từ bao giờ. Đau quá nằm đây, chả biết ngày đêm là gì. Cảm ơn con đã cứu giúp”...

Tráng và Na đã gọn gàng, chuyển thi hài anh Cốc và chị Sự lên thuyền. Sen nghe ông già kể chuyện, ngất sùi, đây là thật hay mơ. Na cầm tay Sen kéo dậy:

- Mau lên thuyền.

Sen ghì chặt, không đi:

- Để em lên thắp hương cho bố đã. Anh Tráng ơi, Mận đây, Mận đi Pháp rồi.

Tráng ngõ ngãng, đứng ngậy.

Ông già hiểu chuyện, cố gắng quỳ một chân chấp tay lên trời cầu lạy:

- Con xin lạy chín phương trời, mười phương Phật, xin vong linh của ông già câu cá và vô vàn chúng sinh đang nằm dưới đáy biển, hãy tha tội cho chúng con, phù hộ cho chúng con đưa hai thi hài, tên là Cốc và Sự về đất liền mai táng. Chúng con xin tạ tội - Nam mô A di đà Phật.

Tất cả cùng cúi đầu vái lạy. Ông già giục:

- Thế được rồi, đi mau kéo bọn Tây sắp đến đây.

Sen vừa đi vừa quay lại. Ông già lại giục:

- Ông sẽ thắp hương cho bố con sau, đi đi.

Tráng dìu ông ra tận thuyền rồi bế ông lên, nói:

- Con đưa ông về đất liền, ông không được ở đây nữa, nguy hiểm lắm.

Na tiếp lời:

- Phải chữa cho lành vết thương đã ông ạ.

- Cám ơn các anh, các chị, cho tôi ăn thế là quý rồi, thi thoảng qua đây cho tôi bát gạo. Tôi không thể bỏ đất này được, không có người ở thì giặc vào chiếm luôn, hết thằng Tàu lại thằng Tây, thằng Nhật có bao giờ chúng để yên. Đất của Tổ tiên thì con cháu phải giữ chứ, dù có chết cũng không chịu nhường. Các con về mau đi, mau đi...

Hai đuôi mắt ông đầm lệ. Tráng dìu ông về nhưng không nghe, ông chống gậy lê một chân trên cát.

Mỗi tác đất là một tác lòng thiêng liêng. Để mất nơi đây là tội. Không thể dung tha.

Ông bà Tiên và ông bà Lang Tế, cùng dân làng, ra tận cầu tàu đón thuyền chở thi hài vợ chồng anh Cốc từ Cồn Bà về. Đau thương nhất là đưa con trong bụng chị Sự, chưa cất tiếng khóc chào đời đã phải ra đi. Chuông chùa Phong Điền ngân vang, rung động bao trái tim người Khánh Hữu. Nghe tiếng chuông ấy, ai cũng nhớ Cốc. Xưa nay chỉ có anh mới điều khiển được cây dùi to nặng, đánh cho tiếng chuông vang xa, ngân dài. Ông Bà Lang Tế, đặt mười thang thuốc nữa vào quan tài chị Sự, để dưỡng thai cho sinh linh mau lớn về với Tổ tiên. Bà Tiên và tổ đội cầu các già đi vòng quanh các linh cữu, cầu nguyện cho các linh hồn siêu thoát về nơi vĩnh hằng. Thế là bãi tha ma Hoang Điền lại đầy thêm. Không biết đến bao giờ, người dân mới thoát khỏi cảnh đau thương này. Đứng trước mọi người Ông Tiên nói, như một lời vĩnh biệt:

- Sự ra đi của hai vợ chồng anh Cốc. Đôi bàn chân ứa máu lê trên cát của ông già đánh cá. Thực sự không phải là khoảng thời gian đau thương, cũng không phải là lúc để phiền muộn. Cái chết, không phải là hết. Họ vẫn luôn ở bên chúng ta. Họ không phải là người anh hùng, không phải là người quyền cao, chức trọng. Bình thường thôi, nhưng có tấm lòng quả cảm, có những giọt máu đỏ xuống thấm đậm trên những cánh hoa Phong lan biển. Đẹp lắm, vĩ đại lắm, xứng đáng là người dân Khánh Hữu.

Ngoài kia sóng biển dồ lên, dồ đầy nước mắt, xuống mảnh đất Tổ tiên.

Những hình ảnh ở Cồn Bà, những câu chuyện của ông già kể, đã đè nặng trong đầu Sen. Sốt ruột, bà Tiên ra tận nhà ở vườn chim. Từ ngày hai vợ chồng đi ở riêng, hôm nay bà mới ra. Gọi là nhà, nhưng chỉ là cái chòi vừa để bẫy chim vừa để chăn vịt. Lâu ngày ọp ẹp lắm rồi. Tráng muốn ra đây ở là có ý nhường đất cũ cho vợ chồng thằng Còi. Và lại ngoài này cũng dễ làm ăn, bắt chim, nuôi vịt là cái nghề của vợ chồng từ hồi mền nhau. Bà Tiên ngó vào, tênh toàng quá, Sen ngồi im lặng ở góc lều, đầu cúi xuống, vai thông, mặt xanh xạm, hai mắt lơ đãng. Bà giật mình gọi to:

- Sen, Sen!

Không trả lời, Sen cười khanh khách. Bà quay ra hồ hoán, Từ ngoài bãi nuôi vịt, Tráng nghe thấy chạy về, Bà mắng:

- Mày để vợ thế kia à, nó điên rồi.

- Không sao đâu bà ạ. Từ hôm ra Cồn về, đều thế, chẳng chịu ăn, chịu nói gì cả.

Tráng phân bua. Bà Tiên gạt phăng:

- Cớ gì nó về nhà ngay. Tao đi mời thầy Lang.

Bắt mạch xong thầy Lang Tế phân giải:

- Cháu bị rối loạn tâm thần, sinh chứng trầm cảm. Những cảnh ở ngoài Cồn đã làm cháu hoảng sợ, lại thêm tin tức về bố chết, Mận sang Pháp, thực hư thế nào chưa biết nhưng tác động đến thần kinh.

Bà Tiên coi nó như con, thương sót nói trong nước mắt:

- Khổ thân con, vui quá cũng chết, buồn quá cũng chết.

Thầy Lang tiếp lời luôn:

- Đúng thế bà ạ. Cháu Sen cầm trong tay những kỷ vật, chỉ là con ốc thôi nhưng gắn bó bao nhiêu tình cảm, bao nhiêu năng lượng của cha mình truyền sang, nên cháu Sen nhận biết được ngay. Nhất định là bố mình rồi đấy bà ạ.

Bà Tiên mừng rỡ:

- Thật thế hở thầy?

Tráng bây giờ mới thưa:

- Lúc đó Sen cứ đòi lên mộ thắp hương, nhưng ông già cứ giục đi kéo Tây nó quay trở lại.

- Thôi được để tao lên chùa thắp hương, vái vọng ra, xin ngài tha tội.

Nói rồi bà và Tráng vội vã đi lên chùa. Ông Tiên gọi giật lại:

- Để mình bà ấy đi được rồi. Bây giờ anh đưa con Sen vào nhà Hộ sinh, nằm đó mấy hôm cho tĩnh tâm. Còn nhà cửa của vợ chồng anh tôi tính sau.

Tiếng chuông, tiếng mõ nhà chùa lại vang lên. Bao giờ cũng vậy khi đình chùa có chiêng trống là trong làng có việc. Hôm nay đột xuất, không thấy thằng Bổng rao tin, mọi người bàn tán: Người thì nói “Con Sen bị điên”. Kẻ thì nói “ma làm, hồn nhập”. Rồi “Cái đất ấy nghịch, toàn người đột tử, đầu tiên là bố cái Na kéo xe lộn cả Tây xuống vực, đến mẹ nó. Bây giờ thì cả hai vợ chồng nhà Cốc”. Thằng Toái vội vàng đi tìm ông Tiên, gặp ở nhà thầy Lang nó xun xuê:

- Bẩm ông ở làng Sủi có người gọi rí thiêng lắm ạ.

Ông còn lạ gì cái thằng này, mềm như tép nhảy. biết một thì nói mười. Hôm sai nó đi khiêng cáng đón Thầy Lang về chống dịch tả, không biết ba hoa thể nào mà khoe đi mò ngọc trai về đứt lót cho các quan. Đúng là xạo, làm ông mang tiếng. Cái mã ấy mà mò được ngọc trai thì ông đi đầu xuống đất. Hôm nay lại đến ton hót, có ý đồ gì đây. Ông chỉ thử một tý là lòi cái đuôi ra thôi mà:

- Thế hử, dẫn ông đến tận nơi xem nào.

Tưởng thật, nó thao thao bất tuyệt:

- Họ phán đúng lắm ông à, cứ vanh vách như người trong nhà, nghe mà sướng cả tai. Ông muốn gặp ai cũng được, từ cụ tổ dăm bảy đời đều về, thương con thương cháu lắm. Cô Sen mà gọi thì gặp bố ngay, chả phải ra Cồn Bà, còn ông gì cả.

- Ừ hay đấy, còn gì nữa không. Ông Tiên ngắt lời.

Toái gãi đầu gãi tai, hì hì:

- Ông ạ, ông cho con cái chân kéo chuông nhà chùa thế này, con biết ơn ông lắm, Cả làng này có ai được như thế đâu. Nhà con ruộng đất thì ít, lại đông con một lũ lít nhít, thằng lớn sắp lấy vợ.

- Thì sao nữa.

Ông Tiên dục nói tiếp thì nó cứ chân chừ...

Thì ra, khi nghe tin vợ chồng anh Cốc chết, cả nhà Toái đã bàn với nhau phải nhanh chóng gặp ông Tiên để xin ba việc: Một là được đánh chuông treo trong lầu, mỗi lần có lễ là nhiều lộc ra phết. Hai là xin được chân sào đi biển với Tráng, thể nào chả kiếm được vài con mang về.

Cái thứ ba, quan trọng nhất, xin được thổ đất Cốc đang ở, nghịch thì nghịch với ai, chứ đất không sợ Toái thì thôi. Thế là Toái nhăm nhăm đến thưa chuyện với ông bà Tiên. Việc thứ nhất coi như thắng lợi. Hôm lễ an táng vợ chồng Cốc, tiếng chuông của Toái đã đồng dạc vang lên.

Toái còn đang chân chừ thì thầy Lang Tế đã nói:

- Hôm ấy, Tiếng phan chuông (chuông treo) nghe thì có tiếng, nhưng không có hồn. Phải hiểu rằng: Khi âm thanh huyền diệu ngân vang, sẽ làm chuyển hóa lòng người, trở nên nhẹ nhàng, thanh thản. Chí tâm duy nhất là sống theo lời Đức Phật dạy, mang ích lợi cho mình, cho người trong từng khoảnh khắc hiện tại của cuộc đời vô thường. Người đánh, phải thổi được hồn mình vào tiếng chuông. Anh buồn, sao gieo vào lòng người niềm vui được. Kẽ bất nhân, sao tạo được những âm thanh trong sáng, bay bổng, vang xa thấm đậm tình người. Đúng không nào?

Ông Tiên nói rõ thêm:

- Tuyệt vời như vậy, chứ không như mọi người nghĩ “vào chùa là được ăn oản”.

Thầy thâm thúy quá, Toái như nuốt từng, câu chữ, nghĩ mà ngượng muối mặt, ề ề mấy câu rồi ra về. Mang mối hận thù này.

Nằm ở nhà hộ sinh mấy ngày, tỉnh dưỡng và uống thuốc của thầy Lang, Sen đỡ hẳn không còn trầm cảm. Bà Tiên bế Sứ sang cho hai mẹ con nô đùa, không còn cảnh cô đơn heo hút. Sen dạy học, dạy viết cho Sứ. Ê a mấy câu, để cho đầu nó hoạt động, tiếp nhận cái mới quên đi

những cái cũ còn lớn vồn. Dây ốc hương và cái tù và, ông Tiên cho vào trap khóa lại mang lên đình, đặt trong Hậu cung. Ông nói: “Đây là kỷ vật quý của ngư dân. Ông già ấy không phải ngư dân Khánh Hữu, nhưng đều là con rồng cháu tiên”.

Vợ chồng Tráng vui mừng dọn về nhà mới. Thấy cảnh sống tạm bợ ở túp lều chẵn vệt, ông bà Tiên đã thuận cho Tráng về ở nhà của vợ chồng Cốc bên Bái Môn. Dân làng xì xèo điều ra tiếng vào, ông Tiên nói:

“Chiều theo Hương ước về đất đai, đây là nhà của thằng Bùng đã làm lễ dâng Thành Hoàng làng. Soi vào nhà Tráng thì hợp tình, hợp lệ.”

Ông Tiên nói vậy là mọi người im thin thít. Riêng thằng Toái lại làm ầm lên, có ba ý đồ thế là mất hết cả. Tráng trở thành kẻ thù không đội trời chung, nhưng dấu kín trong lòng, cố dầm ăn xôi. Mày sẽ biết tay ông.

Nghèo thì nghèo thật, đi làm thuê đấy, nhưng lúc cần vẫn phải tỏ ra hào phóng. Trào lưu lúc này là vậy quan to thì ăn to, quan nhỏ thì ăn nhỏ. Dân dứt cho quan thì quan lấy. Dân lấy của quan thì dân có tội. Hừ mình làm về trên cơ mà, có tội gì đâu. Nghĩ vậy Toái đi lòng khắp nơi tìm củ Đinh Lăng mười năm tuổi. Nhà ông Tiên thiếu gì cá, tôm, thiếu gì của ngon vật lạ. Củ Đinh Lăng là đặc sách nhất, tốt hơn cả nhân sâm. Chưa biết chừng lại sướng. “Cái ấy” của ông lâu nay mềm như dưa, uống rượu Đinh Lăng vào còn hơn cả Phóng xì, “cái ấy” lại bật tung tung. Sướng bỏ mẹ còn chê cái nổi gì.

Toái khệ lệ vác một chùm củ Đinh Lăng, nặng tới hai yển, bọc trong lá chuối khô, kéo người ta nhìn thấy, đẩy cổng đi nhanh vào nhà. Ông vừa ra bên cá về, ngồi uống nước. Toái đặt bịch củ Đinh Lăng xuống hè, thò đầu vào chào:

- Con chào ông bà ạ.

Ông Tiên trêu lại.

- Có mình tao, thì chào tao thôi.

Vội vàng quá, Toái ngượng

- Vâng ạ, con chào ông. Dạ... chả là, nhà con trồng được cây Đinh Lăng mười năm năm tuổi, mang đến biếu ông để ông ngâm rượu. Tốt lắm ông ạ, uống vào thì ông sẽ biết, củ Phóng xì thua xa. đấy ạ.

- Ừ cũng hay đấy nhi! - Ông Tiên nhảm tính - Ông mày chuyển về cái đất cuối làng ấy ở, mới được mười ba năm, còn hai năm nữa cái cây này mọc ở đâu?

Toái bị hớ rồi. Về đất cát nhà cửa ở cái làng này ai ở đâu, từ đâu đến, bao giờ. Không cần sổ sách, ông đều thuộc như lòng bàn tay. Trước câu hỏi ấy Toái lúng túng, lảm bảm:

- Thưa ông nó có sẵn ở đấy rồi ạ.

Ông Tiên cười:

- Đây là bãi sù, nước mặn sao mọc được, nhưng thôi, thế là hiểu. Vậy mày muốn đổi cây này lấy cái gì?

Toái vội vàng đánh trống lảng:

- Dạ thưa ông, con mang xuống bếp cạo sạch cho ông ngâm rượu ạ.

- Không, tao hỏi mày cơ mà?

- Thưa ông, con không dám đổi chác gì đâu ạ. Gọi là miếng trầu đầu câu chuyện - Ngừng một lúc không thấy ông Tiên phản ứng gì, Toái nói tiếp - Chẳng là thế này, thằng cu Bổng nhà con sắp lấy vợ, nhà đông người khó khăn quá, gọi là túp lều cũng không có cho vợ chồng nó. Con muốn xin ông...

Ông nói luôn:

- À muốn xin cái thổ đất của nhà thằng Cốc chứ gì?

Toái mừng quá, không nghe hết đã lòi củ Đinh Lăng xuống bếp. Ông Tiên gọi giật lại:

- Quay lại, tao đã nói hết đâu. Nghe đây cái nhà ấy vợ chồng thằng Tráng đã chuyển về mấy hôm rồi, mày không biết à?

Củ Đinh Lăng trên vai Toái rơi ục ục xuống đất, mặt hồng hồng đi thẳng ra cổng, mồm lẩm bẩm: “Rồi chúng mày biết tay ông”. Anh thợ cày đang ở trong bếp, vội đuổi theo trả củ Đinh Lăng cho Toái và quét sạch bụi bẩn dính ra sân. Ông Tiên đặt chén chè xuống tràng kỷ, buông một câu:

“Trên đời ngoài mặt trời ra, thứ không nhìn thấy rõ, chính là mặt trời”.

Thắng và Còi ở đơn vị về, vào thẳng nhà ông Tiên, có việc cấp bách, chưa ngồi xuống ghé Thắng đã thưa chuyện:

- Thưa ông, Cồn Bà là cửa ngõ, giặc Pháp theo đường biển tiến vào, chiếm lại nước ta. Vì vậy ta phải ngăn chúng

lại, không cho cây đèn biển sáng, tàu thủy không biết đường vào. Phá tan âm mưu của chúng.

- Đúng phải ngăn chúng lại. Ta đã có cách - ông nhắc lại câu nói của ông già câu cá - Mỗi tác đất là một tác lòng thiêng liêng, để mất nơi ấy là tội không thể dung tha.

Ngay lập tức ông giao cho thằng Bổng, trèo lên chòi phóng thanh loan báo cho dân làng biết. Trai tráng lên thuyền ra đảo. Mặc dù đói kém thóc gạo chưa đủ ăn, nhưng tùy tâm đóng góp, nuôi quân đánh giặc.

Ông Tiên cho hạ thủy hai con thuyền lớn, ông mới đóng, đưa người ra đảo. Một thuyền do Tráng chỉ huy và thêm sáu trai tráng nữa. Một thuyền Thắng và Còi chỉ huy chiến đấu, ông Tiên chọn tay lái cừ khôi nhất điều khiển, cùng với Nho và Toái. Nhưng đến giờ trót, Toái không đến, có người báo “Nó sợ chết, trốn đi rồi”. Thằng Bổng xung phong cầm loa tay đi theo để ra lệnh cho chúng đầu hàng. Thế là đủ đội quân hùng hậu lên đường. Dân làng lũ lượt mang lương thực, thực phẩm ra đóng góp. Ông bà Tiên và thầy Lang gửi quần áo, thuốc men cho ông già đã dũng cảm, kiên cường chiến đấu với giặc Tây ở ngoài Cồn Bà.

Sáng sớm, chờ con nước lên, Anh Thắng ra lệnh xuất phát. Hai con thuyền căng buồm rẽ sóng tiến thẳng ra Cồn Bà. Gió yên biển lặng, mặt trời lên chưa đủ con sào thì hình bóng Cồn Bà đã hiện dần. Đột nhiên từ trong Cồn, phát ra một tràng súng nổ thị uy. Thắng phát lệnh: “Trên Cồn có địch, tất cả dừng lại”. Tráng nói theo: “Ta chậm mất rồi, chuẩn bị chiến đấu”. Từ đằng xa, một chiếc xuồng

máy phóng tới. Tráng nhìn rõ trên thuyền có hai người, không có súng. Thắng gào to, Tráng nghe rõ và xoay buồm rẽ sang một hướng khác. Thắng cho thuyền mình chạy thật nhanh ra xa, làm mỗi cho xuồng địch đuổi theo. Mê mãi đuổi con mỗi một lúc, xuồng địch hết dầu đứng khựng lại. Ngay lập tức thuyền Thắng quay lại và thuyền Tráng vượt lên, hai gọng kìm khép vào, tóm gọn hai tên địch. Bây giờ Tráng mới nhìn rõ, nằm dưới xuồng là ông già đánh cá bị thương hôm nào. Điền tiếp Tráng nhảy xuống xuồng tát cho mỗi thằng Tây một cái đầu điên. Còi lao theo, trói chặt hai thằng vào nhau. Anh Thắng hỏi bằng tiếng Pháp:

- Mày mang ông già này đi đâu?

Một thằng nói.

- Tao đánh chết, bây giờ mang ném xuống biển.

Tráng lại tát thêm một cái nữa, Anh Thắng giữ tay lại hỏi tiếp:

- Chúng mày lên đảo làm gì?

Nó trả lời:

- Đốt đèn biển.

Anh Thắng lại hỏi:

- Trên đảo còn mấy người?

Nó nói:

- Một tiểu đội.

Anh Thắng và Tráng bàn nhanh: “Nó đông lại có súng, ta không thể vào được, về đã rồi tính sau”. Tráng lệnh chuyển thi hài ông già lên tàu chở về làng. Còi cầm tức “Còn hai thằng này nén xuống biển, nó giết người mình thì

mình phải giết nó”. Thế là hai thằng Tây, chìm xuống đáy biển nằm cho cá ăn.

Chiếc xuồng buộc vào thuyền kéo về làm chiến lợi phẩm. Bên trong Cồn Bà tiếng súng nổ bành bành đuổi theo. Thằng Bổng đứng trên mũi thuyền hiên ngang nói vào loa tay “Biển của tao rộng mênh mông, đất của Tổ tiên tao bao la bát ngát; viên đạn nhỏ nhoi của bọn mày làm sao với được”. Cồn Bà đi ngược con thuyền xa dần, xa dần rồi mất hút.

Về đến cầu cảng, cả làng ra đón. Thi hài ông già được mang về bãi tha ma Hoang Điền. Ông Tiên và thầy Lang đích thân khâm liệm, mặc cho ông bộ quần áo mới. Hai tay đặt lên bụng, cầm tâm thể thân, từ giờ phút này ông chính thức là người làng Khánh Hữu. Lúc sống không có nhà cửa, đất cát. Lúc chết ông có hai mét vuông đất, yên nghỉ trên đất này. Lời cầu nguyện của dân làng vang lên, cùng tiếng chuông chùa đưa vong linh ông về cõi an lạc.

CHƯƠNG NĂM

1

Từ ngày chiếm được cây đèn biển Cồn Bà, suốt ngày đêm, dọc sông Cái tàu chiến của Pháp chạy ầm ầm, rẽ sóng dạt các con thuyền đánh cá vào bờ. Thi thoảng lại nổ súng bắn chìm, người chết nổi lềnh bềnh, máu nhuộm đỏ dòng sông. Không một đò ngang, đò dọc nào dám bén mảng. Từng tốp lính Pháp đổ bộ lên hai bờ sông, chiếm đất xây đồn, xây chốt.

Một đêm đông, rét cắt da cắt thịt, có bóng người khoác chiếc áo tơi từ dưới tàu chiến đi lên. Họ đi vội vã về làng Cao Đồng, gõ cổng nhà bà Cả Trường rồi nhanh chóng lên vào. Dưới ánh đèn tù mù trên đĩa dầu lạc, nhận ra đó là Trần Hâm, quan Thừa phái hồi Nguyễn Quan Trường làm tri phủ. Ngọn lửa phụt tắt, tiếng xì xào, to nhỏ của ba người:

Bà Cả Trường:

- Đêm hôm khuya khoắt thế này, anh vào đây làm gì?. Bọn du kích mà biết thì chết cả lũ.

- Bà không sợ, đã có tàu chiến Pháp yểm trợ.

Trần Hâm đảo mắt khắp nhà trả lời. Bà Cả vui vẻ cười nói:

- Thì ra anh đã tìm được người Pháp. Giỏi, đúng là Trần Hâm. Phải nhanh chóng lập lại chính thể.

Trần Hâm thấy tự tin hơn:

- Vâng, Bà còn nhớ thể là mừng rồi.

Bà Cả:

- Ta nhớ chứ, nhớ cả lúc anh bám đít con mẹ Tuyết Hồng để chạy trốn.

Trần Hâm cảm tức nói:

- Đồ trở mặt, nó đã chạy theo thằng Tây đen, đồn trưởng Robel, bỏ tôi lại trong đám nông dân đánh chiếm phủ đường hôm ấy. Nhất định tôi phải giết nó.

Từ nãy giờ Bằng ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng:

- Nó đã cao chạy xa bay rồi còn đâu mà giết, hão huyền.

Trần Hâm nói nhỏ:

- Bà và cậu nghe đây. Quân đội Pháp đã đánh chiếm được nhiều nơi dọc sông Cái. Lầy đất xây đồn xây chốt, lập làng tề. Quân đội Nhật đã rút hẳn. Nhất định chính phủ mới của Pháp sẽ thắng.

- Sao anh biết? Bà Cả hỏi dồn.

- Tôi vừa ở dưới tàu chiến lên, chỉ huy Pháp lệnh tìm bà và cậu để xây đồn, lập làng tề.

- Thật không? Bằng hỏi dồn.

- Quan hai Pháp có danh sách, phong cậu làm đồn trưởng. Sau này chiếm được nhiều làng tề, tôi sẽ làm tỉnh trưởng, chúng ta phải đồng tâm cậu nghe chưa? Trát đây.

Bằng cảm tò trát đưa lên môi hôn, sung sướng nóng ran cả người.

Sáng tinh mơ hôm sau, Trần Hâm cải trang, vác cày và dắt trâu, cùng Bằng ra đồng. Hai người tìm được mảnh đất rộng của bà Cả Trường cho nhiều hộ cấy rẽ gọi là Mả Nàng. Một bên là nhánh sông, thông ra sông Cái. Một bên là đường, nối với các làng lân cận. Thật thuận tiện cho cả đường bộ và đường thủy. Vị trí chiến lược và chiến thuật đây rồi.

Ngay đêm hôm ấy, hai người đóng giả là dân đi bắt ếch, xách đèn bão ra bờ đê sông Cái chờ tàu chiến. Trần Hâm đánh tín hiệu đèn, giờ lên, giờ xuống theo chiều dọc hai lần và sang ngang ba lần là an toàn cho tàu vào. Nếu đèn quay thành vòng tròn liên tiếp là nguy hiểm, tàu phải tránh xa. Tàu từ xa nhận được tín hiệu an toàn, tăng tốc đáp vào bờ. Một trung đội quân Pháp có đầy đủ vũ khí trong tay, đổ bộ lên. Theo sau là chiếc xuồng nhỏ đi vào nhánh sông chở đầy lương thực, đạn dược và nhà dã chiến. Súng liên thanh ở dưới tàu đồng loạt bắn chỉ thiên, yểm trợ cho đội quân tiến vào nơi tập kết. Trên đám đất Trần Hâm đã chọn, lính Pháp nhanh chóng dựng lều trại, đào hào, đắp ụ súng, rào giây thép gai sẵn sàng chiến đấu. Mọi việc xong xuôi, gà gáy sáng một loạt súng bắn lên trời, báo hiệu quân Pháp đã chiếm được mảnh đất này, cũng là đe dọa: Hãy coi chừng đũa nào dám bước chân đến đây.

Thấy tiếng súng nổ gần, dân làng Cao Đồng hốt hoảng chạy trốn, hò hét: “Làng nước ơi! quân Pháp đã chiếm đất Mả Nàng mình rồi, chạy đi làng nước ơi!”. Một số người kéo đến nhà bà Cả kêu:

- Bẩm bà, ruộng ở Mả Nàng bà cho chúng con cấy, đêm qua Tây về đóng đồn, phá hết cả lúa rồi ạ.

Bà Cả vẫn vội cái khăn trên đầu, mòn nhai trầu tóp tép, nói:

- Ta biết, các ông ấy về đóng đồn là phận sự của họ, ta đâu làm gì được. Việc nộp tô thì vẫn phải nộp chứ ta bắt đền họ à.

- Trời ơi là trời, mất ruộng rồi còn lấy thóc đâu ra mà đóng hờ trời.

Bằng đeo khẩu súng ngắn có bao da mới tinh, trề xuống tận ngang hông, từ trong nhà ra khuyên giải:

- Không phải kêu trời, kêu ta đây này. Ta là đồn trưởng. Ta sẽ miễn tô tức ba năm liền cho tất cả trai tráng mười tám tuổi trở lên, nếu chịu đi theo ta, gia nhập lính Bảo Hoàng. Nghe rõ chưa?

Nhiều người xì xèo hỏi:

- Thừa cậu đi lính đóng ở đâu ạ?

- Đồn Mả Nàng, chứ còn đâu nữa. Com ăn hai bữa, quần áo được cấp, gần vợ gần con. Thằng nào đi thì vào ghi tên, Không đi thì về mang thóc đến đây nộp tô, nhanh lên.

Mỹ Vân vợ Bằng ngồi trên hè nhăm nhăm quyền sở ghi tên. Biết làm sao được, lâm vào cảnh này đành phải chịu, nhắm mắt đi ghi tên.

Thế là trong nháy mắt, không mất một viên đạn, Bằng đã bắt được ba mươi năm trai tráng bổ sung cho đồn Mả Nàng. Đang điểm danh quân số, dẫn về đồn thì thằng Tây đen cảnh giới, dẫn Toái vào, chúng nói với nhau bằng tiếng Tây, Mỹ Vân vợ Bằng dịch lại:

- Cậu Bằng ơi, nguy rồi.
 Bằng quay dật lại quát:
 - Mày sang đây làm gì?
 - Cái nhà của cậu ở Bái Môn, lão Tiên cho vợ chồng
 thằng Tráng về ở rồi.
 - Bỏ thằng Còi, đúng không?
 - Đúng thế ạ.
 - Hừm, ghê thật.
 - Con cầm lăm, định lấy để cưới vợ cho thằng con.
 - Sao không báo trước cho tao.
 - Cái đầu con nó ngu muội quá, không nghĩ ra. Nó còn
 bắt con ra Còn Bà đánh nhau với người đốt đèn, con sợ
 quá chạy trốn sang đây tìm cậu.

Bằng ngửa cổ lên cười vang:
 - Nào giết được ai đâu, đèn vẫn sáng, tàu vẫn chạy vào
 đây. Xem ai thắng ai - Bằng gật gù như thằng say - Mày có
 muốn trả thù không?

- Thề với cậu, con sẽ phanh thây cái bọn chữ nghĩa
 bảo thủ, cho hả lòng hả dạ.

Bằng xoa đầu khen:
 - Tốt, tốt, đứng vào hàng kia cho mày làm tiểu đội
 trưởng, thế là ta có đủ ba tiểu đội, ba mươi sáu người, một
 trung đội. Nghiêm, đi đều bước.

Từ nay trên con đường huyết mạch, có đồn lính Mã
 Nàng do Bằng làm đồn trưởng chắn giữ vùng biển, sông
 ngòi và vùng đất quan trọng này.

Người dân lại lâm vào tự cảnh chém giết lẫn nhau,
 giành lại đất đai.

2

Bằng dẫn quân đi rồi, Y Vân và Y Mai cũng ra đồn để
 làm thông ngôn, mang theo cả người hầu con ở. Đêm nay
 nhà chỉ còn lại bà Cả và Trần Hâm. Chèn chặt cổng, thả
 đàn chó ra, thế là Bà yên tâm vội vã quay vào. Trên giường
 Trần Hâm đã nằm chờ. Bao ngày lưu lạc khắp đó đây, lúc
 sống, lúc chết, xa vợ xa con đi tìm đường sống. Bây giờ
 gặp được đàn bà, bản năng của đàn ông trời dậy. Tuy tuổi
 đã quá ngũ tuần, nhưng dư vị của sơn hào - hải vị trong
 những ngày làm quan đã nuôi cơ thể Trần Hâm béo tốt đầy
 đà. Hắn ta lẽ nhe:

- Lâu thế?

Bà Cả thổi phụt ngọn đèn dầu lạc, vội vàng lên giường,
 tay quờ phải “cái ấy” của hắn ta:

- Gì mà cứng thế?

- Ừ, đang thêm.

Hắn ta đè ngửa, trèo lên ngấu nghiến một hồi, tỉnh
 lại thấy chẳng ăn thua mẹ gì. Tuy chỉ hơn mình vài tuổi,
 nhưng bà ta gầy đét, sờ mãi chẳng thấy vú đâu, “số ta”
 thì lép kẹp nhẵn nhéo, vài cái lông lưa thưa, bên trong thì
 “hạn hán”. Đành vậy, lấy đầu ra của đẹp lúc này. Có làm
 quan nọ, quan kia nữa đâu mà có gái hầu. Bà ta cũng một
 thời vợ quan tri huyện, đệ nhất phu nhân chứ ít ả. Ngày
 ấy hạng ông ta đâu giám với. Bây giờ là của vợ được, ông
 ta cố đút vào. Đau rát, lại thêm cái thân hình nặng chịch
 đè lên. Bà ta thở hồng hộc, muốn đẩy xuống nhưng thôi,

cổ chịu cho lão ta sướng. Càng đập bà cổ ưỡn lên, lão ta hào hứng lại đập mạnh. Hồi lâu thì hai “cái ấy” ướt nhem, ông ta lăn kên xuống, mồ hôi đầm đìa. Bà ta hết đau, lại thấy âm ỉ sướng. Bây giờ nghĩ lại, Tri phủ Nguyễn Quan Trường chán, đi lấy con mẹ Tuyết Hồng là cũng do bà. Mãi mê đi chiếm ruộng đất của người khác, không biết đến cái mẹo này, để kẻ khác chiếm mất chồng mình. Làm người đàn bà phải biết yêu mình, làm đẹp cho mình thì chồng mới quý. Chồng yêu thì cái gì cũng có. Việc nhà cửa, ruộng đất, thăng quan tiến chức là của đàn ông. Đàn bà phải có nhiều mẹo để giữ chồng, hàng đầu là mẹo lúc chồng đề lên bụng. Nhất định phải thế, bây giờ việc tranh giành đất đai để cho thằng Bằng. Bà quyết giữ lấy lão này, nay mai lão làm tỉnh trưởng, thì mình là Bà lớn. Hi hi.

Cười một mình, bà quay sang vuốt ve Trần Hâm:

- Anh yêu, đã thỏa mãn chưa?

- Em thế nào? Sướng chứ?

Bà Cả ưỡn người, cầm chặt “cái ấy” vuốt lên, vuốt xuống, Trần Hâm run lên bần bật, nhồm người trèo lên thì bà Cả nhẹ nhàng đỡ xuống. Mẹo mà:

- Thôi mà, nghỉ đi lấy sức để tối mai, anh yêu nào.

Thực ra thì Trần Hâm cũng mệt, cú vừa xong xuất hết “hàng tồn”, dãn dụa khắp “vùng hạn hán”.

- Ủ, anh ôm em ngủ nhé.

Thế là mắc câu rồi, Bà Cả ồng ẹo gọi thêm:

- Anh làm tỉnh trưởng, em làm bà lớn, thêm một cấp nữa, oai không anh?

Trần Hâm hãnh diện:

- Nhất em rồi, không phải đến ngày ấy, mà bây giờ em đã đang làm đầy thầy.

- Ủ phải, đâu có. Bà Cả vẫn lựa lời.

- Đang ôm anh đây thầy.

Trần Hâm vợ về mình. Bà Cả quay ngoắt đi, đổi. Lại đỡ mẹo:

- Thằng quan nào chả đi ôm gái.

Trần Hâm chạm tự ái bèn ra oai:

- Không những ôm anh, mà em còn ôm một khoản tiền lớn đấy.

- Có mà trên răng dưới dãi. Bà Cả nhấn thêm.

Tức mình, Trần Hâm vùng dậy, lấy cái áo dạ nhà binh dẫu trong bị còi lòi ra một bó tiền:

- Gì đây, tiền của quan Tây cấp.

Mắt bà Cả sáng lên, nhưng vẫn mẹo. Hỏi:

- Để làm gì vậy?

- Còn làm gì nữa. Xây đồn bốt, nuôi quân lính, lập làng tế...Cứ ba tháng một lần tàu chiến rẽ vào cấp thêm. Em làm thủ quỹ cho anh nhé?

Không nói gì, bà Cả ôm chầm lấy Trần Hâm. Tiền, tình đã tăng lực, bà đề nghiêng xuống nằm lên trên. Hai vú thông xuống, đầu vú rê rê lên đôi mép Trần Hâm. Ông ta xoay đầu, đuổi theo, đóp được, ngậm chặt. Cầm bàn tay lão, thấy mỏng và lạnh, bà giật mình, chột nhót. Những thằng đàn ông có đôi bàn tay mỏng và lạnh, đa phần đều tũn mủn, cả ghen, thiếu đi phong thái đàn ông.

Mặc kệ. Con cá đóp môi. Con cá cắn câu.

3

Sáng nay, Bằng dẫn quân đi mở trận càn đầu tiên. Tôi qua Trần Hâm cho gọi Bằng về để bày mưu tính kế. Từ hôm lọt vào đây, Trần Hâm không bước chân ra khỏi cổng, lúc cần vi hành thì phải cải trang. Người làm, kẻ ở đuổi hết. Bằng bắt người lạ từ đâu mang về nấu cơm và canh gác. Tuyệt đối nghiêm ngặt, bí mật. Nhất nhất mọi công việc ngoài Đồn, Bằng phải xin lệnh Trần Hâm.

- Đây là trận càn đầu tiên, phải chiến thắng - Trần Hâm nhấn mạnh - Một sống, một chết phải chiếm được nhà đất cho sỹ quan Toái để vui lòng chiến binh. Bắt tên Khiếu về đồn, phong ông ta làm lý trưởng làng Bái Môn. Làng nào trả về làng ấy không chung với Khánh Hữu, Bái Môn là Bái Môn. Đây là làng tề đầu tiên cho các làng khác noi theo. Ông Khiếu, dòng dõi nhà quan. Nối dõi tông đường, hai chú cháu phải đứng lên, đề đầu thiên hạ. Nghe rõ chưa?

Bằng dậm chân đứng nghiêm, đập tay vào ngực vung ra trước mặt, bắt chước kiểu lính Nhật:

- Vâng lệnh.

Hai quả móc - chệ từ đồn Mả Nàng bắn đi, nổ ừng ừng. Một quả trúng cầu khỉ qua sông Nê vào làng Bái Môn, gãy đôi. Một quả nổ ngay đầu làng Khánh Hữu, chặn đường tiếp viện. Tài thật, thế là chúng cô lập Bái Môn để tiến quân vào. Địa hình Bái Môn có hai nhánh sông Nê,

như hai gọng kìm ôm chặt. Thuyền của tiểu đội trưởng Toái đi theo nhánh sông bên phải. Nhánh sông bên trái là thuyền của đồn trưởng Bằng. Không gặp một kháng cự nào chúng đổ bộ lên Bái Môn. Bằng nhanh chóng xộc vào nhà chú Khiếu. Toái dẫn quân tiến thẳng vào nhà Tráng...

Từ hôm thăng Toái bỏ trốn, mò sang đồn Mả Nàng xung vào lính, dân làng đồn ầm. Ông Tiên biết ngay, nó thù về chuyện đất cát, chuyện làm công quả cho nhà chùa. Dòng dõi nhà nó là vậy. Ông nó, bố nó bây giờ đến nó, con người chỉ biết coi trọng lợi ích của bản thân, luôn thấy lợi trước mắt, gạt bỏ lương tâm coi tình thân như rơm rác, chà đạp lên đạo nghĩa. Vì vậy nó sẵn sàng cầm dao đâm sau lưng ân công là đúng thôi. Nghĩ vậy, ông Tiên đã chặn trước, không để chuyện đó có thể xảy ra. Cho tìm Còi về, ông nói:

- Bố Tráng mày đang đánh cá ngoài biển, việc này không thể chần chừ. Ngay đêm nay phải sang nhà đón bu Sen con về đây. Phải bơi qua sông Nê, không được đi trong làng, có kẻ nhìn thấy nó giết. Bái Môn là lắm bè lắm cánh, hằm hè nhau. Ông cho thằng Thuận đi cùng, nó bơi giỏi. Phải thật kín, nhớ chưa?

Đêm ấy khuay lắm, làng xóm yên ắng, gió biển thổi ào ào, sóng dồn đuổi nhau trên bãi cát. Còi và anh Thuận, hai người len lỏi trong làng. Nhà tối om, đã tắt đèn đi ngủ. Ngôi nhà này quá quen thuộc, hồi mẹ Na còn sống Còi đã vào nhiều. Gõ nhẹ vào tấm niép bên đầu giường Còi gọi:

- Bu ơi, bu!

Sen thiu thiu ngủ, giật mình, nghe gọi lần thứ ba, nhận ra Còi mới lên tiếng:

- Ai đấy?

- Con Còi đây, bu mở cửa, không được bật đèn.

Cửa mở, Còi lên vào, anh Thuận đứng ngoài canh gác. Hai người trao đổi rất nhanh rồi vội vã đi ra.

Ba người tụt xuống sông Nê. Không may đúng chỗ đất lở, sâu hoắm, Sen chìm, nước xoáy trôi đi một đoạn. Anh Thuận vội vàng lặn xuống đẩy lên, diu qua xoáy nước, bơi ra giữa dòng. Sen quen với sóng nước từ nhỏ, bơi lặn dưới đáy biển mò cua, bắt ốc không kém gì con trai, nhưng vừa qua căn bệnh trầm cảm, nên sức khỏe và tinh thần có giảm sút.

Cái đêm này, không khác gì cái đêm Còi và Na diu nhau qua sông, rồi bị nhốt vào chuồng trâu nhà Lý Khoái. Hôm nay lại lặp lại nhưng không rùng rợn bằng. Đến bao giờ, cuộc đời này mới hết “họa vô đơn chí”.

Hai người kẹp hai bên đưa Sen vào bờ, vừa lúc gà gáy sáng. Ông bà Tiên mừng rỡ, đốt lửa sưởi ấm. Mé làng Bái Môn, hai tiếng moóc - chê, nổ ùng ùng...

Toái điên tiết không bắt được vợ chồng Tráng. Nhưng lại mừng, Toái hét vang: “Ha ha, ha. Đất này là của ta, nhà này là của con trai ta”. “Đất muôn năm”.

Trên giường còn hơi nóng, dưới bếp còn hơi lửa, Toái ra lệnh “Lục tìm ngay, chúng nó còn đâu đây, bắt về đây cho tao.”. Khóa cửa lại, đút chìa vào túi, Toái cầm

quân bới khắp bụi tre, gốc chuối không thấy gì. Chúng ào xuống biển vượt sang vườn chim, căn lều của nhà Tráng hiu quặng, đàn vịt chạy tung tóe. Toái ra lệnh đốt lều, ngọn lửa bùng lên nổ lộp bộp, đàn vịt sợ hãi kêu ầm ỹ, nhiều con nhảy vào đồng lửa cháy đen, khét lẹt. Bọn lính xô nhau bắt vịt. Đàn vịt của Sen tan đàn. Mỗi thằng, dăm ba con, đút vào túi quần rộng thùng thình dưới đầu gối. Trên đầu súng treo chùm lum những con vịt giấy đánh đập. Chúng nghênh ngang xuống thuyền, trở về đồn Mả Nàng.

Vịt kêu cằng cặc, lẫn tiếng cười khàn khạch vui mừng chiến thắng ra quân trận đầu.

Lão Khiếu giờ gọi là Lý Khiếu, em Lý Khoái “giở nhà ai, quai nhà ấy”. Lý Khiếu đi theo vết xe đổ mà ông anh đã chọn. Được Trần Hâm, quan trên tâng bốc là làng tề kiêu mẫu, cho tiền, cho lính về canh gác. Lý Khiếu vinh váo, khệ nệ hơn Lý Khoái ngày xưa.

Cây cầu khi, đạn moóc-chê bắn gãy thế mà hay, ai vào làng phải đi đò. Qua đò có bột gác khám xét kỹ lưỡng, kê cả bố mẹ bên Khánh Hữu sang thăm con. Nhiều đàn bà bị chúng bóp vú sờ l... kêu toáng lên. Cứ thẳng nào làm được nhiều “trò ấy” là Lý Khiếu thưởng. Lâu rồi chẳng ai thèm sang Bái Môn làm gì. Người làng cũng bỏ nhà, bỏ ruộng xuống biển dong thuyền kiếm ăn. Trai tráng xung vào lính đồn Mả Nàng, làng xóm vắng tanh. Thế là vớ bờ, ai đi khỏi nhà, Lý Khiếu tịch biên ruộng đất vào tay mình luôn. Đau đớn nhất là nhà hộ sinh, đất đai của nhà Bùng đã được dâng lên Thành Hoàng làng. Thành quả của cộng đồng xây dựng lên, đã cứu sống bao người. Vợ con thằng Bằng cũng thoát chết nơi đây; Thế mà Lý Khiếu ra tay chiếm đoạt.

- Ngày mai bà phải đi khỏi nơi này - Lý Khiếu dạng chân trước cửa hách - là dân ngụ cư không ai chứa chấp. Bà đỡ kia hiểu chưa?

- Ô, tôi là dân Khánh Hữu cơ mà, nhà hộ sinh của làng, ông đi hỏi ông bà Tiên ấy. Bà Đỡ ngạc nhiên nói.

Vẫn cái giọng hách dịch:

- Bây giờ khác rồi, không còn tiên với quỷ gì nữa.

- Dù sao thì ông cũng để tôi đỡ hết ca này. Nếu không ông chui vào mà đỡ đi, đẩy đầu nó thò ra khỏi lòn rồi đẩy. Bà đỡ bổ bã đi ra.

Lý Khiếu cuống lên:

- Ô con mẹ này hay nhỉ, tao nói là nói vậy, chứ ngày mai cơ mà.

Bà đỡ lại lý sự:

- Ngày mai có người khác để thì sao?

Lão Khiếu cùn đời

- Thì ngày kia?

- Ngày kia lại có người vác bụng đến nữa?

- Ô cái bướng à - Lão quay ra hô bọn dân phòng - Chúng mày hạ cái biển đỡ để kia xuống, đỡ hết đồ đạc ném xuống ao cho tao, làm nhanh.

Chúng ào ào phá dỡ. Bà đỡ tay bé đưa bé bọc trong chăn, tay dịu sản phụ đi ra. Bà nói:

- Cửa cái của tao là đây, chúng mày vào chiếm đi.

Chị sản phụ nắm chặt tay bà:

- Bà về nhà cháu bà ơi. Ngày xưa ông cháu đã dạy lũ trẻ nho sinh: Người mạnh là người giúp đỡ người khác trên đôi vai gầy của mình đấy bà ạ.

Thôi ta về đi bà.

5

Nghe tin hai vợ chồng Á Bung xuống xuôi mới về, tối hôm ấy cả bản kéo đến đầy nhà, ngồi nghe kể chuyện. Từ khai thiên lập địa đến giờ, người Sán Dìu bản Núi Đèo chưa ai biết biển ở đâu, biển như thế nào. Được nếm hạt muối, được ăn con cá mực là điểm phúc lắm rồi. Á Hiêng thế mà tốt số, lấy được thằng Á Bung giỏi giang lại có nhiều muối. Nghe kể những câu chuyện về làng Khánh Hữu ai cũng vui, ước gì bao giờ Núi Đèo mới được như thế. Á Hiêng chia cho mỗi nhà một nắm muối, một vài con cá khô gọi là có chút quê miền biển. Á Pầu thả cần rọ trong bình, khẽ khà:

- Thằng Á Còi, không về bản tao buồn, nhưng lại mừng cho nó. Vào giải phóng quân rồi, nay mai nó được đeo lon, mặc áo nhà binh. Sướng rồi. Cả bản này có đứa nào được thế không? Người miền biển tốt bụng lắm. Họ ăn nhiều muối với cái tôm, cái cá nên họ có cái óc trong đầu à.

- Không phải thế đâu bà con à - Á Bung phân giải thêm - Ta ở trên núi, họ ở dưới biển. Người xưa đã nói rừng vàng, biển bạc cơ mà. Nhưng vẫn nghèo, vẫn khổ vì bị cướp hết ruộng đất, nhà cửa. Khe Cau của ta màu mỡ tốt tươi, thế mà có được hưởng đâu à.

Á Pầu đứng hẳn lên nói mạnh mẽ:

- Đúng à, muốn ăn củ khoai, củ sắn thì phải có đất mà cấy. Có đất mà lười thì cũng chết đói à. Công binh

xưởng Khe Cau đầy, nước ngập gần một tuần trăng, hồng hết súng đạn. Vì cái đầu của nó không chịu nghe ta à!.

Câu chuyện ấy đến hôm nay dân bản vẫn còn sợ. Chưa bao giờ Khe Cau lại ngập lụt như vậy. Cả thung lũng mênh mông nước. Trời mưa tầm tã mấy ngày liền, nước không có đường thoát, cứ thế dâng lên. Lính binh xưởng chạy toán loạn lên đỉnh núi. Á Pầu đứng trên Núi Đèo gào to “Phải mở rón bọt cho nước chảy đi à”. Rón bọt là gì, ở đâu chẳng ai biết. Người Sán Dìu sống ở Khe Cau, bao đời thì biết. Đất của Tổ tiên để lại cho con cháu linh thiêng lắm. “Hiên như đất”, và cũng “hung như đất”. Trong thung lũng Khe Cau có một cái rón nước hay còn gọi là Rón Bọt nằm tận cùng phía bắc. Rón Bọt thông xuống một dòng sông ngầm trong lòng núi. Từ ngày trời đất sinh ra chưa một ai dám bước chân xuống. Hàng năm dân bản phải làm lễ tế Thần nước, Thần núi, tắm rửa Rón Bọt thông quang cho nước chảy. Công binh xưởng đã không tuân thủ phép trời, phép nước bịt kín Rón Bọt lại. Thiên đình tức giận nổi phong ba bão táp, đổ mưa ngập chìm Khe Cau. May, lúc đó vợ chồng Á Bung và Xoa từ dưới xuôi lên. Là dân miền biển giỏi bơi lội, hai cậu cháu Bung đã nhảy tùm xuống thung lũng bơi ra Rón Bọt, nơi quen thuộc mà Á Bung đã từng làm lễ tế. Ở dưới nước, hai cậu cháu phá từng hòn đá. Một hồi lâu kè chắn cửa rón được mở toang, nước ầm ầm chảy xuống giòng sông ngầm. Công binh xưởng hiện dần, hiện dần, mang trên mình đầy bùn đất.

Ban chỉ huy Công binh xưởng vui mừng, không biết nói gì, chấp hai tay lên trời cùng Á Pầu và mọi người trong bản, tạ ơn trời đất và Thần núi, Thần nước...

Mấy ngày sau, Xoa bất ngờ, được Ban chỉ huy Binh xưởng cử đi học quân y. Thế là toại nguyện. Xoa đã thực hiện được mong ước và lời căn dặn của thầy Lang Tế. Mang những hiểu biết sẵn có của mình để học tập và chữa bệnh sau này.

Từ phiên chợ tình mà A Hoa bị Sênh Sù Dénh bắt cóc, đến nay Á Bung và A Hiêng mới lại đi chợ. Hôm nay chợ đông lắm, mãi đến tối mới có hát soọng cô và nhảy lửa, thế mà từ chiều đã họp. Khắp các nẻo đường chênh vênh trên núi cao, những người dân trong trang phục của dân tộc mình, đã ríu ran, rộn ràng xuống chợ. Những người ở bản xa, cách chợ tình những ba quả núi, bốn năm con suối, thì đi sớm hơn. Các chàng trai, cô gái người Mông, Dao, Giáy, Lô Lô mặc núi đá tai mèo, mặc núi cao suối sâu và những đoạn đường nguy hiểm họ háo hức, họ phấp phồng. Xuống chợ. Đêm nay sẽ là một đêm tình yêu lãng mạn, thăng hoa. Tất cả đều hướng về chợ tình, hướng về người mình đã yêu, đang yêu và sẽ yêu, như hướng về một nghi lễ thiêng liêng, trọng đại nhất. Từ ngày có đời sống mới, chợ tình không phải là của người vùng cao mà cả người miền xuôi lên. Đông đúc. Các anh lính Giải phóng quân, các cô, các chị ở thành thị, tản cư lên. Hàng hóa có nhiều thứ lạ, ai cũng ưa thích.

Á Bung ngồi trên ngựa, A Hiêng đi trước dắt ngựa cho chồng, theo phong tục của người Sán Dìu là vậy. Đường đèo cheo leo, khắp khênh thấy vợ vất vả, Á Bung nhảy xuống bế thốc A Hiêng lên ngựa. Ngựa phi nước đại lúc ắt, lúc hiện trong sương mù bao phủ quanh núi rừng, trông

như đôi thiên thần đang bay lên trời cao. Khi ông mặt trời, khuất sau mồm núi phía Tây, những đồng lửa lớn được đốt lên, những can rượu lớn được mang ra, vừa lúc vợ chồng Á Bung đến chợ. Khác với các lần trước Á Bung đi chợ để tìm A Hiêng. Bây giờ hai người tươi cười, dắt tay nhau vào chợ tràn đầy niềm vui và hạnh phúc. Bọn bè vây quanh, ríu rít trò chuyện về chuyến đi xuống miền biển quê chồng.

Từ đằng xa, một đám đông nhón nháo, chen nhau mua hàng. Người mua một đấu muối, người mua vài ống tép khô. Thấy toàn hàng miền biển quê mình, Á Bung chen vào nhận ra đó là thằng Nho người làng Khánh Hữu. Không biết nó mò lên đây bằng cách nào, lại có muối và cá khô mang đi bán. Ngày còn thuộc Pháp ai buôn muối là bị bắt tù. Bây giờ khác rồi, muối và mọi thứ miền biển đã lên tận rừng thiêng, nước độc.

Á Bung luôn xuống phía sau, đập mạnh vào vai:

- Nho, mày lên bao giờ thế?

Nho giật mình quay lại, hai tay dính đầy muối và tôm tép, ôm chầm lấy Á Bung:

- Anh Bùng, thế là ta lại gặp nhau. A Hiêng đâu?

Mừng rỡ, ba người kéo nhau đi ăn thắng cố.

- Tao phải đãi mày món đặc biệt này. Thắng cố ở quê ta không có đâu. Á Bung nói.

- Nhưng quê mình, có canh cá ớt nấu khế ngon tuyệt vời - Nho quay ra nói với mọi người - Tôi gặp anh tôi rồi, thôi không bán nữa, còn ít muối bà con nào cần tôi biếu, chuyến sau lên sẽ mang nhiều hơn.

Nho đưa tất cả cho A Hiêng mang về phân phát cho dân bản Núi Đèo, hai người vào uống rượu. Nồi thắng cố sôi sùng sục, hơi bốc lên nghi ngút.

- Sao lại gọi là thắng cố hử anh? Nho thấy lạ hỏi.

Á Bung đã nhiều lần ăn và nghe kể rằng: Thắng cố là món ăn đặc trưng, truyền thống của người vùng cao, ra đời cách đây hàng trăm năm. Thịt nấu thắng cố là tất cả nội tạng của con ngựa, đun trong một chiếc chảo lớn, mà phải là chảo cũ. Lấy “mỡ ngựa, rán thịt ngựa”, cho thêm gia vị thảo quả, địa liền, quế, lá chanh. Đun sôi sùng sục hàng tiếng đồng hồ, ăn đến đâu múc ra bát đến đó, vừa thổi vừa ăn mới sướng cái mồm...

Khê khả chén rượu, Nho kể chuyện quê nhà, người này sống, người kia chết. Thế rồi thằng Bằng rước giặc Pháp về xây đồn Mã Nàng. Lập cây đèn biển Cồn Bà. Nhà Bùng bị Lý Khiếu chiếm lại, thế là cái nhà họ sinh, thành quả đời sống mới, ngăn ngui của dân làng bị phá tan tành. Đau thương nhất là vợ chồng anh Cốc. Hôm đó em cũng có mặt nhưng chậm quá, bọn lính Pháp đã chiếm mất Cồn rồi. Nghe kể đến đây A Hiêng hét lên:

- Trời đất ơi, đưa con trong bụng chị Sự thì sao à?

- Hai người, ba thi thể, được đưa về chôn cất ở Hoang Điền. Nho giải thích

- Hôm cưới, chị Sự khóc, Hiêng phải cửi cái váy của Hiêng cho chị ấy mặc, để che cái bụng đấy à!

- Dân làng biết, không chê trách chị Sự mà khen A Hiêng tốt bụng nhiều à.

Nho nói thay cho mọi người, nhưng hàm ý đó là lời khen của mình.

- Sao mày không ở nhà, đánh bỏ mẹ bọn thằng Bằng Thằng Toái đi. Bung tức tối.

- Em làm sao được. Anh theo A Hiêng rồi, em cũng phải kiếm một cô như thế này chứ!. Có phải thế không A Hiêng?

A Hiêng cười hóm hỉnh:

- Được chứ, nhưng phải mang nhiều nón, nhiều muối, nhiều cá tôm lên cho dân bản cơ.

A Hiêng nó trúng, tìm mình đang nghĩ.

- Ủ, mình quên, cái nón hôm nọ A Hiêng có thích không?

- Thích à. A Hiêng giờ tay như cầm vành nón che lên đầu.

Vẫn thái độ suồng sã bản năng của mình, Nho vờ say ôm chằm lấy A Hiêng. Lé tránh, A Hiêng đứng phắt dậy, mắt đã suýt nữa Nho ngã vào nồi thắng cố.

Đó là chuyện thường, Á Bung trầm ngâm suy nghĩ. Thương vợ chồng anh Cốc bao nhiêu, thì căm giận thằng Bằng bán nước bấy nhiêu. Nhà cửa ruộng đất của nhà Bùng đã được Thần linh, Chúa đất và Thành Hoàng làng, chứng giám. Nó chiếm đoạt chắc chắn các ngài sẽ không tha. Đặt mạnh bát rượu, Á Bung buông lời:

- Con voi còn sợ con kiến nữa là!...Uống đi.

Thắng cố lạ miệng, rượu miền núi nhẹ, thấm đậm về sau. Hai người đồng hương trên đất khách lâu ngày gặp

nhau, cứ thế ừng ừng hết bát này đến bát khác. Trước khi đặt bát xuống bàn, Nho còn lấy cuống rau, vét sạch văng nước dùng, sót lại. Chợ sắp tàn, đám hát soọng cô thừa dần, từng đôi trai gái đã kéo nhau ra bìa rừng, trò chuyện riêng tư. Đám đàn ông say rượu lăn ra ngủ. A Hiêng ngồi trông ngựa và đồ đạc cho Á Bung và Nho ngủ, sáng mai về sớm. Nằm vậy thôi, chứ Nho đâu có ngủ. Lân la một hồi, hấn gói được đầu lên đùi A Hiêng. Vừa sợ, vừa nể, A Hiêng để yên cho cái đầu ngọ nguậy trên đùi mình. Tưởng rằng cá cắn câu, hấn xoay người thò hai tay vào ngực A Hiêng. Không chịu được, A Hiêng hất cái đầu hấn xuống bãi cỏ, đánh ạch, đứng dậy. Con ngựa bênh chủ, hí ầm lên, Á Bung hốt hoảng hỏi:

- Cái gì vậy?

- Về thôi sáng rồi. A Hiêng vừa dọn đồ vừa nói.

Thằng Nho giả vờ lè nhè như người say, phả ra mùi rượu và thảng cổ thum thum, chua chua:

- Về...à, anh Bùng, thảng cổ nữa đi. A Hiêng à.

Trời vừa ửng sáng, A Hiêng dắt ngựa, thò guì hàng, hai người lão đảo theo sau xuống dốc về bản Núi Đèo. Tất cả im lặng, nén lòng.

Chuyện đêm qua, cho vào cổ tích.

Sáng nay Công binh xưởng tổ chức tiễn chân Xoa đi học quân y. Về đến nhà A Bung và Nho vội vàng xuống Khe Cau ngay. A Hiêng và các cô gái trong bản tíu tí đi sau. Trông thấy Nho, Xoa lại nhớ cái đêm cùng thầy Lang

Tế đi chống đại dịch thổ tả, vất vả nhưng đã mang lại sự sống cho bao nhiêu sinh mạng. Đúng là dân làng ta, tay bị tay gây, khắp nơi tung hoành.

Công binh xưởng qua mấy ngày ngập lụt, nay đã sạch đẹp, các thiết bị máy móc làm việc bình thường. Ban chỉ huy và các chiến sỹ Công xưởng có mặt đông đủ. A Pầu và dân bản Núi Đèo vây quanh Xoa, người con ra trận. Ông Tướng chỉ huy công xưởng nói:

- Cháu còn ít tuổi, nhưng thông minh và hoạt bát. Ít hay nhiều cũng là chiến sỹ công binh. Đâu cần công binh có, đâu khó có công binh. Hãy cố gắng học tập để trở thành người thầy thuốc phục vụ Công xưởng và bà con dân bản, cháu có hứa thế không nào?

- Vâng ạ.

Xoa bẽn lẽn nói. Mọi người vỗ tay tán thưởng. Á Pầu vui vẻ đỡ lời:

- Đây cái đồng chí chỉ huy, tao định cho nó cái tên Á Xoa họ của nhà tao, như thằng Á Còi đây à. Nhưng không kịp, để nó về à. Việc nhà binh là tối thượng rồi. Con đi mang về nhiều bài thuốc nhé Á Xoa.

Tất cả mọi người cùng vỗ tay, cất tiếng gọi: Á Xoa, Á Xoa...

Vợ chồng Á Bung và A Hiêng lên rẫy trồng ngô, Nho ngồi bậu cửa, bàn thân nghĩ về thằng Xoa được đi học quân y. Số nó hên thật, còn mình bậc đàn anh, mà làm gì cũng hỏng. Mấy hôm nay A Hiêng giận, không thèm nói năng gì. Không hiểu Á Bung đã biết chưa? nếu biết, chỉ có con đường chuồn. Đang suy nghĩ lung tung, một tốp các

cô gái trong bản líu ríu, cười nói đi qua. Chẳng hiểu họ nói gì, rủ nhau đi đâu, tò mò Nho rón rén đi theo. Qua một cánh rừng đến con suối, nước từ trên cao ào ào đổ xuống, len lỏi vượt lên những hòn đá to nhỏ, bọt bay tung tóe tạo thành một dòng sông trong vắt. Các cô gái dặt tay nhau ủa xuống. Thật là tài tình, ngay từ những bước đầu tiên lội xuống, chiếc váy xoè dần được nâng lên theo nhịp chân bước. Nước dâng lên đến đâu, chiếc váy được vén dần lên đến đó; Cho đến khi toàn bộ cơ thể, khoe làn da trắng ngần, trắm mình trong dòng nước mát, thì váy áo đã nằm trên đỉnh đầu. Ôi như những nàng tiên giáng trần. Dòng nước trong vắt, chảy nhẹ nhàng chỉ vừa đủ, để khiến mặt suối lặn tẩn, gợn sóng. Như một bức màn the, mỏng dính, ngăn những ánh mắt tò mò của những chàng trai nhòm ngó. Từ lâu dân bản quan niệm rằng, người ốm đau, bệnh nặng, chỉ cần ngâm mình trong dòng nước là sẽ thuyên giảm. Bởi nước suối sạch, tinh khiết chảy từ khe núi đá, dòng lưu thông liên tục không gợn vẩn đục, hôi tanh.

Tiếng cười nói của các cô, rộn ràng vang khắp cả đại ngàn, khiến núi rừng thêm lung linh huyền ảo. Nho lấp sau gốc cây nhìn xuống, tim đập thình thịch, đôi mắt mở to, mồn há hốc, chân tay ngứa ngáy như muốn nhảy bổ xuống. Bất thành linh một cú đánh như trời giáng vào lưng và cổ áo bị túm chặt. Nhiều tiếng nói líu ríu, Nho không hiểu họ nói gì. Ngược mắt nhìn lên thì nhận ra họ là con trai bản Núi Đèo.

Các cô gái ở dưới suối chạy ồ lên, xem mặt kẻ nhìn trộm. Nhận ra anh chàng bán muối ở dưới xuôi.

Tất cả trai gái, hò nhau nén tùm xuống suối.

6

Trời nhá nhem tối, gà đã lên chuồng. Hai mẹ con thằng Quốc bốn ngón, trùm áo tơi đi nhanh qua cổng nhà thầy Lang Tế, vụt ra đường. Bước vội vã để người làng không ai nhìn thấy. Ra khỏi làng, đến chân cầu vào Bái Môn đã có thuyền của Lý Khiếu chờ sẵn đưa hai người đến đồn binh Mã Nàng. Từ ngày lập làng tề, cầu bị phá hỏng, đi thuyền trên sông Nê là con đường duy nhất, an toàn cho Lý Khiếu đi về. Được tin thằng Bằng con rể bà Cả Trường theo Tây, lập đồn Mã Nàng, lại cầm chức Đồn trưởng. Ông Lý Khiếu giữ chân Lý trưởng, thu về được bao nhiêu đất đai bị cánh nhà Tiên Hách làm loạn. Dân làng bỏ đi hết, thằng Toái đấy, đồ đệ bao lâu nay cũng không chịu nổi. Thằng Bằng thu nạp phong cho chức quan một. Rồi thằng Nho bỏ làng trốn biệt. Còn con trai mình, chỉ trồng cây gạo trên đất nhà nó, mà nó chặt luôn một ngón tay. Thế có điên không, chịu sao nổi với lũ người này. Nghĩ liên miên mất ăn mất ngủ, bà Quốc (Bà Hương chồng chết gọi tên con) tính kỹ, chỗ nhà mình với Lý Khiếu và bà Cả Trường dù sao cũng là thân quen. Hồi ông Hương Cán còn sống, đã cống cho Quan tri huyện Nguyễn Quan Trường năm mẫu ruộng thượng đẳng điền để giữ chân lý trưởng là gì. Mình đã “cho đi” bây giờ phải “đòi lại”. Cứ chờ thì biết bao giờ mới có lời “cám ơn”. Nhất định là vậy rồi, cho thằng Quốc vào binh đồn, không phải nói một lời, chúng nó nhận ngay. Lúc này, thằng Quốc mới có dịp trả thù bọn

giả danh đời sống mới. Nghĩ vậy, tối nay hai mẹ con quyết dẫn nhau đến đồn, sớm lúc nào hay lúc ấy.

Đồn trưởng Bằng tiến sát vào thằng Quốc, ra lệnh:

- Đưa tay tao xem.

Quốc rút rề, bàn tay trái ôm chặt bàn tay phải bốn ngón, nhẹ nhẹ rề hai bàn chân. Bằng quát:

- Lính tráng gì mà nhát như cáy, lại đây.

Bà mẹ thấy vậy, đẩy Quốc lại gần, đỡ lời:

- Đây cậu xem, từ lúc nó cắt ngón tay đến giờ là hũ hết hồn. Thế có ác không chứ?

Cầm bàn tay Quốc, Bằng hỏi:

- Có bóp cò được không?

- Được ạ, em còn ngón tay trở. Quốc mạnh dạn dần, trả lời.

Bằng đưa khẩu súng không có đạn, lên lòng sẵn cho Quốc và ra lệnh:

- Bắn thử tao xem.

Cầm khẩu súng, Quốc giơ lên và bóp cò tành tạch. Bằng cười vang:

- Tốt, tốt chỉ cần tay bóp cò và cái đầu lạnh là ta chiến thắng, chú em nghe rõ chưa?

Bà Quốc hân hoan ra mặt:

- Đúng là, giò nhà ai quai nhà ấy - Âu yếm bà nói tiếp - Cháu này, cô bảo nhé. Có được cái đồn này là công của cháu nhiều. Chắc cũng tốn kém lắm, tiền ăn, tiền tập, tiền súng đạn. Cô có một mẫu ruộng ngay cạnh đồn Mả Nàng,

cháu cứ cho binh lính cày cấy lấy thóc gạo mà ăn. Gọi là có chút, cho cô góp với nhé.

- Thế là phải, binh lính có lương lậu gì đâu. Có đất là có tất cả.

Nói rồi, đồn trưởng Bằng cho nổ một tràng liên thanh lên trời, hộ tống bà Quốc xuống thuyền...

Mọi việc xong xuôi yên ổn, sáng hôm sau bà Quốc vội vàng sang nhà ông Tiên, chưa bước chân vào cửa đã cất giọng hốt hoảng:

- Bẩm ông, soi xét cho nhà tôi xem thế nào, chứ thằng Quốc nó đi mất tích rồi. Trời ơi là trời!

- Làm sao, bà nói kỹ xem nào?

- Tôi chẳng biết nữa, hơn một mẫu trồng nếp bọn tây đồn Mả Nàng chiếm, con thì nó bắt mất rồi. Khổ thân con tôi, trời ơi bây giờ con ở đâu!

- Thôi được rồi, để tôi cho du kích đi tìm.

Nói đến du kích bà Quốc sợ, vội xua tay:

- Không được, du kích bắn chết con tôi thì sao?

- Sao du kích lại bắn dân, chỉ có theo Tây mới bắn chứ. Vậy con bà theo Tây à? Ông Tiên vặn lại.

- Ông nói thế mà nghe được à? chẳng cần.

Bà Quốc bốn ngón quay ngoắc ra cổng, chửi đồng “Ông cầm cờ xanh đứng canh đầu ngõ, ông cầm cờ đỏ đứng tỏ đầu giường, bắt lấy tên, biên lấy tuổi thằng liên ông cho chí con liên bà, mày ra tay mặt, mày lật tay trái, mày bắt thằng Quốc con tao. Nhà mày chết chìm lằm lằm, chết đăm lìm lìm, chết đêm không ai hay, chết ngày không

ai biết. Nhà mày chết cho cú kêu ra, ma kêu vào. Nhà mày chết cho người ấy khiêng ra, người trong nhà nằm xuống. Nhà mày chết tan như tro, chết vò như trấu, chết ngầu như rơm, chết không ai đơm ai cúng. Cha năm đời, mười đời, đôi ba mươi đời nhà mày. Bà còn đào mồ cuốc mả, khai quật bật sáng nhà mày lên, bà không tha cho mày đâu!”

7

“Tình hình khẩn cấp, không khéo nay mai thằng Bằng cầm quân tràn cả sang Khánh Hữu”. Ông Tiên nói ngay, khi gặp Thắng và Hạnh Mỹ. Nhận định ấy chắc chắn sẽ xảy ra, cho nên hai người được lệnh về ngay Khánh Hữu. Ông Tiên cho thằng Bồng kín đáo gọi Tráng và tất cả trai làng về đình. Anh Thắng nói:

- Công việc đầu tiên là phải ngăn chặn người chạy sang làng tề, vào đồn Mả Nàng, đi lính cho giặc. Không để ruộng đất rơi vào tay bọn nhà giàu và quyền thế. Đã mất đất thì dầu rơi máu chảy, cũng không giành lại được. Bao đời nay là thế.

Ông Tiên ra lệnh:

- Chú cháu nhà Lý Khiếu đã chiếm gần chục mẫu ruộng Mả Nàng rồi. Khánh Hữu đã có nhiều người chạy theo giặc. Phải nhanh chóng rào làng lại, chỉ để một cổng duy nhất ra vào. Ngày đêm có người canh gác cẩn mật do Còi chỉ huy. Mặt bờ biển Tráng giăng thuyền ngăn không cho thuyền lạ và người đổ bộ lên. Tất cả phải sẵn sàng đánh trả, nghe rõ chưa?

Mối thù truyền kiếp, sắp sửa có thể xảy ra giữa hai làng. Đất liền đất, sông liền sông vừa mới được nối lại. Bây giờ Bái Môn mạnh hơn vì thêm Cao Đồng và Đồn binh Pháp có súng đạn yểm trợ. Nhưng Khánh Hữu không sợ, bộ đội cụ Hồ do anh Thắng chỉ huy đã về đóng quân ở

nhà Thầy Lang Tế. Súng chọi súng. Ông Tiên thấp hương, mở cung cấm lấy con ốc tù và của người đánh cá làm hiệu lệnh. Khi có chiến sự tất cả đàn bà trẻ con phải xuống hầm trú ẩn. Chúng chỉ dám đi càn ban ngày, ban đêm rút về đồn, rượu chè phê phỡn. Quân ta ở bên này ban ngày nghỉ ngơi, ban đêm bắt đầu tiến đến gần đồn quấy rối. Chặn hết các ngã đường tiếp tế lương thực.

Từ ngày lập các làng tề theo dọc bờ sông Cái, Trần Hâm được phong làm tỉnh trưởng. Nhưng không có công sở và các quan lại, hai vợ chồng phải ăn nhờ ở đậu đồn Mả Nàng. Lý Khiếu cũng sợ, đêm đêm lại tự chèo thuyền theo Trần Hâm vào đồn. Mấy lần Còi đột nhập vào nhà đều không bắt được. Biết đường đi lối lại, lần này Còi quyết tâm tiêu diệt. Sông Nê quá quen thuộc, chỗ nào nông sâu, rẽ ngang rẽ dọc Còi thuộc như lòng bàn tay. Hơn thế nữa sông Nê gắn bó bao yêu thương và đau khổ. Nhá nhem tối Còi đã lên đầu nguồn, lặn xuống đội một mảng bèo tây lớn cho dòng nước xuôi về phía cầu Bái Môn. Đến đoạn giữa cánh đồng vắng thì dừng lại lên bờ ngồi mai phục. Dưới ánh trăng mờ đục, không gian yên tĩnh chỉ còn nghe thấy tiếng mái chèo khua nước bì bõm. Chờ cho thuyền của Lý Khiếu đi tới, từ trên bờ Còi bơi ra giữa sông, bám vào thành, nhanh chóng leo lên thuyền. Bất ngờ, Lý Khiếu chưa kịp kêu thì đã bị Còi nhét dẻ vào mồm, trói hai tay, trùm tấm lưới, gói chặt. Con thuyền chao đảo một vòng rồi nhanh chóng quay đầu chạy ra biển. Ngoài cửa biển đã có thuyền lớn đứng đợi. Thuận được phân công, chở Lý Khiếu ra khơi xa. Kết thúc cuộc đời kẻ “ăn đất”. Còi thả con thuyền của Lý Khiếu bập bênh trôi theo.

Mấy hôm sau mới hay tin, Bằng điên lên, Trần Hâm ra lệnh mở trận càn vào Khánh Hữu, bắt sạch, giết sạch. Lục soát thu giữ toàn bộ văn tự đất đai của làng Khánh Hữu xung công, nuôi quân lính. Đoán được tình hình, Ông Tiên đã cho dân làng tản cư sang các làng lân cận từ hôm trước. Sau loạt đạn Moóc chệch mở đường, bọn lính Mả Nàng tiến vào. Tráng thối tù và liên hồi. Thằng Bổng leo lên tháp, đánh chuông chùa báo động. Thắng, Còi nhanh chóng ra chắn giữ cổng làng. Từ trong bụi tre Thắng nhìn rõ, đi đầu có ba tên, theo sau là thằng Toái, lăm lăm tay súng hùng hổ tiến vào. Sầm, ba tên đi đầu tụt xuống hố chông la hét. Toái hoảng sợ cầm đầu chạy về. Một loạt súng liên thanh yểm trợ, mãi tận chiều vẫn không có một tên nào đến giải thoát. Thế là chúng bị dân Khánh Hữu bắt làm tù binh.

Trận đầu thắng lợi, thầy Lang Tế và ông Tiên vui mừng đón Thắng cùng anh em du kích về chặt ních sân nhà. Ông Tiên chúc:

- Vạn sự khởi đầu nan, mưu mẹo của anh Thắng giỏi. Không cần súng đạn cũng làm chúng hết hồn.

Lý Khiếu chết, cả làng Bái Môn nhón nháo. Đồn trưởng Bằng cho quân đi tìm, chỉ thấy con thuyền dạt vào bãi sù, còn người mất tăm. Mở trận càn vào Khánh Hữu thì thất bại, ba tên lính đã bỏ mạng. Trần Hâm và Bằng co cụm vào đồn nằm chờ viện trợ.

Thừa cơ, Thắng và Còi tiến sang chiếm lại Bái Môn, xóa làng tề giành lại đất đai. Thắng Tuyên con trai Toái ở ngôi nhà chiếm được của vợ chồng Tráng, hốt hoảng bỏ chạy theo đường biển vòng về đồn Mả Nàng. Nhà hộ sinh cho dựng biển to hơn và đẹp hơn, Hạnh Mỹ và Na được giao phụ trách. Na bế con theo, Còi sang chỉ huy đội du kích, hai vợ chồng ở tạm nhà hộ sinh cho tiện. Sau khi chiếm được, cánh nhà Lý Khiếu đã cho phá hỏng đồ nghề và các phương tiện vừa trang bị cho nhà hộ sinh. Hạnh Mỹ phải mua sắm và xây dựng lại, đồng thời cho người đi tìm bà Đỡ.

Người ta đồn rằng: hôm Lý Khiếu và lính đồn Mả Nàng đuổi ra khỏi nhà, bà Đỡ tay bế đứa bé bọc trong chăn, tay diu sản phụ về nhà. Chăm sóc cho mẹ con đứa bé được ít ngày, cứng cáp rồi bà đi. Không ai biết bà đi đâu, ở đâu, nhưng bà đỡ đẻ cho ai, thì biết. Chỗ nào có tiếng khóc chào đời, bà ở đó, chẳng kể người giàu, người nghèo hay kẻ thù, kẻ hận. Quả không ngoa, cái lần Y Vân vợ đồn trưởng Bằng đau đẻ con so, hẳn đã đưa vợ đến nhà

hộ sinh, bà Đỡ và mọi người tập trung cứu, mẹ tròn con vuông. Lần này Y Vân đau đẻ, ở ngay trong đồn Mả Nàng, toàn quân lính ai làm được việc này. Bằng đã phải ngâm đắng nuốt cay, muối mặt, cho người đi tìm bà Đỡ. Hai tên lính cải trang thành ngư dân đánh cá, trà trộn vào chợ hời, không ai biết. Chán chường, quay về đến cánh đồng Mả Nàng, gặp bà đang mót lúa. Hai tên lính bắt về đồn, bà khẳng khái nói: “Tao ăn cắp lúa, cướp nhà, cướp đất của người khác, chúng mày bắt, thì tao chịu. Đây chúng mày mời tao đi đỡ đẻ, làm việc nghĩa thì phải mang vống điều đến mà rước tao chứ. Chúng mày về bầu với quan nhà mày, là như thế!”. Hai tên lính chịu thua, vội vàng về tâu với đồn trưởng Bằng. Hấn tức giận gầm lên, rồi đành phải ra lệnh, mang cáng điều của quan tỉnh trưởng Trần Hâm ra đón bà. Biết con gái mình lâm bồn, bà Cả Trường xum xuê, đơn đả phục dịch. Hồi hộp, chờ cho tiếng khóc chào đời cất lên, con thằng giặc ra đời, mẹ tròn con vuông. Hai mẹ con nhà Cả Trường bịt mắt ấn đẻ vào mồn bà Đỡ, cho lính dẫn đi. Ra giữa dòng sông Nê, chúng ném bà xuống sông. Mấy hôm sau, những người đi biển, thấy xác bà nổi ở cửa sông vớt lên khâm liệm, mặc lại quần áo cho bà, trong ruột tượng có viên mực tàu đen. Đoán già, đoán non, nhưng theo kinh nghiệm xưa, khi đứa trẻ ra đời, người ta thường đánh dấu chàm đỏ hoặc đen để biết kiếp sau nó nhập vào ai. Thì ra vậy, bà đã quệt mực tàu lên lưng thằng bé này, đánh dấu cho kiếp sau, bốn đời nội ngoại nhà nó là giặc, hãy tránh xa.

Được tin, ông Tiên cho người đi tìm và mang thi hài bà Đỡ về đặt trong nghĩa địa Hoang Điền. Làm lễ giải oan

và rung lên một trăm linh tám tiếng chuông chùa, đưa bà về cõi vĩnh hằng.

Mở lại nhà Hộ sinh, bệnh nhân đầu tiên không phải bà đẻ mà là ba thằng giặc bị tụt xuống hầm chông. Một thằng Tây đen và hai thằng lính ta. Hạnh Mỹ trò chuyện với thằng Tây đen được đôi ba câu. Nó nói rằng: “Quê ở Ma Rốc. Nhà nghèo, đất khô cằn, nắng nóng không trồng được ngô, không có ăn, quanh năm đói. Thực dân Pháp bắt làm nô lệ, cho ăn bánh mỳ, đưa sang An Nam, nó bảo bắn thì bắn, có biết ai vào ai. Chúng mày đào lỗ đánh lừa, tao không biết bước vào ngã xuống, cây tre nhọn đâm vào đùi đau lắm. Cho tao ăn và bôi thuốc, hết đau rồi. Trả tao về, không có thằng đồn trưởng nó giết...”. Thấy năn nỉ, ông Tiên ra lệnh, đêm hôm đó cho người dẫn ra đường, thả nó về đồn Mả Nàng. Ông bà Lang Tề gói cho ba liều thuốc để nó bôi cho khỏi hằn vết thương đùi. Còn hai người lính kia là người làng ven sông Cái, lần ấy bị tàu chiến tuần tra bắt được. Mất cả thuyền cả lưới, không nhà, không cửa, chúng ép cầm súng ra trận, thì phải theo. Thương tình, ông Tiên cho sửa chữa lại thuyền của Lý Khiếu, chiến lợi phẩm thu được và cấp thêm lương thực để họ tìm đường kiếm sống. Thế là thoát nạn cầm súng, hai người quỳ sụp, lạy cụ Tiên rồi rít, rồi dong thuyền ra khơi xa, kiếm ăn.

9

Về đến đồn Mả Nàng, thằng Tây đen khai vống lên, làm vợ chồng Trần Hâm và đồn trưởng Bằng sợ hết hồn. Nào là: quân bên nó đông lắm, nhiều súng lắm, thóc gạo nhiều vô kể, ăn no lại có thuốc chữa bệnh, không như lính đồn ghẻ lở và đầy chấy rận. Nó còn khuyên mọi người, vứt súng đi, đánh nhau làm gì, trả tao về Ma Rốc, tao biết cách trồng cây ngô rồi, có đất là có ngô, ăn no...Đồn trưởng Bằng định rút súng cho nó một viên đạn thì Trần Hâm ngăn lại:

- Không được, hãy dùng nó làm con mồi.

Mấy hôm sau thằng Tây đen lững thững đi vào Bái Môn, Còi và Hạnh Mỹ đích thân nói chuyện, nó kể: “Tao ở trong đồn đói lắm, toàn ăn bánh mỳ khô, cho tao một bát cơm muối vừng”. Ngồi ăn ngon lành, nó tiếp tục kể: “Đêm qua thuyền từ sông Cái vào đón vợ chồng Trần Hâm và mẹ con thằng đồn trưởng Bằng. Bốn thằng lính chúng tao phải vác đồ ề cỗ cho nhà nó xuống thuyền. Một thằng không may ngã, làm vỡ cái tráp sơn đỏ, tưởng tiền hóa ra toàn giấy tờ cái con khỉ gì mà nhiều lắm. Trần Hâm đá thằng lính ấy lộn nhào, chửi “Tổ sư mày, thế là nát hết văn tự nhà đất của tao rồi”. Thằng lính ấy cũng to gan cãi “Tưởng tiền, chứ đồng giấy lộn này, thêm”. Sợ lộ, không dám to tiếng Trần Hâm cúi đầu nó xuống bùn rồi vợ vội đồng “giấy lộn” xuống tàu. Về sau nó thú thật, cố tình đánh vỡ để kiếm mấy quan tiền nhưng chẳng được mẹ gì. Túi tiền

thì con vợ nó giữ. Thấy động cả nhà chạy trốn mang theo đủ thứ, ăn mấy đời cũng không hết.

Nước cò, dùng thăng Tây đen làm con mồi, hóa ra lại là con dao hai lưỡi. Chuyện thăng Tây đen kể, vợ chồng Trần Hâm thật là to gan, mang hết văn tự đất đai đi để đổi lấy cái ghế tỉnh trưởng, rồi đưa quân tiếp viện cho Mả Nàng. Tin này nếu có thật thì rất nguy hiểm, Anh Thắng cho triển khai ngay phương án chiến đấu. Còi luôn theo đường tắt ra sông Cái đánh chặn thuyền của Trần Hâm. Mẹ con Na chuyển về nhà ông bà Tiên. Hạnh Mỹ di chuyển hết trang thiết bị y tế về đình Khánh Hữu. Đóng cổng làng Bái Môn không cho chúng chiếm lại...

Máy bay “ba càng” từ ngoài biển về về bay vào, đen trũi lừng lững trên đầu. Thăng Bổng gõ keng báo động liên hồi như vỡ đê. Khiếp hoảng cả làng nhón nháo, lần đầu tiên mọi người nhìn thấy máy bay. Lâu nay chỉ nghe nói, có ai nhìn thấy bao giờ. Người bạo thì ngửa mặt lên trời xem. Người nhát thì chui rúc lung tung vào bụi tre, bụi chuối. Cả gầm giường, gầm chõng tiện đâu chui đấy.

Khi Còi đến bờ sông Cái thuyền của Trần Hâm được tàu chiến yểm trợ đưa vào sở chỉ huy ở bờ bên kia. Ngay lập tức nó mở cuộc tấn công Khánh Hữu bằng không quân. Máy bay “ba càng” lượn một vòng, nghiêng cánh trút xuống hai quả bom Na pan. Những khối lửa khổng lồ và khói đen bốc lên che kín cả làng, bao nhiêu người và nhà cửa nằm trong đó. Đám cháy lần này to hơn rất nhiều đám cháy nhà Tráng mà quân Nhật đốt năm nào. Ngọn lửa cháy rừng rực, nổ nập bập, lèo xèo từ nhà nọ lan sang nhà kia. Tiếng kêu thảm khóc “Cháy, cháy rồi làng nước ơi”.

Nhiều người như cây đuốc sống, càng chạy càng bốc sáng, nhảy tùm xuống ao, xuống ruộng. Bà Quốc bốn ngón, la hét đầy đàn đạch ở bên gốc cây gạo, rồi từ từ nhắm mắt. Thăng Nho vớt hai thùng cá giống tung tóe ra đường, lửa bén tóc cháy trụi, chui vào khóm chuối. Từ ngày nó bị bắt quả tang nhìn trộm đàn bà tắm suối, xấu hổ không dám lên mạn ngược buôn muối, quay sang buôn cá giống. Mồn mếp như nó làm gì cũng được, cứ lem lém đếm: “Mười một mười hai, cá này giống tốt tám ba, tám tư” thế là ăn gian được bấy chục con rồi. Ai cũng biết vậy, nhưng lại rất thích mua của hăn để còn nghe đếm như hát hay, sáng nay chưa bán được con nào, đến đây thì bị nạn.

Thật kinh hoàng, ngôi nhà ngang của thầy Lang Tế, bốc cháy ngùn ngụt, mọi người ra sức, mức nước ao, nước sông, gậy gộc đập tung tóe vẫn không sao cứu nổi. Khi tiếng bom ngừng nổ, máy bay đã đi xa, tất cả đổ đi tìm nhau. Thầy Lang và Thanh, ngoi lên từ dưới ao bèo, bờ tre chung quanh còn đang âm ỷ cháy. Lúc đó Bà Lang đang giã gạo ở nhà ngang, ngọn lửa bao vây tứ phía, mái nhà sập xuống, vùi bà trong đồng lửa. Thanh gào thét, tìm cách cứu Mẹ, chân tay bỏng rát. Các anh Thuận, Mộc, Tồn và trai tráng trong làng vượt qua đồng lửa vào khênh Mẹ ra ngoài. Hạnh Mỹ từ nhà Hộ sinh chạy về, ngất xỉu bên thi thể Mẹ. Lúc lâm nguy, Mẹ ngồi tựa vào tường hai tay chắp trước ngực cầu Trời, khấn Phật. Mười đầu ngón tay, hai hàm răng, cháy trụi, toàn thân vàng nộm, khét lẹt. Khi khâm liệm, người ta phải kéo thẳng chân tay, mới đặt được vào quan tài.

Thầy Lang Tế vô cùng đau khổ, nói với dân làng trong nước mắt: “Chiến tranh loạn lạc thế này, không ai học được chữ ngữ. Để cho mẹ cháu yên lòng nơi chín suối, xin dân làng rộng lượng cho phép cháu Thắng được nhận khăn tang và khóc lòi, gọi mẹ. Như thế này không phải lẽ. Xin được tha thứ, xin đa tạ.”. Ông Lang Tế cúi lạy hai vái. Anh Thắng quấn khăn tang lên đầu cùng Hạnh Mỹ, Thanh và ba em nhỏ quỳ trước linh cữu lạy mẹ. Anh Hanh, con cả, không có mặt vì đang chiến đấu ở nơi xa. Cả dân làng Khánh Hữu tiếc thương. Dù không phải họ hàng, con cháu đều tình nguyện chịu tang, kêu khóc gọi Mẹ. Tưởng nhớ công ơn bà đã cưu mang qua nạn đói, qua đại dịch tả.

Ông Tiên buồn rầu đọc lời tiễn: “Bà đã cho chúng tôi rất nhiều, nhưng không bao giờ mong chờ đền đáp. Bà đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều, nhưng không bao giờ chờ nói lời cảm ơn. Giờ phút đau thương này, toàn dân Khánh Hữu, thành kính thiết lễ kỳ siêu, ngõ hầu báo đáp công ơn của Bà. Cả đời vì chồng, vì con chưa một ngày hưởng phước; tới khi mặt trời ló rạng sau mây mù, lại chẳng thấy ngày đoàn viên, thực xót xa khôn xiết. Dù biết ở đời vô thường biến đổi, chúng tôi cũng không nén nổi sự xúc cảm, bi thương. Từ đây Khánh Hữu, vĩnh viễn mất đi dáng hình của Bà với lòng thương bao la, rộng sâu như trời biển. Bà đã viết lên những trang cổ tích, bằng cả sự nhọc nhằn, sự đau đớn, bằng nước mắt, mồ hôi và bằng cả cuộc đời của Bà. Càng nghĩ đến Bà, chúng tôi càng mang nặng nỗi nhớ tiếc dâng đầy trong tâm não. Càng Thương bà chúng tôi càng cố gắng tài bồi công đức, thành tâm trừ nguyện kinh văn, nguyện cầu chư Phật mười phương, chư

Thánh hiền từ bi gia hộ chứng minh, nhằm hồi hướng cầu siêu cho Bà được vắng sinh về cõi tịnh độ.”.

Tiếng khóc rân ran, vang xa đến tận chân trời cuối biển...

Trong khi đó, ngoài cổng làng, tiếng keng báo động vang lên. Thằng Bồng, cảnh giới phát hiện từ đằng xa quân giặc đang ồ ạt kéo đến, súng ống trong tay đàng đàng sát khí. Lực lượng Khánh Hữu quá mỏng, Còi từ sông Cái chưa về. Tráng, Bồng và một số tay súng không chống cự nổi, tiêu diệt được thằng này, thằng khác vượt lên. Lấy thịt dê người, chúng giật tung cánh cổng làng, xô vào. Thằng Quốc bốn ngón, hung hăng về làng, tìm xác mẹ. Chúng lũng sục khắp nơi. Súng hết đạn, Tráng dùng mã tấu, giáp lá cà, hai thằng địch xông vào bắt được.

Phía nghĩa địa Hoang Điền, cánh quân do thằng Toái cầm đầu đã bao vây chặt. Mọi người đang dự tang lễ, chạy toán loạn ra bãi biển. Trong lúc nhốn nháo thằng Quốc bốn ngón cùng bọn lính xông vào đào bới các nấm mồ vừa chôn xong để tìm thi thể mẹ nó. Sáu thằng vội vàng vác chạy về nghĩa địa gia tộc chôn bên cạnh chồng - Hương Cán. Ông Tiên can ngăn, không cho làm điều bất nhân, thằng Quốc chống cự và bắt ông dẫn giải về sân đình. Chúng thay nhau đánh đập bắt phải nộp tất cả sổ đình, sổ điền của các làng nhằm thu tóm toàn bộ vào tay mình. Nhất mực ông không khai, không nộp. Thằng Bằng cho đập phá hậu cung để tìm, không thấy. Tức tối vì mất nhà, mất đất, mất miếng ăn, thằng Toái giơ thẳng dao, chém

đầu ông Tiên. Thủ cấp văng lăn lóc, một thẳng nhật, bêu lên cây tre cắm giữa sân đình. Đầu roi máu chảy trong tiếng la hét, âm ỹ như vỡ chợ. Chưa ngừng bàn tay man rợ, chúng đào lỗ trên bãi cát, đẩy Tráng xuống lấp đến cổ, cho trâu kéo bừa xé nát thân thể. Một lần nữa, bãi cát lại nhuộm đỏ máu của dân làng Khánh Hữu.

Màn đêm, tang tóc buông xuống, bao trùm khắp xóm làng.